**HỌC PHẦN III: QUÂN SỰ CHUNG**

**BÀI 1: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT, HỌC TẬP, CÔNG TÁC TRONG NGÀY, TRONGTUẦN**

**1. Chế độ học tập và làm việc trong ngày**

1.1. Quản lý bằng chế độ

Trong thực hiện nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu (SSCĐ) của quân đội cho thấy: 11 chế độ trong ngày, 3 chế độ trong tuần đã thể hiện cao độ tính khoa học nhằm duy trì các hoạt động trong ngày, trong tuần của quân nhân. Với tính liên tục của 11 chế độ trong ngày, quân nhân không chỉ được học tập, huấn luyện, rèn luyện, vui chơi một cách khoa học mà còn bảo đảm cho toàn đơn vị hoạt động thống nhất, chính quy, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý kỷ luật của mỗi đơn vị.

Khi duy trì nghiêm các chế độ trong ngày thì cán bộ các cấp, nhất là tiểu đội trưởng, trung đội trưởng, vừa có điều kiện nắm chắc chất lượng thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, vừa hiểu được đặc điểm tính cách, diễn biến tâm lý của mỗi quân nhân, từ đó có biện pháp quản lý phù hợp, hiệu quả. Đơn cử, nếu kiểm tra, nắm chắc việc thực hiện chế độ ngủ nghỉ, cán bộ có thể phát hiện được tâm lý bất thường của những chiến sĩ không thực hiện chế độ này, từ đó kịp thời tìm hiểu nguyên nhân, đề ra biện pháp giải quyết, giúp chiến sĩ yên tâm, gắn bó với đơn vị và thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Hoặc khi thực hiện chế độ “điểm danh, điểm quân số”, cán bộ có điều kiện quản lý chắc quân số của đơn vị và ngăn ngừa các hiện tượng vi phạm.

1.2. Mười một chế độ học tập và làm việc trong ngày

1. *Chế độ sáng treo Quốc kỳ*

Các đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên, khi đóng quân cùng trong một doanh trại phải tổ chức treo Quốc kỳ hàng ngày ở một vị trí trang trọng nhất. Các đại đội, tiểu đoàn và tương đương khi đóng quân độc lập thì tổ chức treo Quốc kỳ trên sân chào cờ, duyệt đội ngũ của các đơn vị. Thời gian treo Quốc kỳ lúc 6 giờ, thời gian hạ Quốc kỳ lúc 18 giờ hàng ngày.

1. *Thức dậy*

* Trực chỉ huy và trực ban phải thức dậy trước 10 phút, để trực tiếp ra hiệu lệnh báo thức và đi kiểm tra đôn đốc mọi quân nhân trong đơn vị dậy đúng giờ.
* Khi có hiệu lệnh báo thức mọi quân nhân phải dậy ngay, rời khỏi phòng ngủ để ra sân tập thể dục hoặc chuẩn bị sẵn sàng công tác.

1. *Thể dục sáng*

* Đúng giờ, mọi quân nhân trong đơn vị phải tập thể dục sáng, trừ người làm nhiệm vụ, đau ốm được chỉ huy trực tiếp cho phép.

+ Thời gian tập thể dục sáng là 20 phút.

+ Trang phục do người chỉ huy đơn vị qui định thống nhất, theo thời tiết và điều kiện cụ thể.

* Nội dung tập thể dục theo hướng dẫn của ngành thể dục, thể thao quân đội. Trung đội hoặc đại đội và tương đương là đơn vị tổ chức tập thể dục.
* Tập thể dục có súng phải khám súng trước và sau khi tập.

*\* Phân tích*

* Ý nghĩa: nhằm rèn luyện cho mọi quân nhân có sức khỏe bền bỉ, dẻo dai, thể lực tốt để vận dụng trong hành quân xa, mang vác nặng, đảm bảo sức khoẻ lao động chiến đấu cao.
* Nội dung: Tập 4 bài tay không hoặc có súng.

+ Các bài võ thể dục và nội dung liên quan.

+ Tập các bài có súng.

+ Thời gian phân chia cụ thể như sau: Thứ 2 và thứ 6 tập 4 bài thể dục tay không; Thứ 3 chạy dài; Thứ 4 tập các bài võ thể dục; Thứ 5 chạy vũ trang.

* Biện pháp:

+ Tổ chức theo đội hình trung đội do trung đội trưởng trực tiếp duy trì, trang phục áo lót, quần dài, giày vải.

+ Phương pháp tập lần lượt từng động tác cụ thể.

\* Người duy trì tập hợp đội hình, hô khẩu lệnh thu giãn đội hình và tiến hành hô tập từ bài 1 đến bài 4 (thể dục tay không) thời gian tập là 20 phút, tập xong hô khẩu lệnh.

1. *Kiểm tra sáng*

* Kiểm tra sáng được tiến hành hàng ngày (trừ ngày nghỉ và ngày chào cờ). Tổ chức kiểm tra ở tiểu đội, trung đội và tương đương. Nội dung kiểm tra theo lịch thống
* nhất trong tuần của đại đội và tương đương. Kiểm tra ở cấp nào do cán bộ chỉ huy ở cấp đó điều hành. Khi kiểm tra, phát hiện sai sót phải sửa ngay.
* Thời gian kiểm tra 10 phút.

*\* Phân tích*

* Ý nghĩa: Nhằm giúp cho người quân nhân thực hiện đúng chế độ nề nếp chính quy, có tính cụ thể tỉ mỉ, nhanh chóng trong xắp xếp trật tự nội vụ vệ sinh.
* Nội dung:

+ Kiểm tra chăn, chiếu, ba lô giày dép, quần áo.

+ Kiểm tra sắp xếp trật tự tủ súng, vệ sinh doanh trại và các công trình vệ sinh.

+ Kiểm tra đầu tóc móng tay và "Kiểm tra toàn diện".

* Biện pháp:

+ Tổ chức kiểm tra theo đội hình tiểu đội do tiểu đội trưởng duy trì.

+ Phương pháp kiểm tra: Tiểu đội trưởng kiểm tra đội hình thành hàng ngang sau đó lần lượt từng chiến sĩ làm nhiệm vụ kiểm tra trật tự nội vụ vệ sinh cá nhân mình đảm nhiệm và cũng có thể toàn tiểu đội kiểm tra cùng một lúc sau đó tiểu đội trưởng theo dõi và chấn chỉnh kịp thời.

*đ. Học tập*

* Học tập ở hội trường
* Người phụ trách hoặc trực ban lớp học phải kiểm tra quân số, trang phục, chỉ huy bộ đội vào vị trí, hô ''Nghiêm'' và báo cáo giáo viên.

+ Nếu đơn vị có mang theo vũ khí phải tổ chức khám súng trước và qui định nơi giá (đặt) súng.

* Quân nhân ngồi trong hội trường phải đúng vị trí qui định, tập trung tư tưởng theo dõi nội dung học tập.

+ Khi ra hoặc vào lớp phải đứng nghiêm báo cáo xin phép giáo viên. Được phép mới ra hoặc vào lớp. Sau mỗi tiết hoặc giờ học tập phải nghỉ 5 đến 10 phút. Hết giờ nghỉ nhanh chóng vào lớp, tiếp tục nghe giảng. Giáo viên phải chấp hành đúng thời gian. Nếu quá giờ qui định, phải báo cho người phụ trách lớp học và người học biết.

* Hết giờ học, người phụ trách hoặc trực ban lớp hô ''Đứng dậy'' và hô ''Nghiêm'', báo cáo giáo viên xuống lớp, sau đó chỉ huy bộ đội ra về.
* Học tập ngoài thao trường
* Đi và về phải thành đội ngũ. Thời gian đi và về không tính vào thời gian học tập. Nếu một lần đi (về) trên 1 giờ được tính một nửa vào thời gian học tập.
* Trước khi học tập, người phụ trách hoặc trực ban lớp phải tập hợp bộ đội, kiểm tra quân số, trang phục, vũ khí, học cụ, khám súng, sau đó báo cáo với giáo viên.
* Phải chấp hành nghiêm kỷ luật thao trường, tập luyện nơi gần địch phải có kế hoạch sẵn sàng chiến đấu. Súng đạn, trang bị chưa dùng trong huấn luyện phải có người canh gác. Hết giờ luyện tập người phụ trách hoặc trực ban lớp phải tập hợp bộ đội, khám súng, kiểm tra quân số, vũ khí, học cụ và các trang bị khác, chỉnh đốn hàng ngũ, báo cáo giáo viên cho bộ đội nghỉ, sau đó chỉ huy bộ đội về doanh trại hoặc nghỉ tại thao trường.
* Trường hợp có cấp trên của giáo viên ở đó thì giáo viên phải báo cáo cấp trên trước khi lên, xuống lớp.

*\* Phân tích*

* Ý nghĩa: Trang bị cho người chiến sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng kiến thức cơ bản về kỹ chiến thuật, chuyên môn vận dụng tốt trong quá trình học tập và chiến đấu sau này.
* Nội dung: Học tập chính trị, huấn luyện quân sự, chuyên môn nghiệp vụ và các nội dung bổ trợ theo chương trình kế hoạch

+ Thời gian 1 năm huấn luyện 10 tháng, từ ngày 1.3 đến 31.12 trong đó có 1 tháng huấn luyện dã ngoại kết hợp làm công tác dân vận.

* Biện pháp.

+ Tổ chức huấn luyện phân cấp đơn vị a-b-c-d.

+ Phương pháp: Đối với chính trị phương pháp quy nạp truyền đạt nội dung.

+ Đối với quân sự: Kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, lý thuyết và thực hành là chính.

1. *Ăn uống*

* Người chỉ huy đơn vị có tổ chức bếp ăn phải quản lý nhà ăn, nhà bếp, bảo đảm tiêu chuẩn định lượng, ăn sạch, ăn nóng và ăn đúng giờ qui định
* Hằng ngày chỉ đạo trực ban, tổ kinh tế, quân y kiểm tra số người ăn, số lượng, chất lượng. lương thực, thực phẩm sử dụng theo tiêu chuẩn được hưởng; Vệ sinh nhà ăn, bếp ăn sạch sẽ.
* Thực hiện kinh tế công khai trong ngày, tháng; Giải quyết mọi thắc mắc, đề nghị về ăn uống của quân nhân.
* Cán bộ chiến sĩ phục vụ nhà ăn phải nêu cao ý thức trách nhiệm phục vụ, có kế hoạch tổ chức tiếp phẩm, cải tiến kỹ thuật nấu ăn; giữ vệ sinh, chăm lo bữa ăn, đảm bảo sức khỏe cho bộ đội
* Bảo quản lương thực, thực phẩm, chất đốt; Cân đong, đo, đếm chính xác; Có sổ ghi chép xuất, nhập đầy đủ, tránh để hao hụt, lãng phí tham ô. Hàng ngày, tuần, tháng cùng với hội đồng kinh tế của đơn vị tiến hành kiểm kho, báo cáo kinh tế công khai trước các quân nhân.
* Khi làm việc phải mặc quần áo công tác. Người đang mắc bệnh truyền nhiễm hoặc bệnh ngoài da không trực tiếp nấu và chia cơm, thức ăn.
* Đối với người ốm tại trại, nếu không đến được nhà ăn, trực nhật và quân y phải mang cơm về cho người ốm. Những suất chưa ăn, nhân viên nhà ăn phải đậy lại cẩn thận.
* Cấm sử dụng thức ăn nấu chưa chín, ôi thiu; thịt súc vật bị bệnh, đồ hộp hỏng, các loại lương thực, thực phẩm của địch bỏ lại chưa được quân y kiểm tra.
* Cấm để chất độc, vật bẩn, hôi hám vào khu thực phẩm, nhà bếp, nhà ăn.
* Nếu dùng thuốc diệt muỗi, chuột, mối phải có biện pháp quản lý chặt chẽ.
* Nước ăn, uống trong, sạch. Nước uống, nước nhúng bát đũa phải đun sôi.
* Mỗi bữa ăn phải để lại một phần suất ăn làm lưu nghiệm do quân y quản lý. Sau 24 giờ không có việc gì xảy ra mới bỏ đi.
* Khi đến nhà ăn
* Phải đúng giờ, đi ăn trước hay sau giờ qui định phải được chỉ huy hoặc trực ban đơn vị đồng ý và báo trước cho nhà bếp;
* HSQ, binh sĩ, học viên chưa phải là sĩ quan đến nhà ăn phải tập hợp đi thành đội

ngũ.

* Trước khi ăn phải nhúng bát đũa qua nước sôi. Ăn xong xếp gọn bát, đĩa trên

mặt bàn, xếp ghế vào gầm bàn trước khi rời nhà ăn.

1. *Lau vũ khí, khí tài, trang bị*

* Khi quân nhân được giao VKTBKT phải chấp hành nghiêm chế độ bảo quản hàng ngày, hàng tuần.
* Hàng ngày: Vũ khí bộ binh bảo quản 15 phút; VKTBKT khác, khí tài phức tạp bảo quản 30 phút;
* Hàng tuần: Vũ khí bộ binh bảo quản 40 phút VKTBKT khác, khí tài phức tạp bảo quản từ 3 đến 5 giờ; thời gian bảo quản vào ngày làm việc cuối tuần;
* Sau khi bắn đạn thật phải bảo quản vũ khí theo đúng qui trình kỹ thuật.
* Lau chùi, bảo quản VKTBKT hàng ngày, hàng tuần do chỉ huy trực tiếp tổ chức tiến hành có sự hướng dẫn của nhân viên chuyên môn kỹ thuật.
* Vị trí lau chùi VKTBKT phải sạch sẽ. Có đủ bàn, bạt, dụng cụ và các điều kiện tháo, lắp, bảo quản. Trước khi lau chùi phải khám súng.
* Tuân thủ đúng qui tắc, quy trình tháo lắp, mức độ tháo, lau chùi hàng ngày, hàng tuần theo quy định đối với từng loại vũ khí, khí tài. Khi lau xong phải khám súng, kiểm tra.
* Người chỉ huy phải phân công quân nhân lau chùi, bảo quản VKTBKT của những người vắng mặt.

*\* Phân tích:*

- Ý nghĩa: Lau chùi vũ khí thiết bị đảm bảo cho công tác SSCĐ cao. Đồng thời nâng cao ý thức trách nhiệm cho mỗi quân nhân trong việc giữ gìn bảo quản VKTBKT.

* Nội dung: Bảo dưỡng lau chùi VKTBKT theo giờ và ngày kỹ thuật.
* Biện pháp:

+ Tổ chức duy trì bảo vũ khí trang bị kỹ thuật theo từng trung đội (b), do b trưởng trực tiếp duy trì. Đại đội và quân khí trực tiếp kiểm tra.

+ Phương pháp: Khi có tín hiệu lệnh của trực ban các b trưởng tập hợp bộ đội thành 1 hàng ngang, dọc theo giá súng. Tổ chức khám súng và duy trì theo qui định của ngành kỹ thuật

+ Đối với hàng ngày lau 15' đầu giờ. Hàng tuần lau 40' vào cuối tuần (thứ 6).

+ Lau chùi xong trung đội trưởng chỉ huy lần lượt từng tiểu đội đưa súng vào đúng vị trí dán tên.

1. *Thể thao, tăng gia sản xuất*

* Hàng ngày sau giờ lau VKTB, các đơn vị phải tổ chức tập thể thao và tăng gia sản xuất cải thiện đời sống. Thời gian 40÷45 phút. Người chỉ huy cấp đại đội, trung đội và tương đương căn cứ vào tình hình cụ thể để phân chia lực lượng cho hợp lý và bố trí luân phiên trong tuần để đảm bảo mọi quân nhân đều được tập thể thao và TGSX.
* Tổ chức tập thể thao buổi chiều phải căn cứ vào tình hình sân bãi và dụng cụ thường hiện có để sắp xếp bảo đảm mọi quân nhân đều được tập luyện. Nội dung theo hướng dẫn của ngành thể thao quân đội.

+ Người chỉ huy phải trực tiếp tổ chức, hướng dẫn tập luyện. Các môn tập luyện dễ xảy ra tai nạn phải tổ chức đảm bảo an toàn.

* Tổ chức TGSX để cải thiện đời sống phải chặt chẽ, có kế hoạch thống nhất trong từng đơn vị. Người chỉ huy phải căn cứ vào tình hình cụ thể của nơi đóng quân để xác định kế hoạch, chỉ tiêu TGSX cho đơn vị được phù hợp. Quân nhân được phân công TGSX phải tích cực, tự giác thực hiện, không được làm việc khác trong giờ tăng gia sản xuất.

*\*Phân tích*

* Ý nghĩa: Thể thao TGSX nhằm rèn luyện sức khỏe dẻo dai và cải thiện đời sống vào bữa ăn đảm bảo chất lượng có hiệu quả.
* Nội dung:

+ Đối với thể thao: bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, tập các bài thể dục dụng cụ.

+ Đối với tăng gia: Củng cố vườn rau, gieo trồng các loại rau, củ, quả, chăn nuôi gia cầm, gia súc.

+ Thời gian vào giờ thứ 8 trong ngày.

* Biện pháp

+ Tổ chức thành 2 bộ phận: Bộ phận thể thao và bộ phận TGSX.

+ Phương pháp: Đối với người bố trí, tổ chức phân chia lực lượng cho phù hợp phân công cán bộ phụ trách theo dõi công tác tăng gia phân chia cho từng đơn vị để tổ chức, thể thao phải đúng kỹ thuật, an toàn.

1. *Đọc báo, nghe tin*

* Hàng ngày trước giờ học tập sinh hoạt tối 15 phút quân nhân đều được đọc báo, nghe tin. Việc đọc báo, nghe tin tập trung chỉ tổ chức trong các ngày sinh hoạt tối, còn ngày khác tự cá nhân nghiên cứu.
* Đọc báo, nghe tin tập trung tổ chức ở cấp trung đội hoặc đại đội và tương đương. Đến giờ quy định, mọi quân nhân phải có mặt ở vị trí quy định và giữ trật tự để nghe.

+ Người được phân công phụ trách đọc báo phải chuẩn bị trước để đọc lưu loát dễ nghe.

+ Người phục trách hệ thống truyền tin, trước giờ truyền tin phải kiểm tra máy móc bảo đảm nghe tốt.

* *Phân tích*
* Ý nghĩa: Nhằm bảo cho mọi quân nhân nắm những thông tin trong ngày về kinh tế, chính trị, quân sự trong nước và quốc tế để nâng cao nhận thức hành động sát đúng thực tiễn.
* Nội dung

+ Nghe nhìn về thời sự, kinh tế, chính trị, quân sự.

+ Thời gian đối với đọc báo từ 18.45'→ 19.00', xem thời sự từ 19.00'→ 19.45' các tối thứ 2, 3, 4, 5, 6 hằng tuần.

* Biện pháp

+ Tổ chức thành một khối tập trung, đội hình thành một đại đội do chính trị viên hoặc chính trị viên phó trực tiếp bố trí.

+ Phương pháp:

Đối với người duy trì: Tập hợp bộ đội thành đội hình khối, kiểm tra quân số. Chuẩn bị vững vàng nội dung trang báo và tiến hành đọc cho bộ đội nghe, đoạn nào cần thiết phân tích. Đến giờ mở truyền hình bộ đội xem chương trình thời sự của Đài THVN.

Đối với đơn vị: Thực hiện theo mệnh lệnh của người duy trì. Nghe và theo dõi nắm chắc diễn biến của từng mục thông tin truyền hình.

1. *Điểm danh, điểm quân số*

* Hàng ngày trước giờ ngủ nghỉ phải tiến hành điểm danh, điểm quân số, nhằm quản lý chặt chẽ quân số, bảo đảm SSCĐ.
* Trung đội và tương đương một tuần điểm danh hai lần. Các tối khác điểm quân số;
* Đại đội và tương đương một tuần điểm danh một lần;
* Chỉ huy tiểu đoàn và tương đương mỗi tuần dự điểm danh của một đại đội. Thời gian điểm danh hoặc điểm quân số không quá 30 phút. Điểm danh, điểm quân số ở cấp nào do chỉ huy cấp đó trực tiếp tiến hành.
* Đến giờ điểm danh, điểm quân số, mọi quân nhân có mặt tại đơn vị phải tập hợp thành đội ngũ, trang phục đúng qui định.
* Chỉ huy đơn vị đọc danh sách quân nhân ở từng phân đội theo quân số đơn vị quản lý (đọc cấp bậc, họ tên từng quân nhân). Quân nhân nghe đọc tên mình phải trả lời "có". Quân nhân vắng mặt, người chỉ huy trực tiếp của quân nhân đó trả lời "Vắng mặt" kèm theo lý do.
* Điểm danh xong, người chỉ huy nhận xét và phổ biến công tác ngày hôm sau.
* Khi điểm quân số cũng tiến hành như điểm danh, nhưng phải không gọi tên. Người chỉ huy trực tiếp kiểm tra quân số thuộc quyền, sau đó báo cáo theo hệ thống tổ chức lên người chỉ huy điểm quân số.

Nhận báo cáo xong, người chỉ huy điểm quân số có thể kiểm tra lại toàn bộ hoặc một số phân đội.

* *Phân tích*
* Ý nghĩa: Để quản lý chặt chẽ quân nhân thuộc quyền đảm bảo SSCĐ và nhận nhiệm vụ công tác khác đồng thời nhận xét hai điểm cần thiết trong quá trình thực hiện kế hoạch của đơn vị.
* Nội dung: Điểm danh gọi tên.

+ Điểm quân số theo hệ thống phân cấp.

+ Thời gian bắt đầu từ 20.45'→21.15' của ngày theo quy định.

* Biện pháp.

+ Nếu điểm danh quân số theo từng trung đội thì mỗi trung đội tổ chức thành một khối, cấp đại đội tổ chức thành một khối do đại đội trưởng' hoặc phó đại đội trưởng trực tiếp điểm danh quân số.

+ Đến giờ trực ban tập trung đội hình sau đó báo cáo trung đội trưởng hoặc đại đội trưởng chấn chỉnh đội hình và gọi tên theo danh sách hoặc phân cấp quản lý, đồng thời nhận xét ưu khuyết điểm của buổi điểm danh và kết thúc thực hiện nhiệm vụ trong ngày, trong tuần. Triển khai nhiệm vụ tiếp theo.

*k. Ngủ, nghỉ*

* Trước giờ ngủ, trực ban, cán bộ chỉ huy trực tiếp các phân đội phải đôn đốc mọi người chuẩn bị chăn, chiếu, mắc màn để ngủ được đúng giờ. Đến giờ ngủ, kiểm tra việc sử dụng ánh sáng và quần áo, giày dép, trang bị để đúng nơi qui định.
* Quân nhân lên giường ngủ phải để quần áo, giày dép đúng vị trí, thứ tự, gọn gàng; phải trật tự, yên tĩnh.
* Những người có việc làm quá giờ đi ngủ phải báo cáo người chỉ huy hoặc trực ban và phải làm việc ở nơi qui định. Những người làm nhiệm vụ về muộn phải nhẹ nhàng vào giường ngủ, không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ người khác.
* *Phân tích*
* Ý nghĩa: Nhằm bảo đảm sức khoẻ cho bộ đội và thực hiện đúng nề nếp chính qui ở đơn vị được thực hiện nề nếp thống nhất.
* Nội dung: Thời gian từ lúc 21.30' hằng tối trong tuần.
* Biện pháp

+ Tổ chức: theo tiểu đội, trung đội.

+ Phương pháp: Đến giờ trực ban phát hiệu lệnh đi ngủ cán bộ từng cấp trực tiếp đôn đốc bộ đội lên giường ngủ đồng thời nhắc nhở từng chiến sĩ kiểm tra trật tự sắp xếp giày dép, quần áo của bộ đội, kiểm tra mùng mền.

1.3. Ngày làm việc mùa hè

* 5h: Báo thức
* 5h: Thể dục sáng từ 10 đến 20 phút, gấp xếp nội vụ, dọn vệ sinh
* 5h30: Ăn sáng
* 6h: Kiểm tra sáng
* 6h15: Chuẩn bị vật chất, vũ khí trang bị học tập, huấn luyện và đi đến nơi học tập huấn luyện, lúc đi thường đi đều và vừa đi vừa hát
* 6h30 -11h: Thời gian học tập huấn luyện buổi sáng
* 11h05: Ăn trưa
* 11h30: Nghỉ trưa
* 13h45: Báo thức chiều
* 13h45: Chuẩn bị đi học tập, huấn luyện chiều
* 14h – 17h: Học tập huấn luyện buổi chiều
* 17h : Bảo quản vũ khí trang bị
* 15h30: Thể thao, tăng gia sản xuất, vệ sinh cá nhân
* 18h: Ăn chiều
* 18h30: Sinh hoạt tổ 3 người
* 18h45: Đọc báo, nghe tin
* 19h: Xem Thời sự Đài THVN
* 20h: Sinh hoạt theo quy định
* 20h45: Điểm danh, điểm quân số
* 21h: Nghe chương trình QĐND của Đài TNVN
* 21h30: Tắt đèn, ngủ nghỉ

1.4. Ngày làm việc mùa đông

Báo thức muộn hơn 30 phút, các công việc từ báo thức đến Nghỉ trưa muộn hơn 30 phút. Báo thức chiều sớm hơn 30 phút. Các công việc từ báo thức chiều đến Ăn chiều sớm hơn 30 phút, thời gian từ 18 giờ 2 mùa như nhau. Ngày nghỉ thường được dậy muộn hơn 30 phút.

**2. Chế độ làm việc và sinh hoạt trong tuần**

2.1. Chào cờ, duyệt đội ngũ

* Cấp đại đội, tiểu đoàn và tương đương ở các đơn vị, các học viện, nhà trường đào tạo sĩ quan, HSQ, nhân viên chuyên môn phải tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ vào thứ hai hàng tuần.
* Cấp trung đoàn và tương đương, học viện, trường; cơ quan cấp sư đoàn; cơ quan quân sự, biên phòng tỉnh (thành) khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ một lần vào sáng thứ hai tuần đầu tháng.
* Cơ quan quân khu, quân chủng, binh chủng, quân đoàn, Bộ đội biên phòng và tương đương, khi đóng quân trong doanh trại tập trung tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ toàn cơ quan 1 lần vào sáng thứ 2 tuần đầu, tháng đầu quý, do một thủ trưởng bộ tư lệnh chỉ huy, các tháng khác do từng cục tự tổ chức một lần vào sáng thứ hai tuần đầu tháng.
* Học viện, trường có quân số nhiều hơn đơn vị cấp trung đoàn trước khi tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ, người chỉ huy phải nắm quân số, quy định vị trí tập hợp của từng cơ quan, đơn vị và thứ tự duyệt đội ngũ trong diễu hành; Khi chỉnh đốn hàng ngũ, người chỉ huy đứng tại vị trí chỉ huy (chính giữa phía trước đội hình) chỉ huy đơn vị, không phải về bên phải đội hình chỉnh đốn hàng ngũ.
* Cơ quan quân sự huyện (quận), đồn biên phòng tổ chức chào cờ 1 lần vào sáng thứ 2 tuần đầu tháng.
* Trong tuần cấp trên tổ chức chào cờ thì cấp dưới không tổ chức chào cờ.
* Các đơn vị đóng quân gần địch do tư lệnh quân khu, quân đoàn và tương đương được quyền cho phép đơn vị thuộc quyền không tổ chức chào cờ, duyệt đội ngũ nếu xét thấy không đảm bảo an toàn, SSCĐ của đơn vị.
* Tất cả quân nhân có mặt trong đơn vị phải tham gia chào cờ, trừ người làm nhiệm vụ hoặc đau ốm được người chỉ huy trực tiếp cho phép vắng mặt; Quân nhân phải tham gia duyệt đội ngũ.

+ Chào cờ, duyệt đội ngũ ở cấp nào, do chỉ huy cấp đó chủ trì và điều hành;

+ Chào cờ cơ quan từ cấp sư đoàn và tương đương trở lên, do phó chỉ huy hoặc tham mưu trưởng chỉ huy.

+ Đội hình chào cờ, duyệt đội ngũ thực hiện theo qui định của Điều lệnh đội ngũ.

* Thời gian chào cờ, duyệt đội ngũ được lấy vào giờ hành chính; Cấp đại đội, tiểu đoàn và cơ quan có số quân tương đương không quá 30 phút; Cấp trung đoàn, nhà trường và cơ quan có quân số tương đương không quá 40 phút.

Đến 18: giờ trong ngày, trực ban nội vụ hạ cờ xuống.

* *Phân tích*
* Ý nghĩa:

Nhắm giáo dục cho mọi quân nhân phát huy truyền thống yêu nước, quyết tâm rèn luyện bản lĩnh chiến đấu bảo vệ tổ quốc, đồng thời thể hiện sự trang nghiêm hùng mạnh của quân đội cách mạng chính qui.

* Nội dung:

+ Chào cờ duyệt đội ngũ hàng tuần.

+ Chào cờ duyệt đội ngũ tuần đầu tháng.

+ Thời gian vào sáng thứ 2 hàng tuần và sáng thứ 2 đầu tháng.

* Biện pháp:

+ Đại đội tổ chức thành 3 khối.

+ Phương pháp: Đến giờ qui định trực ban phát lệnh tập trung theo khối do khối trưởng trực tiếp chỉ huy sắp xếp đội hình, kiểm tra tác phong, chỉ huy bộ đội ra vị trí sân chào cờ qui định để làm lễ chào cờ duyệt đội ngũ.

2.2. Thông báo chính trị

* Đối với cấp tiểu đoàn, đại đội độc lập và tương đương, mỗi tuần quân nhân có 30 phút chính thức để nghe thông báo chính trị vào sáng thứ 2 sau khi kết thúc chào cờ và nhận xét tuần, trước khi duyệt đội ngũ.
* Sĩ quan, QNCN, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng một tháng được nghe thông báo chính trị 1 lần 2 giờ (không tính vào thời gian làm việc chính thức); do cấp trung đoàn và tương đương trở lên tổ chức.
* Nội dung do cán bộ chính trị phụ trách.

2.3.Tổng dọn vệ sinh doanh trại

* Mỗi tuần các đơn vị phải tổ chức và bố trí thời gian thống nhất để làm tổng vệ sinh doanh trại, đảm bảo môi trường sạch đẹp.
* *Phân tích*
* Ý nghĩa: Nhằm rèn luyện cho chiến sĩ nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác vệ sinh phòng dịch đảm bảo sức khoẻ cho mọi quân nhân.
* Nội dung

+ Vệ sinh doanh trại, nhà ở công trình phụ, khu vực của đơn vị.

+ Thời gian vào các ngày nghỉ cuối tuần.

* Biện pháp

+ Tổ chức phân chia theo từng khu vực, phạm vi đảm nhiệm của đơn vị.

+ Phương pháp: Trực ban phát hiệu lệnh cán bộ các cấp trong đơn vị tổ chức phân công hợp lý cho từng a đảm bảo vệ sinh theo kế hoạch đồng thời phải kiểm tra đôn đốc.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

* + - * 1. Nêu các chế độ trong ngày, trong tuần.
        2. Phân tích chế độ học tập?

**Bài 2. CÁC CHẾ ĐỘ NỀN NẾP CHÍNH QUY, BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ TRONG DOANH TRẠI**

**1. Phân phối thời gian làm việc**

1.1. Thời gian làm việc, sinh hoạt và nghỉ ngơi trong ngày, trong tuần

Trong điều kiện bình thường khi đóng quân trong doanh trại, thời gian làm việc, sinh hoạt và nghỉ ngơi trong ngày, trong tuần được phân chia như sau:

* + - * Mỗi tuần làm việc 5 ngày và được nghỉ 2 ngày vào thứ 7 và chủ nhật; Nếu nghỉ vào ngày khác trong tuần phải do Tư lệnh Quân khu, Quân chủng, Quân đoàn và tương đương trở lên qui định thống nhất cho đơn vị thuộc quyền.

+ Ngày lễ, tết được nghỉ theo qui định của Nhà nước.

+ Quân nhân làm việc vào ngày nghỉ thì được nghỉ bù. Thời gian và quyền hạn cho quân nhân nghỉ bù do người chỉ huy đại đội và tương đương quyết định.

+ Ngày nghỉ được tổ chức vui chơi giải trí, hoạt động thể thao, VHVN, vệ sinh môi trường, nhưng phải dành một thời gian nhất định để quân nhân có điều kiện giải quyết việc riêng.

+ Mỗi ngày làm việc 8 giờ, còn lại là thời gian ngủ, nghỉ sinh hoạt và phải được phân chia cụ thể theo thời gian biểu trong ngày.

* + - * Trong điều kiện đặc biệt, thời gian làm việc và nghỉ sẽ có qui định riêng.
      * Ý nghĩa: Nhằm giúp cho người chỉ huy tổ chức duy trì một cách chặt chẽ có nề nếp, chính quy. Giúp cho quân nhân biết và vận dụng trong quá trình thực hiện công tác có nền nếp, chính qui.
      * Nội dung:

+ Thời gian làm việc của tuần là 5 ngày và nghỉ 2 ngày vào thứ 7 và chủ nhật. Từ đó giúp cho người chỉ huy thiết lập kế hoạch lịch công tác phù hợp với công việc của đơn vị đảm bảo tính hiệu quả cao, rèn luyện ý thức tinh thần tự giác trong xây dựng nền nếp chính qui trong đơn vị.

+ Thời gian làm việc bắt đầu từ thứ 2 đến thứ 6 trong tuần và thời gian ngày nghỉ là ngày thứ 7 và chủ nhật. Do sự phân chia thời gian còn tuỳ thuộc vào điều lệnh cụ thể của từng đơn vị.

* + - * Biện pháp.

+ Tổ chức quán triệt, giáo dục chặt chẽ cho cán bộ, chiến sĩ.

+ Tổ chức thực hiên trên tinh thần tự giác, theo phân cấp quản lý cùng thống nhất qui định chung.

1.2. Sử dụng các buổi tối trong tuần

* + - * Tất cả các buổi tối trong tuần (trừ các buổi tối trước và trong ngày nghỉ) phải tổ chức học tập hoặc sinh hoạt. Thời gian sinh hoạt, học tập mỗi buổi tối không quá 2 giờ.
      * Những đêm trước ngày nghỉ có thể nghỉ muộn hơn, nhưng không quá 23 giờ và sáng hôm sau thức dậy không quá 7 giờ.

1.3. Thời gian làm việc theo mùa

* + - * Thời gian làm việc theo 2 mùa qui định như sau.

+ Mùa nóng: Từ ngày 01/04 đến 31/10.

+ Mùa lạnh: Từ ngày 01/11 đến 31/3 năm sau.

* + - * Thời gian biểu làm việc hàng ngày theo từng mùa do Tư lệnh quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương trở lên qui định.

**2. Bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại**

2.1. Bên ngoài

* *Phía trước:*
  + - * Thùng nước: đặt trên giá, đúng vị trí quy định, phía trên có giá treo ly uống nước, bảo đảm luôn có 3 ly uống nước.
      * Hành lang giáp với bồn hoa, không để bất cứ vật gì.
* *Phía sau:*
  + - * Nước muối: sử dụng 01 loại chai thống nhất trong toàn đơn vị (Vỏ chai nước chanh muối lột sạch bao gói), đặt trên giá theo quy định từng tiểu đội, có biển tên từng người, biển tên dán trực tiếp lên chai nước, không dán vào giá đỡ, khi dán mép dưới tem phải cao ngang mép trên của thanh ngang giá đỡ.
      * Giá treo đồ 1083: Đặt trên hành lang phía sau phòng ở theo hàng dọc, trên cùng là mũ cứng, sao hướng lên trên, phía dưới treo đồ K03 rồi đến K07, áo quần không lộn trái quần gấp đôi bên trong, áo bên ngoài có gài nút trên cùng, treo bằng móc, cổ áo hướng về nhà chỉ huy tiểu đoàn, tay áo xả hết cỡ; từng vị trí dán tên của bộ đội đúng quy định.
      * Giày: đặt trên giá đỡ, đầu mũi giày hướng lên trên, dây giày và tất bỏ gọn vào trong giày.
      * Có thể để 01 sọt rác để dùng trong ngày.
      * Các vật chất còn lại, sắp xếp gọn gàng trong các kho của từng đơn vị.
      * Khăn mặt: Treo từ hướng nhà chỉ huy tiểu đoàn trở xuống, vắt đôi, phần có tem quay về phía trong và nằm bên phải, mặt trái úp vào nhau.
      * Giá dây phơi:

+ Áo dài, quần dài: Treo dây trên, lộn trái, áo vắt dọc, đầu cổ áo hướng về nhà chỉ huy tiểu đoàn, 02 phần áo 02 bên dây phơi bằng nhau, 02 tay áo vắt lên dây phơi; quần vắt ngang, mặt trước lưng quần quay ra bên ngoài, khi phơi phải tháo toàn bộ phù hiệu quân hàm.

+ Áo lót, quần lót: Treo dây dưới, lộn trái, áo lót vắt ngang, cổ áo hướng về phía doanh trại đơn vị, quần lót vắt dọc, đầu lưng quần hướng về nhà chỉ huy tiểu đoàn, quần nhỏ vắt bên dưới quần lót, 02 phần quần, áo lót 02 bên dây phơi bằng nhau.

+ Giày: Phơi trên giá đúng quy định, bảo đảm gọn gàng, đều, thống nhất.

+ Tất: Vận dụng treo ở phần cuối dây phơi quần lót, đầu tất quay ra ngoài, hai mép tất bằng nhau.

* + - * Nhà tắm, nhà vệ sinh: Chỉ để xô múc nước, không treo đồ trong nhà tắm, trừ trường hợp trời mưa. Vệ sinh nhà tắm, nhà vệ sinh phải luôn sạch sẽ.
      * Vật chất phòng chống cháy nổ xếp đặt đúng quy định trên giá, không sử dụng cho bất cứ việc gì ngoài mục đích phòng chống cháy nổ.
      * Ngôi nhà 100 đồng: Đặt chính giữa phía trước khu vệ sinh công cộng các đơn vị, thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, tuyệt đối không bỏ rác và vỏ bia, rượu trong thùng.

2.2. Bên trong

- Giường: Sắp xếp theo quy định, thông thường là theo từng cặp

+ Chiếu: Trải từ dưới lên trên, mép chiếu ngang với mép phản, nếu chiếu dư ra thì gấp lại ở mép trên đầu phản, chiếu trải thẳng, không nhăn nheo.

+ Chăn màn sau khi xếp xong đặt chồng lên vừa vặn với gối, mép trước của chăn và gối ngang nhau, đặt toàn bộ gối và chăn màn chính giữa cách mép trên đầu giường 10cm, hàng ngày sử dụng dây căng thẳng hàng toàn bộ các hàng chăn màn trên giường.

+ Cục ABC: đặt chính giữa trên chăn màn, thống nhất quay chữ B về trước, khi kiểm tra thi đua, nếu đẹp lật lên A, xấu lật xuống C.

+ Ba lô: sắp xếp bên trong đúng quy định, gói buộc gọn gàng, vuông vức, đặt chính giữa giá đỡ đầu giường, yếm ba lô quay về phía đuôi giường, 2 dây mang ba lô ép vào song song với nhau, phía dưới đáy ba lô không để dây lòng thòng, các túi cóc cột gọn gàng, không để lộ đồ đạc bên trong ra ngoài.

+ Chén: Bỏ trong túi cóc phía bên ngoài để tiện sử dụng.

+ Đũa: Cắm vào yếm ba lô phía bên ngoài, đầu đũa dư lên 01cm.

+ Mũ: Đặt chồng mũ kê pi lên mũ mềm trên nắp ba lô, sao mũ quay về phía đuôi giường.

+ Thắt lưng và bi đông: Cuốn lại gọn gàng, đặt trên giá đỡ đầu giường phía bên trong ba lô, đầu bi đông hướng lên trên trần nhà.

+ Giày, dép: Đặt trên giá đỡ đuôi giường, giày đặt sát phía ngoài, dép phía trong, chính giữa 2 chiếc thẳng với thanh dọc đuôi giường, mép sau giày, dép sát vào thành sau giường, tất không để lộ ra bên ngoài. Quy định đồng chí nằm trên để giày, dép phía bên trong, nằm dưới để bên ngoài.

+ Tem giường: Dán đúng theo quy định, phải có băng keo trong dán ngoài.

+ Sau khi ngủ dậy, phải hạ ngang toàn bộ cọc mắc màn.

+ Sách, vở: Đặt thành chồng trên giá đỡ đầu giường tiểu đội trưởng, thứ tự từ dưới lên trên, từ lớn đến nhỏ, cạnh ngoài thẳng với mép ngoài giá đỡ, cạnh dưới sát thanh đầu giường. Nếu nhiều có thể xếp thêm 01 chồng đặt giường trên của tiểu đội trưởng.

+ Áo mưa: Bỏ trong yếm ba lô.

* + - * Chậu, xô: Chồng lên nhau, xô nằm trong chậu, đặt chính giữa 1/3 từ dưới lên gầm giường tiểu đội trưởng.
      * Giá cuốc, xẻng bộ binh: Đặt gọn gàng đúng quy định, vị trí các giá nằm bên trái tủ súng, cuốc xẻng phải được lau chùi thường xuyên trong thời gian bảo quản VKTB.
      * Ghế nhựa: Có dán tên từng cá nhân (Vị trí dán chính giữa phía trên ghế) và xếp thành 02 chồng đặt ở giữa cuối phòng phía bên tường không có tủ súng, không đánh dấu ghế bằng các loại sơn hay gì khác.
      * Cửa chính, cửa sổ, quạt: Phải được lau chùi thường xuyên.

**3. Trực ban nội vụ, trực nhật**

3.1. Trực ban nội vụ

* + - * Trực ban nội vụ được tổ chức trong từng cơ quan, đơn vị, để giúp người chỉ huy duy trì kỷ luật, trật tự nội vụ, vệ sinh và duy trì thời gian làm việc trong đơn vị.
      * Đơn vị từ cấp đại đội, tiểu đoàn và tương đương; Các cơ quan từ cấp trung đoàn, lữ đoàn, sư đoàn, quân đoàn, binh chủng, quân chủng, Bộ đội Biên phòng, cơ quan bộ chỉ huy quân sự, Bộ đội Biên phòng tỉnh (thành); Ban chỉ huy quân sự huyện (quận); Cơ quan quân khu, nhà trường, học viện, bệnh viện, xí nghiệp và tương đương phải tổ chức trực ban nội vụ.
      * Người chỉ huy từng cấp có trách nhiệm chỉ định quân nhân làm trực ban nội vụ và phải thông báo đến từng người thực hiện trước một tuần.
      * Thời gian làm trực ban nội vụ là một ngày đêm. Trực ban vào ngày nghỉ được nghỉ bù.
      * Quân nhân làm trực ban nội vụ phải nắm được chức trách và chuẩn bị cá nhân đầy đủ để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ được liên tục trong suốt phiên trực.
      * Quân nhân làm nhiệm vụ trực ban trang phục phải chỉnh tề, đeo băng trực ban. Sau khi hết nhiệm vụ phải bàn giao cho trực ban mới trước người chỉ huy hoặc người được ủy quyền.

1. *Trực ban nội vụ đơn vị*

- Trực ban nội vụ tiểu đoàn do sĩ quan trong tiểu đoàn từ trung đội trưởng đến phó đại đội trưởng và chính trị viên phó đại đội luân phiên đảm nhiệm.

Trực ban nội vụ đại đội do phó trung đội trưởng, tiểu đội trưởng và quân nhân chuyên nghiệp trong đại đội luân j phiên đảm nhiệm.

* + - * Chức trách của trực ban nội vụ ở đơn vị:

+ Nắm vững lịch công tác hàng ngày của các phân đội kịp thời chuyển đến các phân đội những mệnh lệnh và chỉ thị của người chỉ huy;

+ Phát hiệu lệnh về thời gian làm việc, đôn đốc các đơn vị hoạt động theo thời gian biểu đã quy định;

+ Duy trì trật tự nội vụ trong đơn vị, nhắc nhở mọi người chấp hành các quy định về trang phục, lễ tiết, tác phong, quy định về vệ sinh trong doanh trại, các quy định về phòng gian giữ bí mật, bảo đảm an toàn. Kiểm tra việc chấp hành nhiệm vụ của trực ban khu trang bị kỹ thuật (nếu có), trực ban nghiệp vụ, phân đội canh phòng;

+ Nắm tình hình quân số, vũ khí trang bị của các phân đội, báo cáo chỉ huy và trực ban nội vụ cấp trên. Tiếp đón, hướng dẫn khách đến đơn vị công tác;

+ Trường hợp xảy ra cháy nổ, thiên tai, thảm họa, tai nạn hoặc có việc bất trắc, phải nhanh chóng phát lệnh báo động, đồng thời báo cáo ngay với chỉ huy và trực ban nội vụ cấp trên để xử trí;

+ Kiểm tra việc bảo đảm ăn uống trong ngày của đơn vị, đôn đốc quân y chăm sóc bữa ăn cho người đau ốm tại trại;

+ Ghi nhật ký trực ban về tình hình đơn vị theo mẫu quy định để bàn giao trực ban mới.

1. *Trực ban nội vụ cơ quan*
   * + - Trực ban nội vụ cơ quan do người chỉ huy cơ quan chỉ định sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp thuộc quyền luân phiên đảm nhiệm.
       - Chức trách trực ban cơ quan:

+ Đôn đốc nhắc nhở mọi người chấp hành các quy định vể trật tự nội vụ, lẻ tiết tác phong, thời gian làm việc, phòng gian, giữ bí mật, bảo đảm an toàn cơ quan;

+ Tiếp nhận và chuyển giao những công điện thông báo đến các đơn vị và cơ

quan. Làm xong báo cáo người chỉ huy;

+ Nắm tình hình quân số, các việc đột xuất trong ngày báo cáo chỉ huy cơ quan;

+ Kiểm tra việc canh phòng bảo vệ cơ quan (nếu cơ quan đóng quân riêng lẻ);

+ Trường hợp xảy ra cháy nổ, thiên tai, thảm họa, tai nạn, có việc bất trắc xảy ra phải báo cáo ngay cho người chỉ huy cơ quan và áp dụng mọi biện pháp để hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tổn thất tài liệu, tài sản cua cơ quan;

+ Tổng hợp tình hình cơ quan theo mẫu quy định để bàn giao trực ban mới.

3.2. Trực nhật

* + - * Trực nhật được tổ chức ở cấp trung đội hoặc tiểu đội hoặc tương đương, nhằm giúp người chỉ huy duy trì trật tự nội vụ, vệ sinh trong phạm vi trung đội, tiểu đội của mình. Trực nhật do các chiến sĩ trong trung đội, tiểu đội luân phiên đảm nhiệm theo sự phân công của chỉ huy trung đội, tiểu đội, dưới quyền của trực ban nội vụ đại đội. Thời gian làm nhiệm vụ trực nhật là một ngày đêm. Trong thòi gian làm trực nhật phải tham gia học tập, công tác.
      * Chức trách trực nhật:

+ Hàng ngày vào giờ thể dục, thể thao, làm vệ sinh nơi công cộng, lấy nước uống, chăm sóc người ốm đau trong trung đội, tiểu đội;

+ Nhắc nhở mọi người trong trung đội, tiểu đội chấp hành các quy định về trật tự nội vụ, vệ sinh, trang phục, râu, tóc đúng quy định, gìn giữ vũ khí trang bị và các tài sản khác, chấp hành mọi thời gian sinh hoạt, học tập công tác theo thời gian biểu.

**4. Đóng quân trong doanh trại**

* + - * Tổ chức đóng quân trong doanh trại phải đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu, thuận tiện công tác, huấn luyện, sinh hoạt, bảo vệ sức khỏe. Phải bảo đảm cho mọi quân nhân được ăn, ở, sinh hoạt trong doanh trại theo đúng tiêu chuẩn quy định của Nhà nước, Quân đội.
      * Trong điều kiện bình thường thời bình, người chỉ huy từ cấp sư đoàn hoặc tương đương trở lên được quyền cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng và công nhân viên quốc phòng thuộc quyền được ăn, nghỉ tại gia đình ngoài doanh trại trong ngày nghỉ, giờ nghỉ. Những người được phép ăn, nghỉ tại gia đình phải đăng ký họ tên, địa chỉ gia đình, số máy điện thoại (nếu có) vào sổ của đơn vị. Khi thay đổi phải báo cáo ngay.
      * Quân nhân không được ăn, ở tại nơi cất giữ tài liệu mật, nơi để lương thực, thực phẩm, nhà kho; Nơi để trang thiết bị kỹ thuật; Nơi để xe, phòng thí nghiệm.
      * Khu vực gia đình sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng, trạm I đón tiếp gia đình quân nhân phải ở ngoài doanh trại hoặc ngăn thành khu riêng biệt.
      * Trong doanh trại phải có phòng ngủ, nhà tắm, nơi vệ sinh riêng cho nữ quân nhân. Không để người ngoài quân đội ăn, ở, sinh hoạt trong doanh trại.
      * Tổ chức đóng quân của đơn vị phải có:

+ Nhà ngủ của cán bộ, chiến sĩ;

+ Nhà làm việc, học tập, phòng trực ban, bốt gác;

+ Nhà ăn, nhà bếp, nhà kho, nhà để xe;

+ Hội trường, phòng Hồ Chí Minh;

+ Nơi để vũ khí, dụng cụ, phương tiện, khí tài huấn luyện;

+ Nơi lau vũ khí, trang bị;

+ Sân tập hợp chào cờ, tập đội ngũ, thể dục thể thao;

+ Nhà tắm, nhà vệ sinh.

* + - * Đơn vị từ cấp trung đoàn trở lên phải có sở chỉ huy, bệnh xá, trạm khách, phòng tạm giữ quân nhân vi phạm kỷ luật.
      * Doanh trại đóng quân phải có các loại biển tên, các loại bảng thống nhất từ cổng doanh trại đến từng loại nhà (nhà ở, nhà làm việc, nhà học tập, nhà ăn...). Bộ Tổng Tham mưu quy định thống nhất kích thước, quy cách, vị trí treo của các loại biển, bảng.

*\* Nhà ngủ*

* + - * Nhà ngủ là nơi ở và sinh hoạt hàng ngày ngoài giờ làm việc, huấn luyện của quân nhân trong thời gian tại ngũ. Nhà ngủ phải thoáng mát, hợp vệ sinh, có biện pháp chống nóng, chống rét, chống dột.

Sắp xếp nhà ngủ cho phân đội, phòng ngủ cho từng quân nhân phải theo tiêu chuẩn thống nhất quy định cho từng đối tượng.

* + - * Trong phòng ngủ của hạ sĩ quan phải có đủ giường nằm và đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt. Việc sắp xếp trong phòng ngủ phải căn cứ tình hình thực tế để quy định thống nhất, gọn gàng, thuận tiện.
      * Bố trí nhà ở của bộ đội phải có dây phơi quần áo, dây phơi khăn mặt, dây mắc màn, giá để ba lô, mũ, giá để giày, dép, giá (tủ) súng... các loại bảng, biển theo quy định của Bộ Tổng Tham mưu và phải thống nhất cho từng loại nhà. Giường phải kê thẳng hàng, có biển tên quân nhân, có lối ra vào thuận tiện.
      * Vũ khí, trang bị cá nhân phải để trên giá súng hoặc trong tủ súng, đặt ở nơi quy định, thuận tiện cho bảo quản và sử dụng. Tại vị trí để súng có biển tên và số súng của quân nhân giữ súng; Vũ khí, khí tài mang vác tập thể phải để đúng nơi quy định.
      * Nơi ngủ của sĩ quan được bố trí riêng, đồ dùng, tiện nghi sinh hoạt phải sắp xếp gọn gàng, trật tự.

*\*Nhà học tập, làm việc*

* + - * Trong doanh trại phải có nhà làm việc của chỉ huy, của cơ quan và nhà học tập của từng đơn vị.

Cơ quan từ cấp trung đoàn trở lên phải có nhà làm việc riêng.

* + - * Nhà học tập của đơn vị phải có những thiết bị, dụng cụ, phương tiện huấn luyện cần thiết, các loại bảng, biển theo quy định của Bộ Tổng Tham mưu. Phải bố trí chỗ ngồi thuận tiện cho việc nghe, nhìn, ghi chép; Quy định nơi để súng, để mũ, để áo mưa và các vật dụng khác cho cá nhân.

*\*Nhà ăn, nhà bếp*

* + - * Nhà ăn, nhà bếp phải bố trí nơi cao ráo, hợp vệ sinh, tiện nguồn nước. Phải sắp xếp trật tự, ngăn nắp, sạch sẽ, có biện pháp tích cực phòng chống ruồi, muỗi, côn trùng, gián, chuột, mối, mọt và các loại côn trùng khác gây bệnh.

- Trong nhà ăn quy định khu vực ăn của sĩ quan, khu vực ăn của hạ sĩ quan, binh sĩ. Phải có bàn để cơm, ghế ngồi ăn cơm, thùng nước uống, có nước sôi nhúng bát đũa, nước rửa tay, rửa bát và nơi để thức ăn lưu nghiệm.

* + - * Nhà bếp phải có đủ dụng cụ, phương tiện nấu ăn, chia thức ăn; có kho lương thực, thực phẩm, nơi chứa nước ăn, nơi để chất đốt.

*\*Ánh sáng ban đêm*

* + - * Trong doanh trại phải có ánh sáng ban đêm, bảo đảm cho sinh hoạt, học tập của quân nhân. Phải có đủ đèn cho nhà ngủ, nhà làm việc, nơi sinh hoạt công cộng; nhà trực ban, nhà của đội canh phòng và những nơi cần thiết phải duy trì ánh sáng trong đêm.
      * Mọi quân nhân phải có trách nhiệm bảo vệ và sử dụng tiết kiệm phương tiện và nguồn ánh sáng trong doanh trại. Cấm tự tiện móc nối lấy điện sử dụng riêng ngoài quy định chung của đơn vị.

*\*Tiếp khách*

* + - * Quân nhân có người nhà, bạn bè đến thăm phải báo cáo người chỉ huy trực tiếp và được đón tiếp ở nơi quy định, không được đưa vào doanh trại.

Không tiếp người nhà, bạn bè trong giờ làm việc. Trường hợp cần thiết phải được phép của người chỉ huy.

* + - * Cấp trên trực tiếp của quân nhân có khách đến thăm phải:

+ Kịp thời thông báo cho quân nhân biết và tạo điều kiện cho quân nhân sớm được gặp khách;

+ Tự mình hoặc cử cán bộ ra thăm hỏi gia đình, người thân của quân nhân thuộc quyền;

+ Đảm bảo những nhu cầu sinh hoạt tối thiểu để quân nhân tiếp người nhà, bạn bè đến thăm chu đáo, thân tình.

Cán bộ, nhân viên ở trạm đón tiếp khách phải vui vẻ chu đáo, nhanh chóng thu xếp nơi ăn, ở, sinh hoạt cho khách; Phổ biến tiêu chuẩn, chế độ, thủ tục, nội quy nhà khách và hướng dẫn khách thực hiện. Khi khách rời khỏi trạm phải thanh toán đầy đủ, thu lại những đổ dùng sinh hoạt

* + - * đã cho mượn, giái quyết chu đáo mọi viêc cẩn thiết khác.

**5. Lễ tiết tác phong quân nhân**

5.1. Phong cách quân nhân

* + - * Trong quan hệ quân nhân, mọi quân nhân phải giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng và nghiêm chỉnh tuân theo những yêu cầu của sinh hoạt xã hội. Trong quan hệ với nhân dân, quân nhân phải kính trọng người già, yêu mến trẻ em, tôn trọng phụ nữ.
      * Quân nhân phải là người có ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần đoàn kết, tương trợ và có nếp sống văn minh, lành mạnh; thái độ hòa nhã, khiêm tốn; Biết tự chủ và tự trọng trong lời nói cũng như trong hành động:

+ Mặc quân phục phải theo đúng quy định của quân đội. Không viết vẽ lên quân phục;

+ Đầu tóc phải gọn gàng, không xăm chàm trên thân thể, chỉ được nhuộm tóc màu đen, nam quân nhân tóc mai, tóc gáy cắt ngắn, không để râu. Nữ quân nhân khi mang mặc quân phục phải búi tóc gọn gàng sau gáy, búi tóc được buộc trong túi lưới, không ảnh hưởng đến tác phong khi đội mũ;

+ Đi, đứng phải giữ đúng tư thế, tác phong quân nhân khi đi tập thể thành đội ngũ, có người chỉ huy;

+ Gương mẫu chấp hành pháp luật Nhà nước và những quy tắc sinh hoạt xã hội.

* + - * Cấm quân nhân uống rượu, bia trong khi thực hiện nhiệm vụ; Uống say rượu, bia ở mọi lúc, mọi nơi; Hút thuốc lá nơi công cộng; Mua, bán, tàng trữ và sử dụng các chất kích thích, chất gây nghiện dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của pháp luật.

5.2. Xưng hô

* + - * Quân nhân gọi nhau bằng "Đồng chí" và xưng "Tôi" sau tiếng "Đồng chí” có thể gọi tiếp cấp bậc, chức vụ, họ tên người mà mình định tiếp xúc. Đối với cấp trên có thể gọi là "Thủ trưởng".
      * Nghe gọi đến tên, quân nhân phải trả lời "Có". Khi nhận lệnh hoặc trao đổi công việc xong quân nhân phải nói "Rõ".
      * Trong lúc nghỉ ngơi, quân nhân có thể xưng hô với nhau theo tập quán thông

thường.

* + - * Khi trực tiếp báo cáo, quân nhân phải chào và tự giớithiệu đầy đủ họ, tên, chức vụ, đơn vị của mình lên cấp trên, khi không biết chức vụ, thi báo cáo theo cấp bậc, báo cáo xong nội dung phải nói "Hết".

+ Đối với cấp trên trực tiếp khi báo cáo, quân nhân không phải tự giới thiệu họ, tên, chức vụ, đơn vị của mình.

+ Khi báo cáo qua các phương tiện thông tin, quân nhân phải giới thiệu đủ họ, tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của mình. Nghiêm cấm mạo danh, giả mạo cấp bậc, chức vụ, đơn vị.

5.3. Đến gặp cấp trên

* + - * Quân nhân đến gặp cấp trên phải chào, báo cáo xin phép gặp, khi được phép của cấp trên mới được gặp. Trước khi ra về phải chào cấp trên.
      * Khi đến gặp cấp trên ở phòng làm việc, nếu đóng cửa thì trước khi vào phải gõ cửa, khi được phép mới vào.
      * Khi quân nhân cấp dưới đề nghị gặp, cấp trên phải thu xếp thời gian để sớm gặp quân nhân đó. Nếu chưa gặp được phải báo cho quân nhân đó rõ lý do hoặc hẹn gặp vào thời gian khác, do mình quy định.

5.4. Chào hỏi

* + - * Quân nhân phải chào khi gặp nhau. Cấp dưới phải chào cấp trên trước, người được chào phải chào đáp lễ.
      * Quân nhân chào bằng động tác (kể cả khi không đội mũ) trong các trường hợp

sau:

+ Quân nhân gặp nhau hoặc khi tiếp xúc với người ngoài quân đội và người nước

ngoài.

+ Gặp Quân kỳ trong đội ngũ.

+ Dự lễ lúc chào Quốc kỳ.

+ Mặc niệm.

+ Báo cáo, nhận lệnh trước cấp trên và khi rời khỏi cấp trên.

+ Gặp các đổng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền.

+ Nhận phần thưởng.

+ Trước khi bắt tay đáp lễ cấp trên.

+ Gặp linh cữu có đơn vị quân đội đi đưa.

+ Khi được giới thiệu, trước và sau khi phát biểu lần đầu trên bục phát biểu trong hội nghị, khi giới thiệu chương trình và khi tham gia hoạt động văn hóa, văn nghệ.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

Câu 1: Cách bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại?

Câu 2: Trình bày các nội dung chính trong trực ban nội vụ, trực nhật. Câu 3: Lễ tiết tác phong quân nhân?

**BÀI 3: HIỂU BIẾT CHUNG VỀ CÁC QUÂN, BINH CHỦNG TRONG QUÂN ĐỘI**

**MỞ ĐẦU**

Quân đội nhân dân Việt nam là Quân đội đội của dân, do dân và vì dân, có lịch sử xây dựng, chiến đấu và chiến thắng oanh liệt, một quân đội do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và giáo dục. Quân đội nhân dân Việt Nam luôn được nhân dân tin yêu và khen tặng danh hiệu cao quí Bộ đội Cụ Hồ. Quân đội nhân dân Việt Nam đã trở thành một hiện tượng lịch sử Việt Nam hiện đại, một đối tượng nghiên cứu của nhiều nhà khoa học quân sự, lịch sử quân sự, của khoa học xã hội và nhân văn.

Từ ngày thành lập đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Quân đội ta đã cùng toàn dân kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng đất nước, đưa đất nước bước vào thời kỳ xây dựng và bào vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Vì vậy, giới thiệu chung về quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam là một trong những nội dung quan trọng góp phần phục vụ cán bộ, chiến sĩ các đơn vị và nhà trường học tập truyền thống, kinh nghiệm của đơn vị mình hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Nội dung bài giảng chủ yếu trình bài những kiến thức cơ bản về hiểu biết chung về quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Căn cứ biên soạn:

* + Chương trình huấn luyện cơ bản cho sĩ quan biệt phái/TQSQK7/năm 2017.
  + Tài liệu:

+ Từ điển bách khoa quân sự Việt Nam/BQP/Nxb QĐND/năm 2004.

+ Hỏi đáp về các binh chủng/BTTM/Nxb QĐND/năm 2009.

+ Hỏi đáp về các quân chủng/BTTM/Nxb QĐND/năm 2009

+ Tạp chí quân huấn, Thông tin khoa học quân sự QK7, tạp chí nghệ thuật quân sự VN, Tạp chí quốc phòng toàn dân và các tài liệu khác có liên quan.

1. **TỔ CHỨC VÀ HỆ THỐNG TỔ CHỨC TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN**
2. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
   1. **Khái niệm**

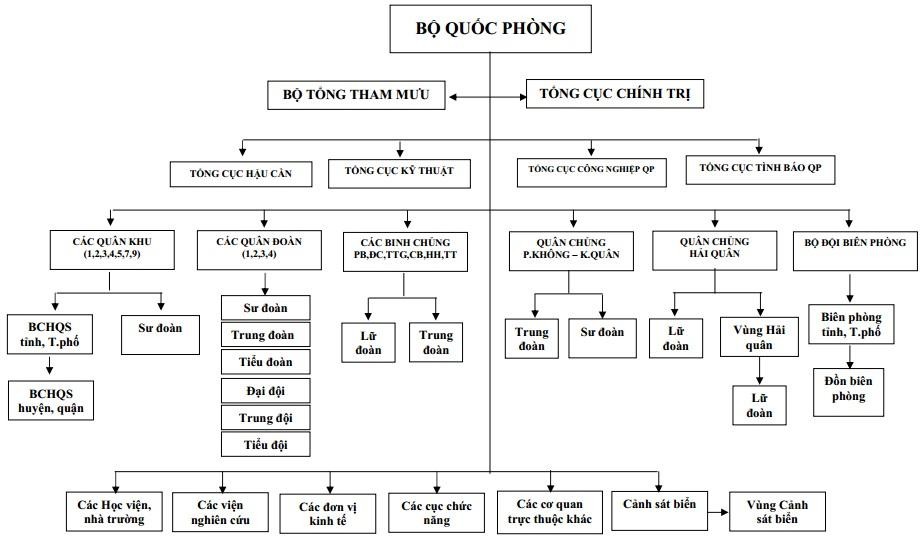
Quân đội nhân dân Việt Nam, Quân đội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa việt Nam, đặt dưới sự lảnh đạo tuyệt đối, trực tiếp mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, thuộc quyền thống lĩnh của chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và chỉ huy điều hành của bộ trưởng Bộ Quốc phòng, một quân đội kiểu mới, Quân đội của dân do chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức, giáo dục và rèn luyện, lực lượng nồng cốt của LLVT nhân dân Việt Nam trong nhiệm vụ giải phóng dân tộc và bảo vệ tổ quốc. Quân đội nhân dân Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, có mục tiêu chiến đấu nhất quán vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH, vì hạnh phúc của nhân dân

* 1. **Thành phần cơ cấu quân đội nhân dân Việt Nam**
  + QĐND bao gồm: bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, lực lượng thường trực và lực lượng dự bị, các quân chủng LQ, HQ, PK-KQ. Lục quân không tổ chức thành quân chủng độc lập mà gồm các quân đoàn binh chủng hợp thành, các binh chủng: pháo binh, tăng thiết giáp, đặc công, công binh, hóa học, thông tin. Trên các hướng chiến lược tổ chức các quân khu có các đơn vị chủ lực thuộc QK và các đơn vị bộ đội địa phương trên địa bàn QK (tỉnh, huyện), hệ thống các đơn vị bảo đảm hậu cần, kỹ thuật, các học viện viện nghiên cứu, trường đào tạo sĩ quan, trường nghiệp vụ các cấp, các xí nghiệp quốc phòng, các binh đoàn làm kinh tế. Giúp Bộ trưởng BQP có các cơ quan BTTM, TCCT, TCHC, TCKT, TCCNQP, Tổng cục IIvà các tổ chức trực thuộc khác…Lực lượng trên được tổ chức theo một hệ thống thống nhất, chặt chẽ, nghiêm ngặt từ toàn quân đến cơ sở.
  + Từ khi thành lập đến nay quân đội ta đã giành thắng lợi vĩ đại, lập nên nhiều chiên công oanh liệt, đó là những mốc lịch sử đánh dấu bước đường lớn mạnh và trưởng thành nhanh chóng của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trong giai đoạn mới của cách mạng, Quân đội nhân dân Việt Nam đang tập trung xây dựng về mọi mặt theo hướng cách mạng, chính qui tinh nhuệ, từng bước hiện đại.
  + Trong cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ, khó khăn chống lại những đội quân xâm lược lớn và hiện đại của CNĐQ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã phát huy bản chất của quân đội cách mạng, trung thành vô hạn với tổ quốc, với nhân dân, với Đảng cộng sản Việt Nam xã hội chủ nghĩa, vừa là đội quân chiến đấu, vừa là đội quân công tác và sản xuất, đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế, dân chủ rộng rải, kĩ luật tự giác nghiêm minh. Bản chất dó được phát huy trong thực tế chiến đấu và xây dựng đã tạo nên truyền thống “trung với Đảng, hiếu với dân, sản sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH. Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào củng vượt qua kẻ thù nào cũng đánh thắng”. Nhân dân Việt Nam đã ghi nhận và khen ngợi bản chất, truyền thống tốt đẹp của Quân đội nhân dân Việt Nam bằng danh hiệu cao quý bộ đội cụ Hồ.

1. HỆ THỐNG TỔ CHỨC TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
   1. **Hệ thống tổ chức trong quân đội nhân dân Việt Nam**

* Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ chính trị của quân đội. Phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của đất nứơc. Truyền thống tổ chức quân đội của dân tộc qua từng giai đoạn lịch sử ( mỗi giai đoạn lịch sử có quy mô, tổ chức quân đội khác nhau).
* Nhìn tổng quát, tổ chức QĐND Việt Nam bao gồm:

Bộ quốc phòng và các cơ quan bộ quốc phòng, các đơn vị trực thuộc bộ quốc phòng. Ơ các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có các bộ chỉ huy quân sự, ban chỉ huy (tỉnh đội, huyện đội…).

**Hệ thống tổ chức Bộ Quốc Phòng**

1. **CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CHÍNH CỦA MỘT SỐ CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM**
2. **Bộ quốc phòng**

Là cơ quan lãnh đạo, chỉ huy, quản lí cao nhất của toàn quân.

1. **Bộ tổng tham mưu và cơ quan tham mưu các cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam**

Là cơ quan chỉ huy các lực lượng vũ trang, có chức năng bảo đảm trình độ SSCĐ của LLVT và điều hành mọi hoạt động quân sự Quốc phòng trong thời bình và thời chiến.

1. **Tổng cục chính trị và cơ quan chính trị các cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam**

Là cơ quan đảm nhiệm CTĐ-CTCT trong QĐND, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp thường xuyên của bộ chính trị, Quân ủy trung ương, các cấp ủy đảng cùng cấp.

Nhiệm vụ: CTCT và cơ quan chính trị các cấp căn cứ vào nghị quyết, chỉ thị của Đảng, sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên, đề xuất những chủ trương, giải pháp, kế hoạch CTĐ-CTCT của toàn dân, của từng đơn vị, các tổ chức. Tiến hành và thực hiện tốt CTĐ-CTCT bảo đảm cho quân đội thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị được giao.

1. **Tổng cục hậu cần và cơ quan hậu cần các cấp**

Là cơ quan tham mưu bảo đảm về mặt hậu cần của toàn quân và từng đơn vị.

Nhiệm vụ: TCHC, cơ quan hậu cần các cấp, nghiên cứu đề xuất các vấn đề liên quan đến tổ chức lực lượng, chỉ đạo công tác bảo đảm hậu cần cho nền QPTD, quân đội, LLVT cả trong thời bình và thời chiến. Trực tiếp tổ chức, chỉ đạobảo đảm hậu cần cho bộ đội, tăng gia sản xuất, tạo nguồn và nghiên cứu khoa học, khai thác, sử dụng vật tư trang bị…

1. **Tổng cục kĩ thuật và cơ quan kĩ thuật các cấp trong quân đội nhân dân Việt Nam**

Là cơ quan đảm bảo trang bị kĩ thuật, phương tiện kỷ thuật phục vụ cho nhiệm vụ huấn luyện, SSCĐ và chiến đấu cho toàn quân và từng đơn vị.

1. **Tổng cục công nghiệp quốc phòng, các cơ quan, đơn vị sản xuất quốc phòng**

Là cơ quan, đơn vị chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ sản xuất quốc phòng.

Chức năng nhiệm vụ: Nghiên cứu, đề xuất các vấn đế có liên quan đến tổ chức, chỉ đạo công tác công nghiệp QPTD và CTND. Trực tiếp tổ chức chỉ đạo sản xuất, tạo nguồn bảo đảm cho sản xuất của ngành CNQP trong quân đội. Tổ chức chỉ đạo nghiên cứu khoa học và huấn luyện bộ đội về CNQP.

1. **Quân khu**

Là tổ chức quân sự theo địa giới hành chính một số tỉnh, thành giáp nhau, có liên quan với nhau về quân sự, quốc phòng.

1. **Quân đoàn**

Là lực lượng thường trực của quân đội, là đơn vị tác chiến chiến dịch, lực lượng thường từ 3-4 sư đoàn bộ binh và một số lữ đoàn, trung đoàn binh chủng, bảo đảm.

1. **Quân chủng**

Quân chủng là bộ phận phân loại cơ bản của quân đội, gồm có lục quân, hải quân, phòng không-không quân; mỗi bộ phận được rèn luyện chiến đấu ở một môi trường địa lý nhất định (trên bộ, trên biển hoặc trên không).

Là lực lượng quân đội được tổ chức, biên chế, trang bị, huấn luyện, theo đặc trưng chức năng, nhiệm vụ và phương thức tác chiến riêng. Hiện nay ta có quân chủng hải quân, lục quân và phòng không-không quân.

1. **Bộ đội biên phòng**

Là một phận của QĐND Việt Nam. Chức năng chủ yếu là quản lý nhà nước đối với biên giới quốc gia, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia, lợi ích quốc gia, giữ gìn an ninh biên giới, vùng biển đảo của tổ quốc.

1. **Binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam**

Binh chủng là bộ phận trong quân chủng, được phân loại theo trang bị vũ khí và chức năng tác chiến khác nhau. Ví dụ, trong quân chủng lục quân Việt Nam có các binh chủng bộ binh, pháo binh, đặc công,…

Là những ngành chuyên môn chiến đấu và bảo đảm chiến đấu cho quân đội.

1. **Cảnh sát biển Việt Nam một số tài liệu còn viết là Tuần duyên Việt Nam**

Là lực lượng quân sự chuyên trách thực hiện chức năng quản lý về an ninh, trật tự, an toàn và bảo đảm việc chấp hành pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên trên [các vùng](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1c_v%C3%B9ng_bi%E1%BB%83n_Vi%E1%BB%87t_Nam) [biển](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1c_v%C3%B9ng_bi%E1%BB%83n_Vi%E1%BB%87t_Nam) và thềm lục địa của nước này.

1. **GIỚI THIỆU CHUNG VỀ QUÂN CHỦNG, QUÂN KHU, QUÂN ĐOÀN, BINH CHỦNG**
2. QUÂN CHỦNG LỤC QUÂN
   1. **Những vấn đề chung về Lục Quân**

* Lục quân Việt Nam không tổ chức thành bộ tư lệnh riêng mà đặt dưới sự chỉ đạo, chỉ huy trực tiếp của Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị; sự chỉ đạo chuyên ngành của các tổng cục và cơ quan chức năng khác. Khi mới thành lập, Quân đội nhân dân Việt Nam chỉ có lục quân với bộ binh là chính. Qua quá trình xây dựng, Lục quân đã từng bước phát triển cả về quy mô tổ chức và lực lượng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và phương thức tác chiến của chiến tranh nhân dân Việt Nam.
* Lục quân có 07 quân khu (1, 2, 3, 4, 5, 7, 9) và Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội; 06 binh chủng (gồm Pháo binh, Tăng - Thiết giáp, Công binh, Thông tin, Hoá học, Đặc công); 04 quân đoàn (1, 2, 3, 4). Các quân khu, quân đoàn, binh chủng có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác. Các quân khu được tổ chức trên các hướng chiến lược và theo địa bàn. Quân khu có các sư đoàn và trung đoàn chủ lực trực thuộc. Quân khu chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu. Quân đoàn là đơn vị cơ động lớn nhất của Lục quân, được bố trí để bảo vệ các địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia, Quân đoàn có các sư đoàn và các đơn vị trực thuộc. Các binh chủng tham gia tác chiến hợp đồng quân binh chủng theo phân công đồng thời thực hiện chức năng bảo đảm kỹ thuật và huấn luyện, đào tạo sĩ quan, nhân viên kỹ thuật theo các chuyên ngành cho toàn quân. Các binh chủng có các đơn vị chiến đấu trực thuộc, các trường sĩ quan và trường kỹ thuật theo chuyên ngành.
  1. **Giới thiệu chung về các binh chủng của Lục Quân**

**-** Lục quân là một quân chủng trong [quân đội](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i) hoạt động chủ yếu trên mặt đất, thường có số quân đông nhất, có trang bị và phương thức tác chiến đa dạng, phong phú. Là lực lượng chính quyết định kết cục của chiến tranh.

* [Bộ binh](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_binh): lực lượng chủ yếu của lục quân, được trang bị nhẹ để tác chiến trên bộ; đảm nhiệm chức năng chủ yếu là tiêu diệt đối phương, đánh chiếm trận địa của chúng và giữ vững trận địa của mình. Là binh chủng cổ nhất trong lịch sử và thường là binh chủng đầu tiên được xây dựng trong các quân đội. Từ giữa thế kỉ 20, phần lớn các nước công nghiệp có xu hướng phát triển BB thành BB cơ giới
* [Bộ binh cơ giới](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_binh_c%C6%A1_gi%E1%BB%9Bi): bộ binh được trang bị xe chiến đấu bọc thép để cơ động và chiến đấu, có thể thực hành chiến đấu ngay trên xe hoặc với đội hình đi bộ. So với bộ binh, BBCG được trang bị hoả lực mạnh hơn và có sức cơ động cao hơn.

1. Pháo binh: Lực lượng hỏa lực chủ yếu của lục quân, thường được trang bị các loại pháo, tên lửa và súng cối, dùng để sát thương, tiêu diệt các mục tiêu và trực tiếp chi viện hỏa lực cho các lực lượng tác chiến trên mặt đất, mặt nước, có thể chiến đấu hiệp đồng hoặc độc lập.
2. Tăng - thiết giáp: Chịu trách nhiệm tác chiến đột kích trên bộ và đổ bộ (hải quân), được trang bị các loại xe tăng, xe thiết giáp, với hỏa lực mạnh, sức cơ động cao.
3. Đặc công: Một lực lượng đặc biệt tinh nhuệ được tổ chức, trang bị và huấn luyện đặc biệt, có phương pháp tác chiến linh hoạt, táo bạo, bất ngờ, thường dùng để đánh các mục tiêu hiểm yếu nằm sâu trong đội hình chiến đấu, bố trí chiến dịch và hậu phương của địch.
4. Công binh: Có chuyên môn kỹ thuật với chức năng bảo đảm công binh trong chiến đấu và xây dựng, có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí công binh.

đ) Thông tin liên lạc: Có chức năng bảo đảm thông tin liên lạc cho hệ thống chỉ huy trong toàn quân.

1. Hóa học: Một binh chủng chuyên môn kỹ thuật, có chức năng bảo đảm hóa học cho tác chiến, làm nòng cốt trong việc phòng chống vũ khí hủy diệt lớn, ngụy trang bảo vệ các mục tiêu quan trọng của quân đội, nghi binh đánh lừa địch bằng màn khói. Bộ đội Hóa học còn có thể trực tiếp chiến đấu bằng vũ khí bộ binh và súng phun lửa.

* Như thế, lục quân và bộ binh hoàn toàn khác nhau. Lục quân là một quân chủng trong quân đội. Bộ binh là một binh chủng chủ yếu của quân chủng Lục quân, gồm những người lính chiến đấu chủ yếu ở trên bộ, được trang bị các loại vũ khí nhỏ (súng trường, súng lục, lựu đạn...), mặc dù họ có thể được đưa đến chiến trường bằng ngựa, tàu thuyền, ô-tô, máy bay hay các phương tiện khác.
  1. **Giới thiệu chung về các Quân khu và Bộ tư lệnh Thủ đô**

1. Quân khu 1

* Trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địachính trị chiến lược đặc biệt quan trọng về kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh và đối ngoại trong thế bố trí chung của cả nước,bảo vệ vùng Đông Bắc gồm 6 tỉnh: Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Bắc Giang, Bắc Ninh. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy lực lượng vũ trang 3 thứ quân; thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chú trọng nâng cao chất lượng huấn luyện, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang ba thứ quân, xây dựng thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc; tích cực tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, giúp nhân dân khắc phục hậu quả thiên tai, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. Tư lệnh kiêm Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 1 là đồng chí Đàm Quang Trung.
* Hiện nay, Quân khu 1 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần,
* kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 1 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu

**-** Ngày truyền thống: 16-10-1945

Truyền thống vẻ vang: “TRUNG HIẾU, TIÊN PHONG, ĐOÀN KẾT, CHIẾN THẮNG”

Phần thưởng cao quý:

Với những thành tích đặc biệt xuất sắc qua các thời kỳ, Lực lượng vũ trang Quân khu 1 đã được Đảng, Nhà nước tặng nhiều phần thưởng cao quý: Huân chương Sao vàng, 02 Huân chương Hồ Chí Minh, 03 Huân chương Độc lập, 10 Huân chương Quân công, hàng nghìn lượt tập thể đơn vị, hàng vạn cá nhân được thưởng Huân chương Chiến công các hạng; 346 đơn vị và 206 cá nhân được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong kháng chiến, 06 đơn vị được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ đổi mới (lực lượng vũ trang huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; lực lượng vũ trang và nhân dân xã Thị Hoa, huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng; Trung đoàn Xe tăng 409; Lữ đoàn Công binh 575; Lữ đoàn Pháo binh 382; Tiểu đoàn Hoá học 23/ Bộ Tham mưu); 916 Mẹ Việt Nam Anh hùng và nhiều phần thưởng cao quý khác của bạn bè quốc tế.

1. Quân khu 2

* Quân khu 2 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Tây Bắc gồm 9 tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Hà giang, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc. Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu. Tư lệnh và Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 2 là các đồng chí Bằng Giang, Bùi Quang Tạo.
* Hiện nay, Quân khu 2 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 2 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 19-10-1946 Truyền thống vẻ vang:

“TRUNG THÀNH, TỰ LỰC, ĐOÀN KẾT, ANH DŨNG, CHIẾN ĐẤU”

1. Quân khu 3

Quân khu 3 trực thuộc Bộ Quốc phòng, nằm ở vị trí địa - chính trị chiến lược bảo vệ vùng Đồng bằng sông Hồng gồm 9 tỉnh: Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Hòa Bình.Có nhiệm vụ tổ chức, xây dựng, quản lý và chỉ huy các cơ quan, đơn vị trực thuộc; các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn quân khu. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 3 là các đồng chí Hoàng Sâm, Trần Độ.

Hiện nay, Quân khu 3 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 3 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 31-10-1945. Truyền thống vẻ vang:

“ĐOÀN KẾT, CHỦ ĐỘNG, SÁNG TẠO, HY SINH, CHIẾN THẮNG”

1. Quân khu 4

Quân khu 4 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tỉnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế có nhiệm vụ chỉ huy, quản lý và tổ chức lực lượng vũ trang quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Bắc Trung Bộ Việt Nam.

Thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 15/10/1945 Chiến khu 4 được thành lập gồm 6 tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế và ngày này trở thành Ngày truyền thống của lực lượng vũ trang Quân khu

* 1. Ngày 03/6/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Sắc lệnh số 17/SL về việc thành lập Quân khu 4 trên cơ sở Liên khu 4.

Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 4 là các đồng chí Nguyễn Đôn, Chu Huy Mân.

Hiện nay, Quân khu 4 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 4 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 15-10-1945 đ) Quân khu 5

Quân khu 5 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt Nam, hiện nay có chức năng nhiệm vụ cơ bản là tổ chức, xây dựng, quản lí và chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc Quân khu chiến đấu bảo vệ vùng Nam Trung Bộ, xây dựng và củng cố nền quốc phòng toàn dân ở địa phương trên địa bàn. Địa bàn Quân khu 5 bắt đầu từ đèo Hải Vân đến cực nam tỉnh Ninh Thuận,bảo vệ vùng Nam Trung Bộgồm 11 tỉnh thành phố: Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Kon Tum, Gia Lai, Đắc Lắc và Đắc Nông. Tổ chức hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh; Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn, trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc.

Ngày truyền thống: 16-10-1945 Truyền thống vẻ vang:

“TỰ LỰC TỰ CƯỜNG, KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN, CHỊU ĐỰNG GIAN KHỔ, MƯU TRÍ SÁNG TẠO, CHIẾN ĐẤU KIÊN CƯỜNG, CHIẾN THẮNG VẺ VANG”.

Trải qua hai cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm và 35 năm xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang Quân khu 5 đã có 162.768 liệt sỹ hy sinh vì sự nghiệp độc lập, tự do của dân tộc, hơn 100 nghìn thương, bệnh binh, 13.772 Mẹ Việt Nam Anh hùng. Với những đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, lực lượng vũ trang Quân khu 5 đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý:

* Huân chương Sao vàng (1985);
* 898 tập thể và 392 cá nhân và được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, trong đó có: Trung đoàn Ba Gia - đơn vị được 3 lần tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân: Trung đoàn Ba Gia và các đơn vị được 2 lần tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân: Sư đoàn 2; Trung đoàn 95; Trung đoàn 812; Tiểu đoàn 840/Trung đoàn 812; Đại đội Công binh Hải Vân/Quảng Đà; Đại đội 2/Trung đoàn 66; Đại đội 5/26/Đoàn 5504; Lực lượng vũ trang và nhân dân các địa phương huyện Duy Xuyên và (Quảng Nam); Lực lượng vũ trang và nhân dân các địa phương huyện Đại Lộc (Quảng Nam); xã Tịnh Khê (Sơn Tịnh, Quảng Ngãi); xã Hoà Hải (Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng).
* Trong thời kỳ đổi mới, lực lượng vũ trang Quân khu 5 có 5 tập thể vinh dự được Nhà nước tuyên dương danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (lực lượng vũ trang và nhân dân huyện Đại Lộc/Quảng Nam, Lữ đoàn công binh 270, Viện Quân y 13, Trung đoàn Pháo binh 368 và Binh đoàn 15), 1 cá nhân được Nhà nước tuyên dương Anh hùng Lao động; 25 tập thể được tặng Cờ Thủ tướng Chính phủ; 85 tập thể và 35 cá nhân được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; 68 tập thể được tặng Cờ Thi đua Bộ Quốc phòng; 542 tập thể và cá nhân được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen và các hình thức khen thưởng khác.

1. Quân khu 7

* Quân khu 7 là tổ chức quân sự theo vùng lãnh thổ, được thành lập ngày 10/12/1945, bao gồm thành phố Sài Gòn và các tỉnh Gia Định, Chợ Lớn, Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một và Tây Ninh. nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đông Nam BộNay gồm Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh: Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, Long An và Tây Ninh.
* Trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, lực lượng vũ trang Quân khu 7 vừa xây dựng vừa chiến đấu, từ trong muôn vàn thiếu thốn, gian khổ hy sinh, đã sáng tạo ra những cách đánh hết sức độc đáo, có hiệu quả, lập nên nhiều chiến công xuất sắc ở cả ba vùng đô thị, đồng bằng và rừng núi, góp phần làm chuyển đổi cục diện chiến trường, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của địch, cùng quân và dân cả nước làm nên trận Điện Biên Phủ và cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975.
* Trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến tranh giải phóng dân tộc, lực lượng vũ trang Quân khu 7 thực hành quân quản, sắp xếp lại lực lượng, khắc phục hậu quả chiến tranh, tham gia xây dựng chế độ xã hội mới: Vừa đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại của địch, xây dựng tiềm lực quân sự - quốc phòng, vừa kiên cường chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam, làm nhiệm vụ Quốc tế xây dựng và bảo vệ đất nước Campuchia, góp phần đập tan chế độ diệt chủng Pôn Pốt. Trong bối cảnh lịch sử mới, lực lượng vũ tranh Quân khu 7 tập trung xây dựng đơn vị cách mạng, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, ra sức huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
* Trải qua hơn 60 năm, xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, lực lượng vũ trang Quân khu 7 được tặng thưởng: 02 Huân chương Sao vàng, 02 Huân chương Hồ Chí Minh, 01 Huân chương Quân công hạng nhất và 340 cá nhân Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Thành phố Hồ Chí Minh và hầu hết các tỉnh của Quân khu 7 đều được tặng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh và danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.
* Lực lượng vũ trang Quân khu 7 luôn chú trọng việc quán triệt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy quân sự Trung ương, Bộ quốc phòng, vận dụng linh hoạt sáng tạo đường lối quân sự, đường lối ngoại giao, thống nhất ý chí và hành động, khắc phục khó khăn, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao.

Kế thừa và phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng mà ông, cha đã dày công vun đắp, phấp đấu xây dựng lực lượng vũ trang Quân khu 7 ngày càng lớn mạnh, tô thắm thêm truyền thống vẻ vang: “Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng” lực lượng vũ trang Quân khu 7 mãi mãi xứng đáng với sự tin yêu của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

1. Quân khu 9

* Quân khu 9 trực thuộc Bộ Quốc phòng Việt nam nằm trên một địa bàn chiến lược trong thế trận chiến tranh nhân dân Việt Nam, bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu long gồm 12 tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cần Thơ, An Giang, Hậu Giang, Kiên giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Có nhiệm vụ quản lý, tổ chức, xây dựng và chỉ huy quân đội chiến đấu bảo vệ vùng Đồng bằng Sông Cửu long Việt Nam. Tư lệnh và Chính uỷ đầu tiên của Quân khu 9 là các đồng chí Nguyễn Thành Thơ, Nguyễn Văn Bé.
* Hiện nay, Quân khu 9 có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật, các sư đoàn và trung đoàn chủ lực và các đơn vị trực thuộc khác. Quân khu 9 chỉ huy các đơn vị bộ đội địa phương các tỉnh, huyện và dân quân tự vệ trong địa bàn của quân khu.

Ngày truyền thống: 10-12-1945

1. Bộ tư lệnh Thủ đô Hà Nội

* Ra đời từ phong trào cách mạng của quần chúng, lực lượng vũ trang (LLVT) Thủ đô Hà Nội là một bộ phận quan trọng của LLVT nhân dân Việt Nam đã kế thừa, phát huy truyền thống anh hùng bất khuất chống ngoại xâm của Thủ đô Hà Nội, truyền thống “Ngàn năm văn hiến Thăng Long-Hà Nội” cùng các tầng lớp nhân dân Thủ đô viết nên trang sử hào hùng, góp phần làm rạng danh non sông đất nước.
* Trước và trong cách mạng tháng Tám, các đội tiền thân của LLVT Thủ đô xung kích đi đầu, làm nòng cốt cho các tầng lớp nhân dân Hà Nội đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, tích cực chuẩn bị mọi điều kiện khi thời cơ đến vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, góp phần quyết định thắng lợi cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị hơn 80 năm của chủ nghĩa thực dân, lật đổ chế độ phong kiến mấy nghìn năm, giành độc lập tự do cho dân tộc, mang lại quyền làm chủ cho nhân dân Việt Nam. LLVT Thủ đô Hà Nội đã cùng các tầng lớp nhân dân kiên quyết đấu tranh đập tan hoạt động chống phá của kẻ thù, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng, đưa cách mạng Việt Nam thoát ra khỏi tình thế ngàn cân treo sợi tóc.
* Sau khi được thành lập, ngày 19-12-1946 hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và chấp hành quyết định của Thường vụ Trung ương Đảng, quân và dân Chiến khu XI với tinh thần “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh” đã nổ súng mở đầu cho toàn quốc kháng chiến. Lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung, quân và dân Thủ đô nói riêng mãi mãi lưu truyền cuộc chiến đấu 60 ngày đêm, làm thất bại âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp, vượt chỉ tiêu Trung ương giao, bảo vệ tuyệt đối an toàn cơ quan đầu não của Đảng, Nhà nước, tạo điều kiện cho cả nước có thời gian thực hiện công việc kháng chiến lâu dài. Suốt chặng đường kháng chiến chống thực dân Pháp, LLVT Thủ đô Hà Nội đã kiên trì trụ vững bám dân, bám đất, xây dựng cơ sở, dựa vào dân chiến đấu và lập được nhiều chiến công vẻ vang. Nhiều trận đánh tiêu biểu, hiệu quả để lại kinh nghiệm quý cho chiến tranh nhân dân, góp phần tạo ra bước ngoặt quan trọng trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Các địa phương thuộc tỉnh Hà Đông và Sơn Tây là địa bàn hoạt động của các đơn vị LLVT Mặt trận Hà Nội, nhiều địa phương được xây dựng thành căn cứ kháng chiến và căn cứ của Bộ chỉ huy Mặt trận Hà Nội, hai tỉnh cung cấp nhiều nhất cho Hà Nội lương thực, thực phẩm…
* Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, lực lượng vũ trang Thủ đô vừa sản xuất, vừa tăng cường chi viện cho chiến trường, dũng cảm, kiên cường, mưu trí, sáng tạo, phối hợp chặt chẽ với lực lượng phòng không, không quân quốc gia đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc, đỉnh cao là cuộc chiến đấu 12 ngày đêm cuối tháng Chạp năm 1972, lập nên kỳ tích của thế kỷ XX Hà Nội “Điện Biên Phủ trên không” để trở thành “Thủ đô lương tri và phẩm giá con người”.
* Thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, LLVT Thủ đô luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, vượt mọi khó khăn, vừa tăng cường chi viện cho các mặt trận bảo vệ biên giới, làm nhiệm vụ quốc tế, vừa là lực lượng nòng cốt góp phần cùng các tấng lớp nhân dân Thủ đô làm thất bại âm mưu thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, bạo

loạn lật đổ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, bảo vệ vững chắc thành quả của cách mạng, bảo vệ, kiến thiết Thủ đô ngày càng văn minh, hiện đại.

* Trong quá trình xây dựng, chiến đấu, trưởng thành, các thế hệ cán bộ, chiến sĩ LLVT Thủ đô Hà Nội lập nên những chiến công oanh liệt, viết nên những trang sử hào hùng, góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Sự hy sinh, cống hiến cùng những chiến công của các thế hệ cán bộ, chiến sĩ đã hun đúc nên giá trị tiêu biểu, đặc sắc như lời Bác Hồ khen “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”.
* Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự thương yêu đùm bọc giúp đỡ của nhân dân, lớp lớp các thế hệ cán bộ, chiến sĩ LLVT Thủ đô đã không ngại gian khổ hy sinh ra sức phấn đấu xây dựng và vun đắp nên truyền thống Anh hùng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ cấp trên giao. Kế thừa, phát huy truyền thống vẻ vang của LLVT Thủ đô là vinh dự và trách nhiệm của mỗi cán bộ, chiến sĩ LLVT Thủ đô hôm nay.

Ngày truyền thống:

Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài, toàn dân, toàn diện, ngày 19/10/1946, Chiến khu XI - Tổ chức hành chính quân sự thống nhất của các LLVT Thủ đô Hà Nội được thành lập. Chiến khu XI đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương. Ngày 25/7/1947 trước yêu cầu của cuộc kháng chiến, Trung ương ra quyết định địa bàn hoạt động của Chiến khu XI được mở rộng bao gồm: Hà Nội, Hà Đông và Sơn Tây. Qua Hội thảo khoa học và thực tiễn hoạt động quân sự, quốc phòng của Chiến khu XI đã mang đầy đủ tính chất chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ngày nay. Vì vậy, ngày 19/10/1946 là ngày truyền thống của LLVT Thủ đô Hà Nội theo Quyết định số 1850/QĐ-QP ngày 31/5/2010 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

**4. Giới thiệu chung về các Quân đoàn**

Quân đội nhân dân Việt Nam có các Quân đoàn 1, 2, 3 và 4. Mỗi quân đoàn có 3-5 sư đoàn bộ binh và các đơn vị thiết giáp, công binh, pháo binh, phòng không, thông tin, hóa học...

1. Quân đoàn 1 **:** “Thần tốc - Quyết thắng”

* Là quân đoàn chủ lực cơ động đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 24/10/1973. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn 1 là các đồng chí Lê Trọng Tấn, Lê Quang Hoà. Quân đoàn 1 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.
* Trước diễn biến trên chiến trường và trước các điều kiện khách quan và chủ quan, vấn đề xây dựng các quân đoàn, binh chủng hợp thành có sức cơ động cao, hoả lực mạnh, sức đột kích lớn, làm lực lượng quyết định trong các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược trở thành yêu cầu khách quan, phù hợp với quy luật phát triển của quân đội ta. Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất nước, tháng 10/1973 Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Chính trị thành lập các quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 24/10/1973, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bí thư Quân uỷ

Trung ương, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ký Quyết định số 124/QĐ-QP thành lập Quân đoàn 1.

* Ngay sau khi thành lập, trong điều kiện vừa ổn định tổ chức biên chế, vừa huấn luyện và xây dựng, chuẩn bị cơ sở vật chất kỹ thuật, Quân đoàn 1 đã khẩn trương xây dựng Quân đoàn thành một Binh đoàn chủ lực, cơ động chiến lược của Quân đội nhân dân Việt Nam: có khả năng chiến đấu cao, cơ động lớn, đột kích mạnh, có khả năng tác chiến tập trung hiệp đồng quân binh chủng quy mô lớn.
* Trong cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Quân đoàn 1 vừa thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa - hậu phương chiến lược của cả nước, vừa chủ động khắc phục những khó khăn to lớn về cơ động, về hậu cần - kỹ thuật và chuẩn bị chiến trường, đã tổ chức cuộc hành quân “thần tốc” chưa từng có trong lịch sử quân đội ta từ Bắc vào Nam chỉ trong 11 ngày đêm đã vượt chặng đường dài hơn 1.700 km, kịp thời vào trực tiếp tham gia chiến đấu trên hướng Bắc Sài Gòn trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Nhạy bén với tình hình, biết chủ động nắm và chớp thời cơ, hạ quyết tâm chính xác, vận dụng sáng tạo cách đánh, nghệ thuật tác chiến hiệp đồng binh chủng, phù hợp với thực tiễn chiến trường, với lối đánh “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, Quân đoàn đã kiên quyết tiến công, táo bạo bất ngờ đánh chiếm những mục tiêu quan trọng có tính chiến lược trong hệ thống phòng thủ của địch trên hướng Bắc Sài Gòn; tiêu diệt và bức hàng hoàn toàn Sư đoàn 5 ngụy giải phóng tỉnh Bình Dương; táo bạo thọc sâu đánh chiếm Bộ Tổng Tham mưu-cơ quan đầu não của Quân nguỵ Sài Gòn, Quận lỵ Gò Vấp, Tiểu khu Gia Định, góp phần quan trọng giải phóng Sài Gòn - Gia Định, giải phóng hoàn toàn Miền Nam, thống nhất đất nước, xây dựng nên truyền thống vẻ vang “Thần tốc-Quyết thắng” của Quân đoàn.
* Ngay sau ngày đất nước được giải phóng, trước yêu cầu khẩn trương của sự nghiệp cách mạng, Quân đoàn 1 lại một lần nữa thực hiện cuộc hành quân “Thần tốc” từ miền Nam trở về miền Bắc làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, cơ động dự bị chiến lược của Bộ. Trong các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc trên các vùng biên giới phía Tây Nam và phía Bắc, Quân đoàn 1 vừa hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ huấn luyện lực lượng tăng cường cho các đơn vị chiến đấu ở tuyến trước, vừa trực tiếp tham gia chiến đấu phòng ngự thay phiên, giữ vững một vùng biên cương Tổ quốc, góp phần quan trọng cùng quân và dân cả nước đánh thắng quân xâm lược, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
* Ngày nay, trước yêu cầu nhiệm vụ mới, các đơn vị của Quân đoàn 1 được trang bị thêm nhiều vũ khí trang bị kỹ thuật hiện đại; tổ chức nhiều cuộc diễn tập chiến đấu hiệp đồng quân binh chủng phục vụ công tác nghiên cứu khoa học - nghệ thuật quân sự hoặc “làm mẫu” thực nghiệm cho toàn quân huấn luyện chiến đấu.

Ngày truyền thống: 24-10-1973

* Với những chiến công và thành tích xuất sắc trong chiến đấu bảo vệ và xây dựng đất nước, Quân đoàn 1 đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (29/8/1985).

1. Quân đoàn 2: “Thần tốc, táo bạo, quyết thắng”

* Quân đoàn 2 là quân đoàn chủ lực cơ động của QĐND Việt Nam, được thành lập ngày 17/5/1974, tại Trị - Thiên. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn là các đồng chí Hoàng Văn Thái, Lê Linh. Quân đoàn 2 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.
* Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất nước, tháng 10/1973 Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Chính trị thành lập các quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo đó, ngày 17/5/1974, Quân đoàn 2 được thành lập tại Ba Nang- Ba Lòng-Quảng Trị.
* Sự ra đời của Quân đoàn 2 thể hiện sinh động quy luật về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng. Nhiệm vụ chủ yếu của Quân đoàn là tham gia tổ chức các chiến dịch quy mô bằng sức mạnh hiệp đồng binh chủng, thực hiện những đòn tiêu diệt lớn lực lượng địch, phối hợp với các lực lượng tại chỗ và phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân giải phóng hoàn toàn miền Nam. Để thực hiện nhiệm vụ này, yêu cầu đặt ra đối với Quân đoàn là phải xây dựng sức mạnh chiến đấu tổng hợp, sức đột kích mạnh, tính cơ động cao, thành thạo tác chiến tập trung hiệp đồng quân, binh chủng.
* Sau khi thành lập, quân đoàn đã mở các cuộc tiến công đầu tiên thắng lợi ở Thượng Đức, La Sơn - Mỏ Tàu, mở rộng các vùng giải phóng, đánh bại cuộc phản công của Sư đoàn Dù - con át chủ bài của lực lượng tổng dự bị chiến lược của Quân đội Sài Gòn, góp phần để Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng có thêm căn cứ thực tế khi phân tích tình hình, đánh giá so sánh lực lượng địch - ta và hạ quyết tâm chiến lược chính xác.
* Đầu năm 1975, Quân đoàn 2 đã đẩy mạnh các hoạt động phối hợp chiến trường và tác chiến tạo thế ở Nam Thừa Thiên. Khi thời cơ xuất hiện, cùng với các lực lượng của Quân khu Trị - Thiên và Quân khu 5, Quân đoàn đã tiến công liên tục tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ Quân đoàn 1, Quân khu 1 và Sư đoàn hải quân đánh bộ của Quân đội VNCH Sài Gòn, góp phần quyết định thực hiện thắng lợi Chiến dịch Trị - Thiên - Huế, giải phóng hoàn toàn Trị - Thiên - Huế và Quảng Nam - Đà Nẵng.
* Để phát triển ưu thế chiến lược có lợi cho ta trên toàn bộ chiến trường miền Nam, theo Mệnh lệnh của Bộ, Quân đoàn 2 đã tổ chức và thực hiện xuất sắc cuộc hành quân thần tốc trong 18 ngày đêm, tiến công địch trong hành tiến dọc duyên hải miền Trung, góp phần quyết định tiến công đập tan lực lượng, và các tuyến phòng ngự của Địch ở Phan Rang, Phan Thiết, Hàm Tân, giải phóng các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Tuy, khu vực phòng thủ từ xa của Quân VNCH trên hướng Đông, góp phần làm

thay đổi cán cân lực lượng gữa ta và địch ở Nam Bộ, mở thông tuyến đường số 1 kéo dài từ miền Bắc tới tận cửa ngõ phía Đông và Đông Bắc Sài Gòn, mở thêm một tuyến đường tiếp tế hậu cần chiến lược, tạo một thế trận chung thuận lợi cả về chiến lược và chiến dịch.

* Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Quân đoàn 2 đã tổ chức đội hình chiến đấu có lực lượng đột kích mạnh gồm xe tăng, pháo binh, pháo phòng không và bộ binh, cùng với quân và dân vùng Đông và Đông Nam Sài Gòn tiến công dũng mãnh, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ lực lượng địch phòng ngự trên hướng này, nhanh chóng đưa lực lượng thọc sâu đánh chiếm nhiều mục tiêu quan trọng, Dinh Độc lập, Phủ Tổng thống chính quyền Sài Gòn bắt Tổng thống và toàn bộ nội các chính quyền Sài Gòn; góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.
* Sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, Quân đoàn 2 tiếp tục nhận và hoàn thành thắng lợi nhiều nhiệm vụ khác nhau. Đặc biệt trước yêu cầu của cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam, Quân đoàn đã thực hiện xuất sắc cuộc hành quân thần tốc từ miền Trung vào mặt trận, phối hợp cùng với các đơn vị bạn, Quân đoàn 2 đã liên tục phản công, tiến công địch, góp phần xứng đáng vào chiến công oanh liệt, đánh bại cuộc tiến công xâm lược của địch ở biên giới Tây Nam và làm tròn nhiệm vụ quốc tế cao cả; giải phóng đất nước Cămpuchia thoát khỏi nạn diệt chủng, giúp Đảng nhân dân cách mạng Cămpuchia củng cố chính quyền cách mạng cơ sở.
* Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Quân đoàn thường xuyên huấn luyện, tổ chức các cuộc diễn tập nghiên cứu, thực nghiệm, kiểm tra với quy mô lớn để từng bước hoàn chỉnh các phương án, hình thức tác chiến mới phù hợp với chiến lược quốc phòng - an ninh của Đảng trong thời kỳ mới; đồng thời nỗ lực xây dựng đơn vị vững mạnh về mọi mặt, xứng đáng với truyền thống “Thần tốc, táo bạo, quyết thắng” trong chiến đấu; “chủ động, tích cực, sáng tạo” trong xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, ngày càng hiện đại, thực sự là “quả đấm thép” chủ lực của Bộ Quốc phòng.

Ngày truyền thống: 17-5-1974

* Với những thành tích vẻ vang trong chiến đấu, Quân đoàn 2 vinh dự được Đảng và Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (ngày 28/9/1985).

1. Quân đoàn 3

* Là quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 26/3/1975. Tư lệnh, Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn 3 là các đồng chí Vũ Lăng, Đặng Vũ Hiệp. Quân đoàn 3 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.

Quá trình hình thành và phát triển

* Ngay sau khi Tây Nguyên được giải phóng, ngày 26/3/1975, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Quân ủy Trung ương, Phó Thủ tướng Chính

phủ kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ký quyết định số 54/QĐ-QĐ thành lập Quân đoàn 3 trực thuộc Bộ Quốc phòng.

* Quân đoàn 3 được thành lập có ý nghĩa rất quan trọng, đánh dấu sự ra đời của quân đoàn chủ lực cơ động thứ 4 của Quân đội nhân dân Việt Nam. Theo quyết định của Bộ Quốc phòng, cơ cấu tổ chức của Quân đoàn 3 bao gồm: Bộ Tư lệnh, các cơ quan tham mưu, chính trị, hậu cần và các đơn vị trực thuộc. Với thành phần là các đơn vị thuộc khối chủ lực B3 đang trong quá trình phát triển chiến dịch Tây Nguyên, Quân đoàn 3 là một binh đoàn chủ lực binh chủng hợp thành hoàn chỉnh, có cơ cấu tổ chức chặt chẽ, ổn định, sức cơ động cao, hoả lực mạnh, có trình độ và kinh nghiệm tác chiến hiệp đồng binh chủng; có thể độc lập tiến hành một chiến dịch hoặc đảm nhiệm hướng chủ yếu trong đội hình chiến dịch lớn của cấp trên, làm lực lượng quyết định trong các chiến dịch có ý nghĩa chiến lược.
* Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Quân đoàn 3 được giao nhiệm vụ đảm nhiệm hướng tiến công chủ yếu nhất của chiến dịch từ Tây Bắc vào Sài Gòn, Bộ Tư lệnh Quân đoàn 3 đã nhanh chóng tổ chức quán triệt nhiệm vụ, xây dựng quyết tâm chiến đấu, phương án tác chiến, gấp rút điều động lực lượng từ các hướng cơ động về Tây Bắc Sài Gòn tham gia chiến dịch. Phát huy truyền thống “Quyết thắng, sáng tạo, đoàn kết, thống nhất, nghiêm túc, tự lực”, với phương châm, tư tưởng chỉ đạo tác chiến: “Mạnh bạo, chắc thắng, đánh mạnh, đánh liên tục nắm chắc thời cơ thọc sâu phát triển nhanh”, Quân đoàn 3 đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng vũ trang địa phương, các cánh quân tiến công Sài Gòn từ các hướng, lần lượt đánh chiếm và làm chủ Gò Dầu Hạ, Trảng Bàng, Đồng Dù, Hóc Môn, Trung tâm huấn luyện Quang Trung, sân bay Tân Sơn Nhất, Bộ Tổng Tham mưu quân đội chế độ cũ… hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.
* Trong chiến tranh biên giới Tây Nam, Quân đoàn 3 được lệnh nhanh chóng cơ động lực lượng lên Tây Ninh đánh địch. Với phương châm vừa chiến đấu, vừa xây dựng củng cố, quân đoàn đã mở nhiều chiến dịch và các đợt hoạt động, đánh bại quân địch; đồng thời với tinh thần quốc tế cao cả, Quân đoàn 3 đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giúp đỡ lực lượng cách mạng Campuchia phát triển, giúp nhân dân Campuchia thoát khỏi thảm họa diệt chủng. Tháng 7/1979, Quân đoàn 3 cơ động toàn bộ lực lượng từ Campuchia về nước làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, xây dựng chính quy, củng cố nền quốc phòng toàn dân và thế trận chiến tranh nhân dân trên địa bàn chiến lược xung yếu.

Ngày truyền thống: 26-3-1975

* Với những chiến công hiển hách trong chiến đấu và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN và làm nghĩa vụ quốc tế, Quân đoàn 3 đã vinh dự được Đảng, Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (ngày 20/12/1979) và được nhà nước Campuchia tặng thưởng Huân chương Ăngco (năm 1979).

d) Quân đoàn 4

* Là quân đoàn chủ lực cơ động của Quân đội nhân dân Việt Nam, được thành lập ngày 20/7/1974. Tư lệnh và Chính uỷ đầu tiên của Quân đoàn 4 là các đồng chí Hoàng Cầm, Hoàng Thế Thiện. Quân đoàn 4 hiện nay có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ, Phó Chính uỷ; các cơ quan chức năng đảm nhiệm các mặt công tác tham mưu, chính trị, hậu cần, kỹ thuật và các đơn vị trực thuộc khác.

Quá trình hình thành và phát triển

* Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường quân sự tiến tới thống nhất đất nước, tháng 10/1973 Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Chính trị thành lập các quân đoàn chủ lực của Quân đội nhân dân Việt Nam, ở Nam bộ và Cực Nam Trung Bộ, từ đầu năm 1974 Trung ương Cục, Quân uỷ và Bộ tư lệnh Miền đã chỉ đạo lập phương án tổ chức biên chế, dự thảo chức năng nhiệm vụ của một quân đoàn chủ lực trên chiến trường.
* Sau khi thông qua kế hoạch tổ chức biên chế, ngày 20/7/1974, đồng chí Phạm Hùng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Cục chính thức công bố quyết định thành lập Quân đoàn 4 tại chiến khu Dương Minh Châu, miền Đông Nam Bộ. Với chức năng là quả đấm chủ lực mạnh, lực lượng cơ động của Bộ ở chiến trường B2, nhiệm vụ của Quân đoàn 4 là tiêu diệt quân địch, giải phóng nhân dân, làm nòng cốt cho lực lượng vũ trang 3 thứ quân, làm chỗ dựa vững chắc cho lực lượng đấu tranh chính trị của quần chúng, đảm nhận một hướng chiến lược, một khu vực chiến trường, mục tiêu cuối cùng là giải phóng Sài Gòn.

**-** Sau khi thành lập, căn cứ vào kế hoạch chiến lược hai năm 1975 - 1976 và nhiệm vụ chiến đấu trước mắt trong mùa khô 1974 - 1975, Quân uỷ, Bộ Tư lệnh Miền giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 mở chiến dịch ở Đường số 14 - Phước Long, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng một đoạn đường số 14; tiếp đó đánh bại quân địch nếu chúng phản kích, giữ vững vùng giải phóng. Bằng cách đánh linh hoạt, mưu trí sáng tạo và dũng cảm Quân đoàn đã giành thắng lợi trong chiến dịch Đường số 14- Phước Long, phối hợp với Chiến dịch Tây Nguyên và Chiến dịch Huế-Đà Nẵng theo kế hoạch tác chiến chiến lược, vừa tạo địa bàn đứng chân, tập kết lực lượng và mở các hướng tiến công quan trọng cho các lực lượng bạn đánh vào Sài Gòn. Đây là thắng lợi có ý nghĩa như một đoàn trinh sát chiến lược giúp Bộ Chính trị đưa ra quyết định chính xác quyết tâm giải phóng hoàn toàn Miền Nam thống nhất đất nước trong năm 1975.

* Ngày 02/4/1975, tại căn cứ Vĩnh An, Thượng tướng Trần Văn Trà, Phó Tư lệnh Bộ Chỉ huy Chiến dịch Giải phóng Sài Gòn giao nhiệm vụ cho Quân đoàn 4 triển khai lực lượng trên hai hướng tiến công chiến lược là Đông và Tây Nam Sài Gòn. Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Chỉ huy Chiến dịch và để tạo điều kiện chiến lược cho Chiến dịch Giải phóng Sài Gòn với phương châm tác chiến “Đánh thắng, tiến chắc”, ngày 09/4/1975 các lực lượng của Quân đoàn bắt đầu nổ súng tiến công phòng tuyến Xuân Lộc của quân địch.
* Sau nhiều lần tiến công quyết liệt, ngày 21-4-1975, Quân đoàn đã đập tan phòng tuyến Xuân Lộc, giải phóng thị xã Xuân Lộc và toàn bộ tỉnh Long Khánh. Với đội hình chiến đấu mạnh, cách đánh linh hoạt, các mũi tiến công của Quân đoàn lần lượt đánh chiếm Trảng Bom, tuyến phòng thủ Hố Nai, khu vực phòng thủ Biên Hoà của địch, phát triển tiến công vào nội thành Sài gòn, cùng với các cánh quân khác kết thúc thắng lợi chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.
* Sau năm 1975 Quân đoàn ngoài làm nhiệm vụ quân quản ở thành phố Sài Gòn
* Gia Định, tham gia vào bảo vệ biên giới phía Tây Nam của Tổ quốc, làm tốt nhiệm vụ quốc tế giúp đỡ nhân dân Campuchia thoát khỏi nạn diệt chủng của chế độ Pôn Pốt - Yêngxari; đồng thời, quân đoàn còn giúp xây dựng, huấn luyện lực lượng vũ trang cách mạng Campuchia, xây dựng và củng cố chính quyền mới, góp phần củng cố và thắt chặt hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị truyền thống giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Campuchia anh em.
  + Ngày nay, trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, Quân đoàn 4 đang tập trung huấn luyện, nâng cao chất lượng tổng hợp và trình độ sẵn sàng chiến đấu, đảm bảo cho Quân đoàn có đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Xây dựng quân đoàn chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, xây dựng đảng bộ trong sạch vững mạnh toàn diện, đảm bảo tốt công tác hậu cần, kỹ thuật, chăm lo cho đời sống bộ đội và tích cực xây dựng cơ sở chính trị ở địa phương vững mạnh, xứng đáng là quân đoàn cơ động, chủ lực của Bộ đóng ở phía Nam của Tổ quốc, phát huy truyền thống “Trung thành, đoàn kết, anh dũng, sáng tạo, tự lực, quyết thắng”.

Ngày truyền thống**:** 20-7-1974

Với những thành tích xuất sắc trong chiến đấu bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, Quân đoàn 4 vinh dự được Đảng và Nhà nước tuyên dương Đơn vị Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân (1980).

1. QUÂN CHỦNG HẢI QUÂN
   * Quân chủng Hải quân là lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên biển. Hải quân nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chặt chẽ các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; giữ gìn an ninh, chống lại mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; bảo vệ các hoạt động bình thường của Việt Nam trên các vùng biển đảo, theo quy định của luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam; bảo đảm an toàn hàng hải và tham gia tìm kiếm cứu nạn theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, sẵn sàng hiệp đồng chiến đấu với các lực lượng khác nhằm đánh bại mọi cuộc tiến công xâm lược trên hướng biển.
   * Bộ tư lệnh Hải quân chỉ huy toàn bộ lực lượng Hải quân nhân dân Việt Nam. Bộ Tư lệnh có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh, Chính uỷ và Phó Chính uỷ, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác đảng, công tác chính trị; kỹ thuật; hậu cần.
   * Hải quân nhân dân Việt Nam có 5 vùng Hải quân (1, 2, 3, 4, 5) và các đơn vị trực thuộc. Lực lượng chủ yếu của Hải quân nhân dân Việt Nam là các đơn vị tàu mặt nước, pháo - tên lửa bờ biển; hải quân đánh bộ; đặc công hải quân và các đơn vị phòng

thủ đảo. Hải quân nhân dân Việt Nam đã được tăng cường lực lượng và phương tiện để làm tốt nhiệm vụ tìm kiếm và cứu nạn.

* + Trong tương lai, Hải quân nhân dân Việt Nam được tăng cường trang bị vũ khí hiện đại, nâng cao sức mạnh chiến đấu để có đủ khả năng hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và các lợi ích quốc gia trên biển của Việt Nam.
  + Hải quân nhân dân Việt Nam có truyền thống rất vẻ vang, lập công lớn trong chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của không quân và hải quân Mỹ nhất là thành tích chống phong toả đường biển và các nhiệm vụ được giao trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.
  + Tư lệnh kiêm Chính uỷ đầu tiên của Quân chủng Hải quân là đồng chí Tạ Xuân

Thu.

Ngày truyền thống: 07-05-1955

1. **Chức năng nhiệm vụ**

Quân chủng Hải quân của Quân đội nhân dân Việt Nam còn gọi là Hải quân Nhân dân Việt Nam, là một [quân chủng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%A7ng) thuộc [Bộ Quốc phòng Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_Qu%E1%BB%91c_ph%C3%B2ng_(Vi%E1%BB%87t_Nam)). Quân chủng Hải quân là lực lượng nòng cốt bảo vệ chủ quyền quốc gia của Việt Nam trên biển. Hải quân Nhân dân Việt Nam có nhiệm vụ quản lý và kiểm soát chặt chẽ các vùng biển, hải đảo thuộc chủ quyền của Việt Nam trên Biển Đông; giữ gìn an ninh, chống lại mọi hành vi vi phạm chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán và lợi ích quốc gia của Việt Nam trên biển; bảo vệ các hoạt động bình thường của Việt Nam trên các vùng biển đảo, theo quy định của luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam; bảo đảm an toàn hàng hải và tham gia tìm kiếm cứu nạn theo pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia, sẵn sàng hiệp đồng chiến đấu với các lực lượng khác nhằm đánh bại mọi cuộc tiến công xâm lược trên hướng biển.

Hải quân Nhân dân Việt Nam có các binh chủng tàu mặt nước, [Hải quân đánh](https://vi.wikipedia.org/wiki/Binh_ch%E1%BB%A7ng_H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n_%C4%90%C3%A1nh_b%E1%BB%99%2C_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) [bộ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Binh_ch%E1%BB%A7ng_H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n_%C4%90%C3%A1nh_b%E1%BB%99%2C_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam), [Tên lửa-Pháo bờ biển,Không quân Hải quân](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Binh_ch%E1%BB%A7ng_T%C3%AAn_l%E1%BB%ADa-Ph%C3%A1o_b%E1%BB%9D_bi%E1%BB%83n%2C_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&redlink=1), [tàu ngầm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Binh_ch%E1%BB%A7ng_T%C3%A0u_ng%E1%BA%A7m%2C_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam)... nhưng không tổ chức bộ tư lệnh riêng. Bao gồm các cấp đơn vị: hải đoàn, hải đội, binh đoàn Hải quân đánh bộ, các binh đoàn bộ đội chuyên môn, các đơn vị bảo đảm phục vụ ra đa, thông tin, kỹ thuật, hậu cần....

1. **Các binh chủng của quân chủng Hải Quân**
2. Hải quân đánh bộ - quả đấm thép

* Lính Hải quân đánh bộ còn được gọi là đặc công Hải quân – lực lượng tác chiến đặc biệt tinh nhuệ. Họ đều bơi rất giỏi, trang bị trên người có thể lên đến 40kg hoặc ít hơn tùy nhiệm vụ, chiến đấu như bộ binh nhưng lại phải thành thạo kỹ thuật đánh gần cũng như cách đánh các loại mục tiêu kiên cố, độc lập tác chiến trong điều kiện chỉ huy thông tin hạn chế. Khi có chiến tranh xảy ra mà chiến trường là đảo do ta quản lý bị nước ngoài đánh chiếm thì hải quân đánh bộ phải lấy lại được đảo, không lực lượng nào có thể thay thế.
* Các lữ đoàn Hải quân đánh bộ của Việt Nam được trang bị nhiều vũ khí, khí tài tân tiến.
* Do đặc thù nhiệm vụ, trang bị vũ khí của Hải quân đánh bộ chủ yếu là các loại súng cá nhân. Một trong những vũ khí đó là súng trường tiến công Tavor TAR-21, có khả năng khai hỏa sau quá trình dài ngâm trong nước khi hành quân.
* Hải quân đánh bộ Việt Nam cũng được trang bị "sát thủ diệt tăng" Matador, có khả năng xuyên giáp xe tăng và phá các bức tường gạch hoặc bê tông cốt thép.

1. Tàu ngầm Kilo 636 ‘hố đen đại dương

* Các tàu ngầm Kilo mà Nga đóng cho Việt Nam là loại tiên tiến, được gọi là "hố đen đại dương" bởi khả năng ẩn mình gần như hoàn hảo của nó.
* Đội hình 6 tàu ngầm Kilo có số hiệu từ 182 đến 187 lần lượt mang tên Hà Nội, Thành Phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Đà Nẵng, Bà Rịa-Vũng Tàu đánh dấu mốc quan trọng trong quá trình hiện đại hoá vũ khí, khí tài quân sự, nâng cao sức chiến đấu của Hải quân nhân dân Việt Nam.

1. Không quân Hải quân

* Ngày 3/7/2013, Bộ Quốc phòng bàn giao Lữ đoàn Không quân 954 từ Quân chủng Phòng không Không quân về Quân chủng Hải quân. Lữ đoàn được giao nhiệm vụ tác chiến săn ngầm, vận tải quân sự, trinh sát, quan sát trên không, trên mặt đất, mặt nước, tìm kiếm cứu nạn trên biển, trên đất liền và cứu hộ, cứu nạn, phòng chống bão lụt.
* Hiện nay, Lữ đoàn Không quân 954 đang thực thi nhiệm vụ với các loại máy bay hiện đại hàng đầu khu vực Đông Nam Á gồm trực thăng săn ngầm Ka-28, trực thăng đa năng EC-225, thủy phi cơ DHC-6 và Su30MK2.
* Ka-28 được xem là một trong những loại trực thăng săn ngầm hiện đại nhất ở khu vực Đông Nam Á. Trên máy bay được trang bị radar, sonar, phao âm để trinh sát phát hiện tàu ngầm cùng nhiều loại vũ khí như ngư lôi 400mm, bom chìm chống ngầm.
* Việt Nam đã mua chiếc 6 chiếc thủy phi cơ DHC-6 để trang bị cho hải quân, trong đó 3 chiếc được cấu hình vận chuyển khách, hàng hóa còn ba chiếc trang bị hệ thống radar hiện đại để giám sát biển.
* DHC-6 ngoài khả năng cất hạ cánh trên mặt nước còn có thể cất hạ cánh đường bằng ngắn chỉ vài trăm mét. Vì vậy, DHC-6 được sử dụng nhiều cho các chuyến bay ra đảo Trường Sa Lớn.
* Không quân Hải quân Việt Nam còn được trang bị các trực thăng vận tải đa năng EC-225 Super Puma MkII hiện đại hàng đầu thế giới hiện nay. EC-225 đáp ứng tốt nhiệm vụ vận tải hàng hóa, binh sĩ, tìm kiếm cứu hộ cứu nạn. Đặc biệt, nó được tối ưu để chuyên bay biển-nhiệm vụ số một của Không quân Hải quân Việt Nam.

1. Tên lửa chống hạm-lá chắn thép không thể xuyên thủng

* Hiện nay, Hải quân được trang bị Tổ hợp tên lửa bờ Bastion-P và Tổ hợp rada bờ Monolit-B, trong đó Bastion-P là một trong những hệ thống tên lửa phòng thủ bờ biển cơ động hiện đại nhất trên thế giới hiện nay.
* Đây là tổ hợp vũ khí rất mạnh, một trong những tổ hợp tên lửa bảo vệ bờ biển tốt nhất, có khả năng cơ động cao, sử dụng tên lửa chống tàu có tốc độ siêu âm 3M55 "Yakhont" ("Onyx").
* Tổ hợp tên lửa Bastion có khả năng tấn công mục tiêu xa đến 300 km và bảo vệ một tuyến bờ biển chống tác chiến đổ bộ của đối phương lên đến 600 km.
* Một trong những đặc trưng của tên lửa chống tàu Yakhont là chương trình phần mềm nhân tạo chạy trên máy tính đầu đạn. Nó cho hiệu quả chiến đấu rất cao khi bắn loạt tên lửa. Trong trường hợp bị tấn công ồ ạt với số lượng lớn các tàu, chương trình trên đầu đạn tự chọn và đánh giá độ quan trọng của mục tiêu, lựa chọn tọa độ và phương thức tấn công. Đồng thời, chương trình cũng lựa chọn khả năng chống lại tác chiến điện tử và lựa chọn phương án tránh góc bắn của hỏa lực phòng không đối phương để tấn công tàu.
* Khi tiêu diệt mục tiêu trong đội hình, các tên lửa còn lại chuyển hướng sang các mục tiêu khác, loại trừ khả năng 2 tên lửa cùng tiêu diệt một mục tiêu.
* Trong điều kiện phát triển sức mạnh và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Hải quân, các tổ hợp tên lửa này cho phép bảo vệ vững chắc vùng biển, bờ biển của quốc gia.

1. Tàu mặt nước-hộ vệ tên lửa tàng hình đa nhiệm

* Hiện nay Hải quân Việt Nam đang sở hữu nhiều loại tàu mặt nước gồm tàu hộ vệ tên lửa, tàu pháo, tàu săn ngầm... trong đó hai tàu hộ vệ tên lửa Gepard 3.9 mang tên HQ011-Đinh Tiên Hoàng và HQ012-Lý Thái Tổ là những tàu chiến mặt nước do Nga sản xuất đã được đưa vào trực chiến. Chiếc thứ 3 đã về nước, chiếc thứ 4 đang trên đường về.
* Tàu Gepard 3.9 của Việt Nam được thiết kế thực hiện các nhiệm vụ chống tàu ngầm, tàu nổi và các mục tiêu trên không của địch khi thực hiện các nhiệm vụ hộ tống tàu chiến, tàu vận tải, các đoàn tàu cơ động, tiến hành các nhiệm vụ cảnh giới biển, bảo vệ hải giới và thềm lục địa, bảo vệ các khu vực kinh tế biển và bảo vệ các khu vực biển gần.
* Để tăng cường khả năng cơ động và tác chiến độc lập của tàu trên biển, các nhà thiết kế đã tăng cường khả năng hải trình của tàu từ 9 ngày không phải bổ sung nhiên liêu và cơ sở vật chất lên đến 20 ngày và tầm hoạt động (với tốc độ hải trình 18 hải lý/giờ) từ 2.500 hải lý lên 3.500 hải lý.
* Tàu được trang bị hệ thống tên lửa chống tàu thế hệ mới nhất XЗ5 3M24 Uran, tăng cường khả năng tác chiến so với các loại tàu tuần biển khác. Hệ thống sonar MGK- 335EM-03 có góc quét 260 độ, phát hiện được tàu ngầm ở bán kính 10-12 km, thủy lôi ở cự ly 2 km và 2 thiết bị phóng ngư lôi cỡ nòng 533 mm.
* Cùng với tàu ngầm Kilo 636, máy bay chiến đấu đa năng Su30MK2 và tên lửa chống hạm siêu âm Yakhont của hệ thống Bastion-P (có tầm bắn 300 km, đặt trên bờ), Gepard 3.9 sẽ giúp quân đội Việt Nam chính thức có được năng lực tiến công đa năng 3 trong 1 (trên không, dưới nước và trên mặt nước) ở khu vực biển gần, đặc biệt là việc nâng cao đáng kể khả năng chống ngầm. Tàu tên lửa tấn công nhanh
* Từ năm 2014 đến 2016, sáu chiếc tàu tên lửa Molnya do Tổng công ty Ba Son (Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng) đóng mới đã được bàn giao cho Hải quân, biên chế cho Lữ đoàn tàu pháo, tên lửa 167 (Vùng 2 Hải Quân, đóng tại Nhơn Trạch, Đồng Nai). Đây là tàu tên lửa tấn công nhanh lớp Molniya (lớp Tia chớp) - một trong những tàu chiến uy lực hoàn thiện về công nghệ và có tính ổn định cao nhất thế giới.
* Tàu tên lửa Molnya được trang bị bốn dàn phóng tên lửa Uran - E với tổng số 16 tên lửa, cự ly bắn 130 km, một pháo hạm tự động AK - 176M, cự ly bắn khoảng 15 km, cao 11 km và tốc độ khoảng 120-130 viên/phút. Tàu cũng trang bị hai pháo 6 nòng tự động AK630, có tầm bắn 4-5 km, tốc độ bắn 4.000 - 5.000 viên/phút. Hệ thống pháo nhiễu phục vụ bắn tên lửa khi có mục tiêu.
* Với sức chiến đấu cao, trang bị vũ khí hiện đại, đồng bộ, sức cơ động nhanh, tàu Molnya có thể độc lập hoặc hiệp đồng tác chiến với các lực lượng khác trong các chiến dịch của Quân chủng để bảo vệ chủ quyền biển đảo, thềm lục địa của Tổ quốc.
* Trong 6 chiếc tàu tên lửa do Tổng công ty Ba Son đóng thì cặp tàu M5 và M6 là hiện đại nhất. Với lượng choán nước toàn tải 490 tấn và độ sâu mớm nước 2,56 m, tàu có tính năng đi biển rất cao, đảm bảo hiệu quả sử dụng vũ khí trên tàu khi sóng biển ở cấp 5-8. Để tự bảo vệ trước các đòn tấn công trên không và ngư lôi, tàu được trang bị hai ống phóng mồi bẫy kiểu PK-10, một giá phóng tên lửa đối không tầm thấp Igla (12 quả). Thời gian hoạt động trên biển là 10 ngày, cự ly hoạt động khi chạy ở tốc độ tuần tiễu là từ 3.000 đến 4.400 km.

1. **Các Bộ Tư Lệnh thuộc quân chủng Hải Quân**
2. Bộ Tư lệnh Vùng 1 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 1 Hải quân trực thuộc [Quân chủng Hải quân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%A7ng_H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển từ Quảng Ninh đến Hà Tĩnh và các đảo trong Vịnh Bắc Bộ, bao gồm các tỉnh Quảng Ninh,Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh.

1. Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân quân

Bộ Tư lệnh Vùng 2 Hải quân trực thuộc [Quân chủng Hải quân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%A7ng_H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển từ Nam Bình Thuận đến Bạc Liêu và thềm lục địa phía Nam, trong đó có khu vực trọng điểm là vùng biển có các cụm kinh tế

* khoa học - dịch vụ (gọi tắt là DK1) thuộc thềm lục địa phía Nam, gồm có các tỉnh: phía Nam của Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh,Sóc Trăng, Bạc Liêu, và vùng biển phía Đông Nam của tỉnh Cà Mau (bao gồm cả nhà giàn DK1/10 ở bãi ngầm Cà Mau).

1. Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 3 Hải quân trực thuộc [Quân chủng Hải quân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%A7ng_H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển giữa miền Trung, từ Quảng Bình đến Bình Định gồm các tỉnh là Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định gồm các đảo Cồn Cỏ, Lý Sơn, Quần đảo Hoàng Sa, v.v.

1. Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 4 Hải quân trực thuộc [Quân chủng Hải quân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%A7ng_H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệQuần đảo Trường Sa, đảo Phú Quý, biển Đông và vùng biển phía nam miền Trung, từ Phú Yên đến Bắc Bình Thuận gồm các tỉnh: Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận và phía Bắc của Bình Thuận.

1. Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân

Bộ Tư lệnh Vùng 5 Hải quân trực thuộc [Quân chủng Hải quân](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%A7ng_H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) là Bộ Tư lệnh tác chiến hải quân độc lập quản lý và bảo vệ vùng biển Nam biển Đông và vịnh Thái Lan thuộc vùng biển hai tỉnh Cà Mau (biển phía Tây Nam của Cà Mau) và Kiên Giang

1. QUÂN CHỦNG PHÒNG KHÔNG-KHÔNG QUÂN
   1. **Tổ chức chung**

Quân chủng Phòng không-Không quân được tổ chức thành Bộ tư lệnh Quân chủng, các đơn vị chiến đấu; khối bảo đảm; khối nhà trường và các đơn vị kinh tế. Bộ Tư lệnh quân chủng có Tư lệnh và các Phó Tư lệnh; Chính uỷ và Phó Chính uỷ, các cơ quan đảm nhiệm các mặt công tác quân sự; công tác đảng, công tác chính trị; kỹ thuật; hậu cần và các đơn vị trực thuộc. Quân chủng có các sư đoàn không quân, sư đoàn phòng không và một số đơn vị không quân trực thuộc là các đơn vị chiến đấu chủ yếu.

* 1. **Chức năng nhiệm vụ**

**Quân chủng Phòng không-Không quân Nhân dân Việt Nam** là một trong ba [quân chủng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%A7ng) của [Quân đội Nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) trực thuộc [Bộ Quốc phòng](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_Qu%E1%BB%91c_ph%C3%B2ng_(Vi%E1%BB%87t_Nam)), có nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ không phận, mặt đất và biển đảo Việt Nam; cứu trợ, tìm kiếm cứu nạn và các nhiệm vụ khác. Quân chủng Phòng không - Không quân đảm nhiệm cả nhiệm vụ của bộ đội phòng không quốc gia và của không quân. Quân chủng Phòng không - Không quân là lực lượng nòng cốt quản lý, bảo vệ vùng trời, bảo vệ các mục tiêu trọng điểm quốc gia, bảo vệ nhân dân đồng thời tham gia bảo vệ các vùng biển đảo của Tổ quốc. Lực lượng Phòng không-Không quân có thể độc lập thực hiện nhiệm vụ hoặc tham gia tác chiến trong đội hình quân binh chủng hợp thành. Quân chủng làm tham mưu cho Bộ Quốc phòng chỉ đạo xây dựng lực lượng phòng không lục quân và không quân thuộc các quân chủng, binh chủng, ngành khác. Lực lượng không quân vận tải ngoài nhiệm vụ vận chuyển phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu còn tham gia các hoạt động cứu trợ thiên tai và phát triển kinh tế.

Sự ra đời của đơn vị pháo phòng không đầu tiên

* + Cho đến tận năm 1950, dù phần nào có những lực lượng mạnh để thực hiện tiến công chiến lược, các đơn vị của [Quân đội Nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) vẫn gần như bất lực trước các hoạt động trinh sát hoặc tấn công từ trên không của người Pháp. Ngày 9 tháng 3 năm 1949, Tổng Tư lệnh [Võ Nguyên Giáp](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B5_Nguy%C3%AAn_Gi%C3%A1p)ra quyết định thành lập Ban Nghiên cứu Không quân thuộc Bộ Tổng Tham mưu để nghiên cứu các phương pháp chống trả.
  + Chỉ đến khi sau [Chiến dịch Biên giới thu đông 1950](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_Bi%C3%AAn_gi%E1%BB%9Bi), [Quân đội Nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) bắt đầu có được những viện trợ quý giá từ chính phủ [Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Trung_Hoa), trong đó có những khẩu đội súng phòng không 12,7mm. Lực lượng Không quân Pháp sau những bất ngờ đầu tiên, vẫn duy trì được ưu thế. Tuy nhiên, không lâu sau, tháng 5 năm 1951, người Việt đã cho thành lập Đại đội 612, đơn vị phòng không đầu tiên sử dụng 4 khẩu 37mm. Ban Nghiên cứu Không quân được giải thể và hầu hết cán bộ của Ban được chuyển thuộc vào đơn vị phòng không đang được thành lập. Đến đầu năm 1953, họ đã có 8 tiểu đoàn phòng không, với 500 súng máy phòng không 12,7mm và 4 pháo cao xạ 37mm.
  + Ngày 1 tháng 4 năm 1953, [Đại tướng](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_t%C6%B0%E1%BB%9Bng) [Võ Nguyên Giáp](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B5_Nguy%C3%AAn_Gi%C3%A1p), nhân danh Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam đã ký quyết định số 06/QĐ thành lập Trung đoàn Pháo cao xạ 367. Đây là Trung đoàn pháo Cao xạ chủ lực đầu tiên của [Quân đội Nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam). Ban chỉ huy Trung đoàn đầu tiên gồm [Lê Văn Tri](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_V%C4%83n_Tri) – Trung đoàn trưởng, Nguyễn Quang Bích - Trung đoàn phó, Đoàn Phụng - Chính ủy, Ngô Từ Vân - Phó chính ủy. Ngày 1 tháng 4 cũng trở thành ngày truyền thống của lực lượng phòng không Việt Nam.
  + Sau 8 tháng huấn luyện tại [Trung Quốc](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c), ngày 1 tháng 12 năm 1953, toàn bộ đội hình Trung đoàn cùng khí tài đã về nước và tập kết ở tây bắc [thị xã Tuyên Quang](https://vi.wikipedia.org/wiki/Tuy%C3%AAn_Quang_(th%C3%A0nh_ph%E1%BB%91)). Trong [Chiến dịch Điện Biên Phủ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_d%E1%BB%8Bch_%C4%90i%E1%BB%87n_Bi%C3%AAn_Ph%E1%BB%A7), Trung đoàn 367 trong đội hình [Đại đoàn Công Pháo 351](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1i_%C4%91o%C3%A0n_C%C3%B4ng_Ph%C3%A1o_351&action=edit&redlink=1) đã góp phần không nhỏ vào việc hạn chế sự tấn công từ trên không cũng như việc tiếp tế - chuyển quân của người Pháp.

Hình thành Bộ Tư lệnh phòng không và Cục Không quân

**-** Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Đại đoàn Công pháo 351 được giải thể. Bộ Tổng tư lệnh ra Nghị định số 34/NĐA nâng cấp Trung đoàn Phòng không 367 lên thành Đại đoàn pháo cao xạ hỗn hợp 367 trực thuộc Bộ chỉ huy Pháo binh vào ngày 21 tháng 9 năm 1954. [Hoàng Kiện](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_Ki%E1%BB%87n) làm Đại đoàn trưởng, [Đoàn Phụng](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90o%C3%A0n_Ph%E1%BB%A5ng&action=edit&redlink=1) làm Chính ủy, [Lê Văn](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_V%C4%83n_Tri)  [Tri](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_V%C4%83n_Tri) làm Phó tư lệnh kiêm Tham mưu trưởng. Đại đoàn được biên chế các cơ quan tham mưu, chính trị, cung cấp và ba trung đoàn 681, 685, 689, trang bị pháo 88mm và 40mm. Theo quyết định của Bộ Tổng tham mưu, để giữ bí mật lực lượng, các trung đoàn 681, 685, 689 được gọi là các tiểu đoàn 12, 13, 14[[](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%A7ng_Ph%C3%B2ng_kh%C3%B4ng_-_Kh%C3%B4ng_qu%C3%A2n%2C_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-3). Sau khi được tổ chức và huấn luyện ở Vai Cầy, [Thái Nguyên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Nguy%C3%AAn), đêm ngày 16 tháng 12 năm 1955, Đại đoàn 367 hành quân về tiếp quản [Hà Nội](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i).

* Bên cạnh đó, ngày 3 tháng 3 năm 1955, Bộ Quốc phòng ra Quyết định số 15/QĐA thành lập Ban nghiên cứu Sân bay trực thuộc [Tổng Tham mưu trưởng](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95ng_Tham_m%C6%B0u_tr%C6%B0%E1%BB%9Fng_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam). Ngày này về sau được lấy làm ngày thành lập [Không quân Nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%B4ng_qu%C3%A2n_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam). Một năm sau đó, liên tục các đoàn cán bộ, chiến sĩ thuộc Ban nghiên cứu sân bay được cử đi nước ngoài học tập. Ngày 26 tháng 1 năm 1956, Việt Nam tiếp nhận 5 máy bay đầu tiên do Trung Quốc viện trợ gồm 2 [Li-2](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Li-2&action=edit&redlink=1) và 3 [Aero 45](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Aero_45&action=edit&redlink=1). Ngày 24 tháng 2 năm 1956, 2 đoàn học viên lái máy bay gồm Đoàn học máy bay tiêm kích MiG-17, gồm 50 học viên, do Phạm Dưng làm Đoàn trưởng và Đoàn học máy bay ném bom Tu-2, gồm 30 học viên, do [Đào](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0o_%C4%90%C3%ACnh_Luy%E1%BB%87n)

[Đình Luyện](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%A0o_%C4%90%C3%ACnh_Luy%E1%BB%87n) làm Đoàn trưởng, học tại Trường Không quân số 2 ở Trường Xuân, Trung Quốc. Trong Đoàn học Tu-2 có sáu học viên dẫn đường trên không (chuyên dẫn đường trên các loại máy bay và trực thăng) đầu tiên là: Đinh Huy Cận, Lê Thế Hưng, Nguyễn Văn Kính, Lê Liên, Lương Nhật Nguyễn và Nguyễn Cảnh Phiên.

* Ngày 21 tháng 3 năm 1958, Trung đoàn ra đa cảnh giới đầu tiên của [Quân đội Nhân dân Việt Nam](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam)được thành lập với tên gọi Trung đoàn đối không cần vụ 260. Cùng ngày hôm đó, Bộ Quốc phòng cũng ra Nghị định 047/NĐ thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không trên cơ sở của Sư đoàn Phòng không 367 và Trung đoàn đối không cần vụ. Trong những năm sau đó, các trung đoàn pháo phòng không được thành lập, trang bị các loại pháo 57 mm và 100 mm. Bên cạnh đó, hàng trăm cán bộ, chiến sĩ được đi học sử dụng vũ khí tên lửa phòng không tại các trung tâm huấn luyện quân sự của [Liên](https://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_X%C3%B4)  [Xô](https://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_X%C3%B4) ở [Leningrad](https://vi.wikipedia.org/wiki/Sankt-Peterburg), [Kiev](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kiev), [Odessa](https://vi.wikipedia.org/wiki/Odessa), [Minsk](https://vi.wikipedia.org/wiki/Minsk)... để chuẩn bị cho việc hình thành các đơn vị tên lửa phòng không sau này.
* Ngày 24 tháng 1 năm 1959, Bộ Quốc phòng ra nghị định thành lập Cục Không quân trực thuộc [Bộ Tổng Tham mưu](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%99_T%E1%BB%95ng_Tham_m%C6%B0u_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam) trên cơ sở hợp nhất các tổ chức và lực lượng của Ban Nghiên cứu sân bay và Cục Hàng không dân dụng Việt Nam. [Đại tá](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_t%C3%A1) [Đặng Tính](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%B7ng_T%C3%ADnh) được bổ nhiệm làm Cục trưởng, [Thượng táHoàng Thế Thiện](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%C3%A1) làm Chính ủy, [Trung tá](https://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_t%C3%A1) [Hoàng Ngọc Diêu](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ho%C3%A0ng_Ng%E1%BB%8Dc_Di%C3%AAu) làm Tham mưu trưởng.
* Sau một năm huấn luyện, ngày 1 tháng 3 năm 1959, Trung đoàn đối không cần vụ 260 bắt đầu phát sóng. Ngày này về sau được lấy làm ngày truyền thống của Bộ đội Ra-da.
* Ngày 22 tháng 4 năm 1959, Cục Không quân ra quyết định thành lập Đại đội bay gồm: Ban chỉ huy đại đội, 3 Chủ nhiệm Dẫn đường, Thông tin và Máy (kỹ thuật hàng không); 1 trung đội bay Il-14, 1 trung đội bay Li-2, 1 trung đội bay An-2 và 1 trung đội máy gồm tất cả nhân viên kỹ thuật trên không (cơ giới) và mặt đất của các loại máy bay.
* Ngày 1 tháng 5 năm 1959, Trung đoàn không quân vận tải đầu tiên, Trung đoàn 919, được thành lập. Đến ngày 20 tháng 8, Trung đoàn Huấn luyện không quân 910 cũng được thành lập.
* Ngày 1 tháng 5 năm 1960, 6 sĩ quan và một chiến sĩ [Lê Thành Chơn](https://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%AA_Th%C3%A0nh_Ch%C6%A1n) được triệu tập về Trường Văn hóa quân đội ở Lạng Sơn để ôn văn hóa và học tiếng Trung Quốc, chuẩn bị để đào tạo sĩ quan dẫn đường (hoa tiêu) trong lực lượng không quân. Cuối năm 1961, toàn bộ các học viên dẫn đường tốt nghiệp và về nước.
* Ngày 30 tháng 5 năm 1963, Trung đoàn không quân tiêm kích 921, mật danh là Đoàn Sao Đỏ, được thành lập tại Trung Quốc, do Trung tá Đào Đình Luyện làm Trung đoàn trưởng, Thiếu tá Đỗ Long làm Chính ủy, Thiếu tá Trần Mạnh làm Trung đoàn phó, Thiếu tá Trần Văn Thọ làm Tham mưu trưởng[[8]](https://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A2n_ch%E1%BB%A7ng_Ph%C3%B2ng_kh%C3%B4ng_-_Kh%C3%B4ng_qu%C3%A2n%2C_Qu%C3%A2n_%C4%91%E1%BB%99i_nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-8).
* Ngày 10 tháng 7 năm 1963, một đơn vị đặc biệt mang phiên hiệu Trung đoàn 228B (trùng tên với trung đoàn cao xạ 228 để giữ bí mật) được thành lập. Về thực chất

đây là đơn vị các cán bộ nòng cốt để xây dựng Trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên.

Thành lập Quân chủng

* Quân chủng Phòng không-Không quân Việt Nam được thành lập ngày 22 tháng 10 năm 1963 trên cơ sở sáp nhập Bộ Tư lệnh Phòng không và Cục Không quân.
* Ngày 7 tháng 1 năm 1965, Bộ Quốc phòng ra quyết định số 03/QĐ-QP thành lập Trung đoàn cao xạ 236 ("Đoàn Sông Đà"). Thực chất, đây là trung đoàn tên lửa phòng không đầu tiên thuộc Bộ tư lệnh Phòng không - Không quân. Các cán bộ của trung đoàn đều từ đoàn 228B chuyển sang.
* Ngày 6 tháng 8 năm 1964, trung đoàn tiêm kích 921 trở về nước. sau 1 năm huấn luyện, ngày 3 tháng 4 năm 1965, trung đoàn xuất kích đánh thắng trận đầu, bắn rơi 2 máy bay F-8 của [Hải quân Mỹ](https://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%A3i_qu%C3%A2n_Hoa_K%E1%BB%B3). Ngày hôm sau, tiếp tục bắn hạ thêm 2 máy bay [F- 105](https://vi.wikipedia.org/wiki/Republic_F-105_Thunderchief) của [Không quân Mỹ](https://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%B4ng_qu%C3%A2n_Hoa_K%E1%BB%B3).
* Ngày 22 tháng 4 năm 1965, lập Trung đoàn tên lửa 238 ("Đoàn Hạ Long") được thành lập. Ngày 19 tháng 5 năm 1965, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Hà Nội (từ tháng 3 năm 1967 đổi là Sư đoàn phòng không 361) và Bộ Tư lệnh Phòng không Hải Phòng (từ tháng 3 năm 1967 đổi là Sư đoàn phòng không 363).
* Ngày 4 tháng 8 năm 1965, Trung đoàn không quân tiêm kích thứ 2 là Trung đoàn 923, mật danh Đoàn Yên Thế, được thành lập, gồm 2 đại đội 17 phi công MiG-17, do Trung tá Nguyễn Phúc Trạch làm Trung đoàn trưởng, Trung tá Nguyễn Ngọc Phiếu làm Chính ủy. Không quân Việt Nam được trang bị thêm một số máy bay MiG-17F có bộ phận tăng lực.
* Ngày 13 tháng 11 năm 1965, thành lập Trung đoàn tên lửa 257 ("Đoàn Cờ Đỏ"). Nay thuộc Sư đoàn phòng không 361.
* Ngày 20 tháng 4 năm 1966, thành lập Trung đoàn ra đa 293, thuộc sư đoàn phòng không 361.
* Ngày 30 tháng 5 năm 1966, thành lập 3 trung đoàn tên lửa phòng không 261 ("Đoàn Thành Loa"), 263, 267, thuộc Bộ Tư lệnh Quân chủng. Nay thuộc Sư đoàn phòng không 367.
* Ngày 15 tháng 6 năm 1966, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Q khu 4.
* Ngày 21 tháng 6 năm 1966, thành lập Sư đoàn phòng không 367. Tiền thân là trung đoàn pháo cao xạ 367, thành lập ngày 1 tháng 4 năm 1953, chuyển thành Đại đoàn pháo cao xạ 367 ngày 21 tháng 9 năm 1954, trước đây thuộc Bộ Tư lệnh Pháo binh, sau này tách ra đặt dưới sự chỉ đạo của Bộ Tư lệnh Phòng không (1958).
* Ngày 23 tháng 6 năm 1966, thành lập Bộ Tư lệnh Phòng không Hà Bắc, đến 16 tháng 3 năm 1967 đổi tên thành Sư đoàn phòng không 365.
* Ngày 23 tháng 3 năm 1967, thành lập các Binh chủng Ra-đa, Tên lửa Phòng không và Không quân.
* Ngày 24 tháng 3 năm 1967, Sư đoàn không quân Thăng Long (phiên hiệu là Sư đoàn 371) tức Bộ tư lệnh không quân được thành lập, gồm các trung đoàn 921, 923, 919 và đoàn bay Z. Đây là Sư đoàn Không quân đầu tiên của Quân đội nhân dân Việt Nam.
* Tháng 1 năm 1968, thành lập Sư đoàn phòng không 375 thuộc Bộ Tư lệnh Quân

khu 4.

* Ngày 27 tháng 5 năm 1968, thành lập Sư đoàn phòng không 377.
* Tháng 3 năm 1972, thành lập Trung đoàn không quân thứ 3, Trung đoàn 927

("Đoàn Lam Sơn").

- Ngày 29 tháng 3 năm 1973, thành lập Sư đoàn phòng không 673 tại Bình - Trị

* + Thiên.

Tách - nhập Quân chủng

- Trong thời gian từ 16 tháng 5 năm 1977 đến 3 tháng 3 năm 1999, Quân chủng Phòng không-Không quân tách ra thành hai Quân chủng Phòng không và Không quân riêng biệt. Việc chia tách này phần nào áp đặt theo mô hình tổ chức của [Liên Xô](https://vi.wikipedia.org/wiki/Li%C3%AAn_X%C3%B4), vốn có lãnh thổ rộng lớn và tiềm lực quân sự mạnh, không phù hợp với đặc thù Việt Nam, có lãnh thổ nhỏ hẹp và tiềm lực quân sự yếu. Chính vì vậy, sau khi Liên Xô tan rã, mô hình 2 quân chủng cũng không còn phù hợp, cần tinh giản và gọn nhẹ trong bộ máy quản lý. Từ tháng 3 năm 1999, lại sáp nhập lại thành Quân chủng Phòng không - Không quân.

**-** Đơn vị trực thuộc Quân chủng (nghiên cứu tài liệu)

1. NGOÀI RA QĐ TA HIỆN NAY CÒN: thành lập một số lực lượng mới như: Cục tác chiến điện tử,…

**KẾT LUẬN**

Hiểu biết chung về quân, binh chủng là những nhân tố cơ bản giữ vai trò chủ đạo về QPAN trong thời kỳ mới. cần giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng và sự quản lý, điều hành tập trung thống nhất của Nhà nước với sự nghiệp QP-AN nhằm xây dựng Quân đội vững mạnh, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn ‘’DBHB-BLLĐ” của các thế lực thù địch, ngăn chặn vả đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, chủ động giữ nước ngay trong thời bình, đồng thời sẳn sàng đối phó thắng lợi với các cuộc chiến tranh xâm lược kiểu mới của địch. Bảo vệ vững chắc Tổ Quốc Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa trong mọi tình huống.

**HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU**

Câu1. Anh/chị nêu tổ chức và hệ thống tổ chức trong Quân đội nhân dân Việt

Nam?

Câu 2. Anh/chị nêu chức năng, nhiệm vụ chính của một số cơ quan, đơn vị trong

Quân đội nhân dân Việt Nam?

Câu 3. Anh/chị nêu những vấn đề chung về quân chủng, quân khu, quân đoàn, binh chủng?

**BÀI 4: ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ TỪNG NGƯỜI CÓ SÚNG**

**1. Động tác đặt súng, lấy súng tiểu liên AK.**

1. Ý nghĩa: Để đảm bảo trật tự thống nhất khi nghỉ ở bãi tập, nơi công tác, đồng thời đảm bảo sẵn sàng chiến đấu.
2. Động tác đặt súng:

Khẩu lệnh: “Đặt súng” không có dự lệnh.

Khi nghe dứt động lệnh “Đặt súng”, làm 3 cử động:

Cử động 1:Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa xuống nằm ốp lót tay, đưa súng ra khỏi vai thành tư thế xách súng.

Cử động 2: Chân trái bước lên một bước thẳng hướng trước mặt, cúi ngườixuống, chân phải thẳng, chân trái chùng. Tay phải đặt nhẹ súng xuống, súng thẳng hướng về trước, tay kéo bệ khóa nòng nằm ở phía dưới mặt súng hướng sang phải, đế báng súng ngang với mũi bàn chân phải.

Cử động 3: Đứng thẳng người lên, chân trái đưa về sát chân phải thành tưthế đứng nghiêm.

1. Động tác lấy súng:

Khẩu lệnh: “Lấy súng” không có dự lệnh.

Khi nghe dứt động lệnh “Lấy súng”, làm 3 cử động:

Cử động 1: Chân trái bước lên 1 bước, cúi người xuống, chân phải thẳng, chân trái chùng. Tay phải cầm súng ở ốp lót tay.

Cử động 2: Nhấc súng đứng thẳng người lên, chân trái đưa về sát với chânphải, tay phải đưa súng lên dọc chính giữa trước thân người, cách thân người 20cm (tính ở ngực), nòng súng hướng lên trên, mặt súng hướng sang phải, tay trái đưa lên nắm ốp lót tay (dưới tay phải).

Cử động 3: Tay phải rời ốp lót tay đưa về nắm cổ báng súng, hộ khẩu tayhướng lên trên. Phối hợp 2 tay xoay mũi súng xuống dưới (tay trái hơi lỏng ra,chuyển hộ khẩu tay quay lên trên). Tay phải đưa về nắm dây súng, ngón tay cái nắm dọc theo dây súng ở bên phải bốn ngón con khép lại nắm ở bên phải, ngón tay trỏ ngang khâu đeo dây ở thân súng 30cm. Dùng sức đẩy của tay trái và sức nâng của tay phải đưa súng sang bên phải về đằng sau quàng dây súng vào vai phải, tay phải giữ dây súng (ngón tay trỏ cao ngang mép trên nắp túi áo ngực), cánh tay khép lại giữ cho súng nằm dọc theo chân người phía sau bên phải. Tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm mang súng.

**2. Động tác khám súng, khám súng xong của súng tiểu liên AK (đang ở tư thế mang súng)**

1. Ý nghĩa: Khám súng là để chấp hành quy tắc bảo đảo bảo an toàn tuyệt đốitrong việc giữ gìn vũ khí, trang bị đối với mọi trường hợp huấn luyện, sinh hoạtcông tác, hành trú quân chiến đấu và đảm bảo an toàn trước và sau khi dùng súng.

Khám súng là một động tác cần thiết của mọi quân nhân nhằm đảm bảo antoàn cho người giữ súng và những người xung quanh.

1. Động tác khám súng

* Khẩu lệnh: “Khám súng” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Khám súng”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay độngthời chân trái bước lên 1/2 bước theo hướng trước mặt. Mũi bàn chân chếch sangphải 450, lấy mũi chân phải làm trụ xoay gót lên người sang phải 45 độ đồng thời tay phải đưa súng lên cánh tay cong tự nhiên, tay trái nhanh chóng đưa lên nắm ốp lót tay dưới thước ngắm (nắm cả dây súng) nóng súng chếch lên 450 , báng súng sát hông bên phải.

+ Cử động 2: Tay phải rời ốp lót tay đưa về nắm hộp tiếp đạn lòng bàn tayhướng về trước, hộ khẩu tay nắm sau sống hộp tiếp đạn, 4 ngón con khép lại nắmbên phải hộp tiếp đạn, dùng ngón tay cái hoặc hộ khẩu tay ấn lẫy giữ hộp tiếp đạn tháo hộp tiếp đạn ra, chuyển qua tay trái giữ hộp tiếp đạn. Tay trái giữ hộp tiếp đạn dùng ngón tay giữa và ngón áp út choàng giữ ở bên phải hộp tiếp đạn, miệng hộp tiếp đạn hướng vào người, sống hộp tiếp đạn hướng xuống dưới. Tay phải gạt cần điều khiển về vị trí bắn rồi đưa về nắm tay cầm.

+ Cử động 3: Khi người kiểm tra đến bên phải phía sau kết hợp 2 tay đưasúng lên tỳ đế báng súng vào thắt lưng bên phải, trước bụng. Tay phải nắm tay kéo bệ khóa nòng của súng (ngón cái hơi co lại tỳ vào tay kéo khóa nòng, 4 ngón con khép lại nắm dọc bên phải thân súng) kéo khóa nòng về sau hết cỡ đồng thời hơi nghiêng mặt súng sang trái. Khi nghe người kiểm tra hô “ĐƯỢC”, tay phải thả khóa nòng về trước, bóp chết cò, đóng khóa an toàn, lắp hộp tiếp đạn vào súng rồi đưa về nắm tay cầm. Phối hợp hai tay đưa súng về sát hông bên phải.

c. Động tác khám súng xong

* Khẩu lệnh: “Khám súng xong” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Khám súng xong”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: lấy mũi bàn chân phải làm trụ, xoay gót về vị trí cũ, chân tráiđưa về sát chân phải, đồng thời phối hợp 2 tay xoay mũi súng xuống dưới (tay trái hơi lỏng để xoay hộ khẩu tay hướng lên trên, tiếp tục nắm ốp lót tay). Súng dọc theo thân người, cách thân người 20cm.

+ Cử động 2: Tay phải rời tay cầm về nắm dây súng, cách khâu đeo dây ởbáng súng khoảng 30cm (ngón tay cái hướng lên trên và ở bên trong, bốn ngón con khép lại nằm ở bên ngoài dây súng), kéo căng dây súng vào người, nắm tay cách thân người 10cm.

+ Cử động 3: Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải đưa súng sang phải về sau. Quàng dây súng vào vai phải, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm mang súng.

**3. Động tác mang súng AK.**

1. Ý nghĩa: Động tác mang súng, xuống súng thường dùng trong hành quân, dichuyển vị trí, tuần tra canh gác, luyện tập…bảo đảm thống nhất.
2. Động tác mang súng

* Khẩu lệnh: “Mang súng-Mang”, có dự lệnh và động lệnh; “Mang súng”là dự lệnh, “Mang” là động lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Mang”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải đưa súng lên phía trước, súng dọc theo chính giữa thân người, cách thân người 20cm (tính ở ngực), khâu đeo dây súng ngang vai, mặt súng quay sang phải, cánh tay trên tay phải khép sát sườn, đồng thời tay trái bắt lấy ốp lót tay, trên thước ngắm (dưới tay phải).

+ Cử động 2: Tay phải rời khỏi súng về nắm chắc dây súng cách khâu đeo dây ở nòng súng 30cm, kéo căng vào người (ngón tay cái dọc theo bên trong dâysúng, bốn ngón con khép lại nắm ở bên ngoài), đồng thời tay trái xoay mặt súng ra phía trước (đối với súng có khâu đeo dây ở má báng súng, không phải xoay mặt súng ra phía trước).

+ Cử động 3: Dùng sức đẩy của tay trái và sức xoay của tay phải nhanh chóng đưa súng ra phía sau, quàng dây súng vào vai phải. Cánh tay trên của tay phải khép sát sườn, giữ cho súng nằm dọc theo thân người. Nòng súng hướng lên trên, mép trên ngón tay trỏ cao ngang mép trên nắm túi áo ngực. Tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

1. Động tác xuống súng

* Khẩu lệnh: “Xuống súng – Xuống”, có dự lệnh và động lệnh; “Xuốngsúng” là dự lệnh, “Xuống” là động lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Xuống”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Dùng sức xoay của tay phải, đưa súng ra khỏi vai về trước,đồng thời tay trái đưa lên bắt lấy ốp lót tay (trên thước ngắm), mặt súng quay ra phía trước. Súng có khâu đeo dây ở má báng súng thì mặt súng quay sang phải.

+ Cử động 2: Tay phải rời dây súng đưa về nắm ốp lót tay trên tay trái, đồng thời xoay mặt súng sang phải (súng có khâu đeo ở má báng súng không phải xoay).Khâu đeo dây súng cao ngang vai, cánh tay phải khép sát sườn, súng dọc theo thân người cách 20cm.

+ Cử động 3: Tay phải đặt nhẹ súng xuống, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

**4. Đeo súng, xuống súng tiểu liên AK**

1. Ý nghĩa: Động tác đeo súng thường trong khi tay bận hoặc các việc khác nhưleo, trèo, mang vác.
2. Động tác đeo súng (khi đang ở tư thế mang súng)

* Khẩu lệnh: “Đeo súng”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Đeo súng”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đưa súng lên phía trước, súng cách thân người 20cm. Mũi súng hơi chếch sang trái, mặt súng quay sang phải, khâu đeo dây phía trên cao ngang vai trái. Đồng thời tay trái nắm thân súng dưới thước ngắm, ngón út sát tay kéo khóa nòng.

+ Cử động 2: Tay phải rời ốp lót tay chuyển về nắm chính giữa dây súng, lòng bàn tay úp vào trong người (ngón cái nằm dọc phía trong dây súng, bốn ngón con khép lại nằm phía ngoài dây súng), kéo căng dây súng sang bên phải, đồng thời dùng cùi tay phải đưa vào giữa súng và dây súng, súng nằm chếch trước người, vòng cò ở khoảng thắt lưng. Phối hợp hai tay đưa dây súng qua đầu quàng vào cổ, tay phải luồn vào giữa súng và dây súng. Súng nằm chếch trước ngực từ trái sang phải, mặt súng quay lên trên. Tay phải chuyển về nắm ốp lót tay trên, tay trái rời thân súng đưa về nắm dây súng trên vai trái.

+ Cử động 3: Phối hợp hai tay đưa súng sang phải về sau. Súng nằm chếch sau lưng từ trái sang phải, mũi súng hướng chếch xuống dưới, hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.Động tác xuống súng (thành tư thế mang súng)

* Khẩu lệnh: “Mang súng” chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Mang súng”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải đưa về sau nắm ốp lót tay trên, tay trái đưa lên nắm dây súng trên vai trái hơi nâng lên.

+ Cử động 2: Tay phải đưa súng từ sau lưng qua phải về trước, súng nằm chếch trước ngực từ trái sang phải.

+ Cử động 3: Phối hợp hai tay nhấc dây súng lên, đưa qua đầu, quàng dây súng vào vai phải thành tư thế mang súng. Tay phải rời ốp lót tay, đưa lên nắm dây súng (ngón tay trỏ cao ngang mép trên túi áo ngực), tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm mang súng.

1. Động tác đeo súng (khi đang ở tư thế treo súng)

* Khẩu lệnh: “Đeo súng”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Đeo súng”, làm 2 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải rời cổ báng súng đưa lên nắm ốp lót tay trên, tay trái đưa lên nắm dây súng tên vai trái hơi nâng lên.

+ Cử động 2: Phối hợp hai tay đưa dây súng qua phải về sau lưng. Súng nằm chếch sau lưng từ trái sang phải, mũi súng hướng chếch xuống dưới. Hai tay đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

Động tác xuống súng (về tư thế treo súng)

* Khẩu lệnh: “Treo súng”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Treo súng”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải đưa về sau lưng nắm ốp lót tay, tay trái đưa lên nắm dây súng trên vai trái hơi nâng lên.

+ Cử động 2: Phối hợp hai tay đưa súng từ sau sang phải về trước,súng nằm chếch trước ngực 450 từ trái sang phải, mặt súng quay lên trên, tay kéo khóa nòng nằm chính giữa hàng khuy áo.

+ Cử động 3: Tay phải rời ốp lót tay đưa về nắm cổ báng súng, ngón cái bên trong, bốn ngón con bên ngoài. Tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

**5. Động tác treo súng tiểu liên AK**

1. Ý nghĩa: Động tác treo súng thường dùng khi canh gác, làm nhiệm vụ đón tiếp, duyệt đội ngũ, duyệt binh, diễu binh…
2. Động tác treo súng tiểu liên AK (Khi đang ở tư thế mang súng)

* Khẩu lệnh: “Treo súng”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “TREO SÚNG”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải vuốt nhẹ theo dây súng đưa về nắm ốp lót tay, đưa súng về phía trước, cách người 20cm (tính ở ngực) mũi súng chếch sang trái, đồng thời tay trái nắm thân súng dưới thước ngắm, ngón út sát tay kéo bệ khóa nòng.

+ Cử động 2: Tay phải rời ốp lót tay về nắm giữa dây súng (ngón tay cái đặt dọc phía trong dây súng, bốn ngón con khép lại nắm phía ngoài) kéo căng sang phải, dùng cùi tay phải đưa vào giữa súng và dây súng, súng nằm chếch trướcngười.

+ Cử động 3: Phối hợp 2 tay nhấc dây súng qua đầu quàng vào cổ, đồng thời tay phải luồn vào giữa thân súng và dây súng rồi đưa về nắm cổ báng súng ngóncái bên trong, bốn ngón con khép lại nắm bên ngoài (hổ khẩu tay sát hộp khóa nòng). Cánh tay phải mở tự nhiên. Súng nằm chếch trước ngực 45 0 từ trái sangphải, mặt súng hướng lên trên, tay kéo khóa nòng nằm chính giữa hàng khuyu áo,vòng cò ở giữa thắt lưng, tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.Động tác xuống súng tiển liên AK (ở tư thế treo súng về tư thế mang súng)

* Khẩu lệnh: “MANG SÚNG”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “MANG SÚNG”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải đưa lên nắm ốp lót tay, hổ khẩu tay hướng sang tráivà nắm trên ốp lót tay trên, tay trái đưa lên nắm dây súng trên vai trái.

+ Cử động 2: Phối hợp hai tay nhấc dây súng đưa qua đầu, rồi quàng dây súng vào vai phải thành tư thế mang súng.

+ Cử động 3: Tay phải rời ốp lót tay đưa về nắm dây súng cao ngang nắp túi áo ngực bên phải. Tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm.

1. Động tác treo súng tiểu liên AK (Khi đang ở tư thế đeo súng)

* Khẩu lệnh: “Treo Súng”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Treo súng”, làm 3 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải đưa về sau nắm ốp lót tay, tay trái đưa lên nắm dây súng trên vai trái.

+ Cử động 2: Phối hợp 2 tay đưa súng từ sau ra trước, súng nằm chếch trước ngực 45 độ từ trái sang phải, mặt súng quay lên trên, tay kéo khóa nòng nằm chính giữa hàng khuy áo.

+ Cử động 3: Tay phải rời ốp lót tay chuyển về nắm cổ báng súng, ngón cái ở bên trong, bốn ngón con ở bên ngoài. Tay trái đưa về thành tư thế đứng nghiêm treo súng.

1. Động tác đeo súng tiểu liên AK (ở tư thế treo súng về tư thế đeo súng)

* Khẩu lệnh: “Đeo súng”, chỉ có động lệnh, không có dự lệnh.
* Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “Đeo súng”, làm 2 cử động:

+ Cử động 1: Tay phải rời cổ báng súng đưa về sau nắm ốp lót tay trên, tay trái đưa lên nắm dây súng trên vai trái và nâng lên.

+ Cử động 2: Phối hợp 2 tay đưa dây súng sang bên phải về sau, súng nằm chếch sau lưng từ trái sang phải, nòng súng hướng xuống dưới, hai tay đưa vềthành tư thế đứng nghiêm.

Những điểm cần chú ý:

* Khi đưa dây súng qua đầu không cúi đầu.
* Không để thân người ngả nghiêng, lắc lư.

**BÀI 5: ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ**

**MỞ ĐẦU**

Đội ngũ đơn vị là nội dung quan trọng trong chương trình GDQP cho sinh viên thông qua nội dung này rèn luyện cho các em tác phong nhanh nhẹn, khẩn trương, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỉ luật, tự giác chấp hành điều lệnh và các nội quy khác của nhà trường, các em năm được cách tập trung tiểu đội trung đội, cách giàn hàng dóng hàng rất thuận tiện cho các em trong quá trình học tập .

Tài liệu được biên soạn dựa trên cơ sở sách giáo khoa GDQP dành cho sinh viên đại học của bộ GD và ĐT xuất bản 2015 và các tài liệu tham khảo khác.

Nội dung học gồm : - Đội ngũ tiểu đội.

* + Đội ngũ trung đội.
  + Đổi hướng đội hình.

1. **ĐỘI NGŨ TIỂU ĐỘI.**
2. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG NGANG.
   1. **Đội hình tiểu đội một hàng ngang**
3. Ý nghĩa: đội hình tiểu đội một hàng ngang thường dùng trong học tập, sinh hoạt, kiểm tra, khám súng, giá súng.
4. Thứ tự thực hiện: Thực hiện theo thứ tự 4 bước:

Bước 1: Tập hợp

+ Khẩu lệnh: “Tiểu đội thành một hàng ngang - tập hợp” có dự lệnh và động lệnh, “tiểu đội thành một hàng ngang” là dự lệnh, “tập hợp” là động lệnh.

+ Động tác: Tiểu đội trưởng xác định trước vị trí và hướng tập hợp rồi quay về phía các chiến sỹ, đứng nghiêm hô khẩu lệnh: “Tiểu đội x” . Khi nghe dứt động lệnh “tập hợp”, toàn tiểu đội nhanh chóng im lặng chạy đến vị trí tập hợp, đứng về bên trái tiểu đội trưởng thành một hàng ngang dãn cách 70 cm tính từ giữa 2 gót chân của hai người đứng cạnh nhau hoặc cách 20 cm (khoảng cách 2 cánh tay của hai người đứng cạnh nhau ). Khi đã có 2 - 3 chiến sỹ đứng vào hàng, tiểu đội trưởng làm động tác quay nửa bên trái về đứng chính giữa phía trước cách hàng từ 3 - 5 bước để đôn đốc tiểu đội tập hợp. Từng người khi đã đứng vào hàng phải nhanh chóng dóng hàng đúng dãn cách rồi đứng nghỉ.

Bước 2: Điểm số

+ Khẩu lệnh: “Điểm số” (chỉ có động lệnh, không có dự lệnh).

+ Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “điểm số”, các chiến sỹ từ phải qua trái điểm số cho đến hết tiểu đội. Khi điểm số quay mặt sang trái 450 , điểm số xong quay mặt trở lại; người cuối cùng không quay mặt, sau khi điểm số của mình xong thì hô hết (chú ý khi điểm số phải to, rõ, dứt khoát, liên tục).

Bước 3: Chấn chỉnh đội ngũ. Trước khi chấn chỉnh đội ngũ tiểu đội trưởng phải hơ khẩu lệnh: “nghiêm”cho tiểu đội đứng nghiêm.

+ Khẩu lệnh: “Nhìn bên phải (trái) - thẳng” có dự lệnh và động lệnh

+ Động tác: khi nghe dứt động lệnh “thẳng”, trừ chiến sỹ đầu hàng làm chuẩn các chiến sỹ còn lại đều phải quay mặt về bên phải (trái) hết cỡ dóng hàng và giữ dãn cách. Khi tiểu đội đã dóng hàng xong, tiểu đội trưởng hô: “thôi”, dứt động lệnh “thôi” tất cả tiểu đội quay mặt về vị trí cũ đứng nghiêm không xê dịch vị trí đứng. Tiểu đội trưởng quan sát dãn cách của các chiến sỹ xong quay nửa bên trái đi đều về đầu hàng cách 2 -3 bước, để kiểm tra hàng ngang xem đã thẳng chưa. Nếu thấy chưa được thì dng khẩu lệnh: “Đồng chí X hoặc số X – lên (xuống)”. Thứ tự sửa cho người đứng gần người làm chuẩn trước, cũng có thể sửa cho 2 – 3 người cùng một lúc. Khi tiểu đội đ đứng thẳng hàng, tiểu đội trưởng hô “được”, rồi về vị trí chỉ huy. Nếu lấy người đứng giữa làm chuẩn thì tiểu đội trưởng phải hô khẩu lệnh “Đồng chí (số) X làm chuẩn”. Chiến sỹ X nghe gọi, đứng nghiêm trả lời: “Có” và giơ tay trái lên. Tiểu đội trưởng hô tiếp: “Nhìn giữa – thẳng”, các chiến sỹ đứng hai bên đánh mặt về phía người làm chuẩn để dóng hàng. Chiến sỹ làm chuẩn sau khi nghe động lệnh “Thẳng”, khoảng 5 giây thì bỏ tay xuống. Động tác chỉnh hàng của tiểu đội trưởng như khi nhìn bên phải hoặc bên trái thẳng.

Bước 4: Giải tán.

Khẩu lệnh: “Giải tán” (không có dự lệnh).

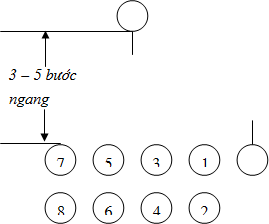
Động tác: Khi nghe dứt động lệnh “giải tán” mọi người trong tiểu đội nhanh chóng tản ra, nếu đang ở tư thế nghỉ phải rút chân về tư thế đứng nghiêm rồi mới giải tán.

Đội hình tiểu đội một hàng ngang

* 1. **Đội hình tiểu đội hai hàng ngang**

1. Ý nghĩa: đội hình tiểu đội một hàng ngang thường dùng trong học tập, sinh hoạt, kiểm tra, khám súng, giá súng.
2. Thứ tự thực hiện: Thực hiện theo thứ tự 4 bước giống cách tập trung tiểu đội 1 hàng ngang.

c. Những điểm khác:

* Khẩu lệnh: “Tiểu đội thành hai hàng ngang - tập hợp”
* Vị trí đứng trong đội hình các số lẻ đứng trên, các số chẵn đứng hàng dưới (số chẵn, lẻ căn cứ vào điểm số tiểu đội một hàng ngang).
* Đội hình tiểu đội 2 hàng ngang không điểm số
* Khi dóng hàng các chiến sỹ vừa phải dóng hàng ngang vừa đánh mắt dóng hang dọc, hàng dưới cách hàng trên 1 mét.

Đội hình tiểu đội hai hang ngang.

1. ĐỘI HÌNH TIỂU ĐỘI HÀNG DỌC.
   1. **Đội hình tiểu đội một hàng dọc.**
2. Ý nghĩa: Đội hình tiểu đội một hàng dọc thường dùng trong hành tiến trong đội hình tập hợp cả trung đội, đại đội khi tập trung sinh hoạt, học tập.
3. Thứ tự thực hiện: Thực hiện theo thứ tự 4 bước:

Bước 1: Tập hợp.

+ Khẩu lệnh: “Tiểu đội thành một hàng dọc - tập hợp” có dự lệnh và động lệnh. “Tiểu đội thành một hàng dọc” là dự lệnh; “Tập hợp” là động lệnh.

+ Động tác như đội hình tiểu đội hàng ngang. Chỉ khác: toàn tiểu đội đứng sau tiểu đội trưởng thành một hàng dọc, người sau cách người trước 1 mét. Tiểu đội trưởng quay nửa bên trái và đi đều về phía trước, chếch về bên trái đội hình cách 3 -5 bước quay vào đội hình để đôn đốc tập hợp.

Bước 2: Điểm số. Khẩu lệnh và động tác giống như tiểu đội một hàng ngang, chỉ khác: khi quay mặt, phải quay hết cỡ sang bên trái và điểm số từ trên xuống dưới.

Bước 3: Chỉnh đốn hàng ngũ. Trước khi chỉnh đốn phải hô khẩu lệnh “Nghiêm” cho tiểu đội đứng nghiêm.

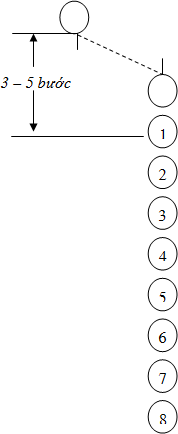
+ Khẩu lệnh: “Nhìn trước-thẳng” có dự lệnh và động lệnh.

+ Khi nghe dứt động lệnh “thẳng” trừ chiến sỹ số 1 làm chuẩn còn các chiến sỹ khác dóng hàng dọc, nhìn thẳng giữa gáy người đứng trước mình (không nhìn thấy gáy người thứ hai đứng trước mình), tự xê dịch sang trái, phải để giữ hàng thẳng, tự xê dịch lên xuống để giữ đúng cực ly 1 mét.

+ Khi tiểu đội đã gióng hàng xong, tiểu đội trưởng hô: “Thôi”, toàn tiểu đội vẫn đứng nghiêm, tiểu đội trưởng quay nửa bên trái đi đều về trước chính giữa đội hình cách 2 -3 bước, nhìn vào đội hình để kiểm tra hàng dọc.

+ Nếu chiến sỹ nào chưa thẳng hàng dùng khẩu lệnh để gọi tên hay số để chỉnh hàng lần lượt từ trên xuống khi nào được thì hô: “được”. Khi sửa xong, tiểu đội trưởng về vị trí chỉ huy bên trái phía trước đội hình cách 3 -5 bước.

Bước 4: Giải tán (khẩu lệnh động tác như tiểu đội một hàng ngang).

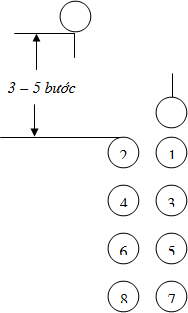


Đội hình tiểu đội 1 hàng dọc

* 1. **Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc**

1. Ý nghĩa: Đội hình tiểu đội một hàng dọc thường dùng trong hành tiến trong đội hình tập hợp cả trung đội, đại đội khi tập trung sinh hoạt, học tập.
2. Thứ tự các bước thực hiện giống như đội hình tiểu đội một hàng dọc, chỉ khác:

* Khẩu lệnh: “Tiểu đội thành 2 hàng dọc - tập hợp”
* Vị trí đứng: số lẻ đứng một hàng dọc bên phải, số chẵn một hàng dọc bên trái.



Số lẻ, số chẵn căn cứ vào điểm số tiểu đội một hàng dọc

Đội hình tiểu đội 2 hàng dọc

* Đội hình tiểu đội hai hàng dọc không điểm số.
* Khi dóng hàng các chiến sỹ số chẵn vừa phải dóng hàng dọc vừa phải dóng hàng ngang.

1. **ĐỘI HÌNH TRUNG ĐỘI**
2. ĐỘI HÌNH TRUNG ĐỘI HÀNG NGANG
   1. **Đội hình trung đội một hàng ngang**
3. Ý nghĩa: Đội hình trung đội một hàng ngang thường dùng trong huấn luyện, nói chuyện thời sự, điểm danh, kiểm tra, điểm nghiệm, khám súng, giá súng…
4. Thực hiện thứ tự 4 bước: Tập hợp, điểm số, chỉnh đốn hàng ngũ, giải tán

* Khẩu lệnh: “Trung đội thành một hàng ngang- tập hợp”
* Động tác tập hợp cơ bản giống như tiểu đội một hàng ngang, chỉ khác: Vị trí tiểu đội 2 đứng bên trái tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng bên trái tiểu đội 2, mỗi tiểu đội thành một hàng ngang.
* Điểm số: Có 2 cách điểm số: Điểm số theo từng tiểu đội: Khẩu lệnh “Từng tiểu đội điểm số”. Từng tiểu đội điểm số theo thứ tự: từ tiểu đội 1 đến tiểu đội 3 (tiểu đội trưởng không điểm số). Điểm số toàn trung đội: Khẩu lệnh: “Điểm số”, dứt khẩu lệnh lần lượt điểm số theo thứ tự và nối tiếp nhau từ tiểu đội 1, tiểu đội 2 đến tiểu đội 3, kể cả các tiểu đội trưởng. Người đứng cuối cùng của tiểu đội 3 sau khi điểm số xong hô: “Hết”.
* Chỉnh đốn hàng ngũ: Khẩu lệnh, động tác cơ bản giống như tiểu đội một hàng ngang; chỉ khác: trung đội trưởng phải quay nửa bên trái, chạy đều về vị trí chính giữa phía trước cách cách đội hình 5 - 8 bước để chỉnh đốn hàng.
* **Đội hình trung đội hai hàng ngang**

1. Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở tiểu đội hai hàng ngang.
2. Khẩu lệnh: “Trung đội thành hai hàng ngang – tập hợp”

* Tiểu đội 2 đứng bên trái tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng bên trái tiểu đội 2; mỗi tiểu đội thành hai hàng ngang, số lẻ đứng trên, số chẵn đứng dưới. Vị trí chỉ huy của trung đội trưởng chính giữa và cách đội hình 5 – 8 bước.
* Đội hình trung đội hai hàng ngang không điểm số
* Chỉnh đốn hàng ngũ: Khẩu lệnh và đông tác giống như đội hình trung đội một hàng ngang; chỉ khác: cả 2 hàng đều phải quay mặt và dóng hàng, chiến sỹ đứng hàng dưới phải vừa dóng hàng ngang vừa dóng hàng dọc.
  1. **Đội hình trung đội ba hàng ngang.**

a) Ý nghĩa và các bước thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội một hàng ngang.

* Khẩu lệnh: “Trung đội thanh ba hàng ngang – tập hợp”
* Động tác cơ bản như trung đội 1 hàng ngang, chỉ khác:

+ Vị trí tiểu đội 2 đứng sau tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng sau tiểu đội 2, mỗi tiểu đội thành một hàng ngang. Khoảng cch giữa hng sau với hàng trước là 1m.

+ Khi điểm số: Khẩu lệnh: “Điểm số”, chỉ có tiểu đội 1 điểm số, cac tiểu đội trưởng không điểm số. Tiểu đội 2, tiểu đội 3 không điểm số mà người đứng cuối hàng của tiểu đội lấy số của tiểu đội 1 để tính số của tiểu đội mình bo co. tiểu đội 1 có 7 người; tiểu đội 2 có 6 người; tiểu đội 3 có 8 người. Khi báo cáo, thì người đứng cuối hàng của tiểu đội 2 báo “Tiểu đội 2 thiếu 1”. Người đứng cuối hàng của tiểu đội 3 báo “Tiểu đội 3 thừa 1”.

+ Các chiến sỹ trong hàng thứ 2 và thứ 3 phải vừa dóng hàng ngang vừa dóng hàng dọc.

1. TRUNG ĐỘI HÀNG DỌC
   1. **Đội hình trung đội một hàng dọc.**
2. Ý nghĩa: Đội hình trung đội một hàng dọc thường dùng để hành quân, di chuyển ở ngoài bi tập được nhanh chóng, thuận tiện.
3. Thực hiện thứ tự 4 bước như các đội hình khac

* Khẩu lệnh: “Trung đội thành một hàng dọc – tập hợp”
* Động tác thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội một hàng dọc. Trung đội thành một hàng dọc, thứ tự tiểu đội 1 đến tiểu đội 3, mỗi tiểu đội thành một hàng dọc. Đội ngũ đơn vị 7/9 - Điểm số giống như đội hình trung đội một hàng ngang, chỉ khác là điểm số theo đội hìn hàng dọc.
  1. **Đội hình trung đội hai hàng dọc.**

1. Ý nghĩa: Đội hình trung đội một hàng dọc thường dùng để hành quân, di chuyển ở ngoài bi tập được nhanh chóng, thuận tiện.
2. Các bước thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội hai hàng dọc.

* Khẩu lệnh: “Trung đội thành hai hàng dọc - tập hợp”
* Động tác thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội hai hàng dọc. Đội hình thành hai hàng dọc thứ tự tiểu đội 1, tiểu đội 2 đến tiểu đội 3, mỗi tiểu đội thành hai hàng dọc.
* Chỉnh đốn hàng ngũ, cơ bản như đội hình tiểu đội hai hàng dọc, chỉ khác: khi dứt động lệnh “thẳng”, các tiểu đội trưởng qua trái ½ bước để đứng trước chính giữa đội hình tiểu đội của mình.
  1. **Đội hình trung đội ba hàng dọc.**

1. Ý nghĩa: Đội hình trung đội một hàng dọc thường dùng để hành quân, di chuyển ở ngoài bãi tập được nhanh chóng, thuận tiện.
2. Các bước thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội một hàng dọc.

* Khẩu lệnh: “Trung đội thành ba hàng dọc – tập hợp”
* Động tác thực hiện trên cơ sở đội hình tiểu đội một hàng dọc, vị trí tiểu đội 2 đứng bên trái tiểu đội 1, tiểu đội 3 đứng bên trái tiểu đội 2, mỗi tiểu đội thành 1 hàng dọc.
* Điểm số: Khẩu lệnh, động tác giống như điểm số của trung đội ba hàng ngang.
* Khẩu lệnh và động tác chỉnh đốn hàng ngũ như trung đội một (hai) hàng dọc.

**CÂU HỎI NGHIÊN CỨU**

Câu 1: Hãy nêu thứ tự và thực hành các bước tập hợp tiểu đội một hàng ngang, một hàng dọc?

Câu 2: Hãy nêu thứ tự và thực hành các bước tập hợp tiểu đội hai hàng ngang, hai hàng dọc?

Câu 3: Hãy nêu thứ tự và thực hành các bước tập hợp trung đội một hàng ngang, trung đội một hàng dọc?

**BÀI 6: BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH QUÂN SỰ**

**A. BẢN ĐỒ**

**1. Khái niệm, ý nghĩa.**

***a) Khái niệm***

Bản đồ là hình ảnh thu nhỏ, khái quát hoá một phần bề mặt trái đất lên mặt phẳng theo những quy định toán học nhất định. Trên bản đồ các yếu tố về tự nhiên, kinh tế, văn hóa- xã hội được thể hiện bằng hệ thống các kí hiệu. Những yếu tố này được phân loại, lựa chọn, tổng hợp tương ứng từng bản đồ và từng tỉ lệ.

Bản đồ địa hình là loại bản đồ chuyên đề có tỉ lệ từ 1: 1.000.000 và lớn hơn. Trên bản đồ địa hình và địa vật một khu vực bề mặt Trái đất được thể hiện một cách chính xác và chi tiết bằng hệ thống các kí hiệu quy ước thích hợp.

***b) Ý nghĩa***

Bản đồ địa hình trong đời sống xã hội có một ý nghĩa rất to lớn trong việc giải quyết các vấn đề khoa học và thực tiễn, những vấn đề liên quan đến địa hình, lợi dụng địa hình, tiến hành thiết kế, xây dựng các công trình trên thực địa...

Nghiên cứu địa hình trên bản đồ quân sự giúp cho người chỉ huy nắm chắc các yếu tố về địa hình để chỉ đạo tác chiến trên đất liền, trên biển trên không và thực hiện các nhiệm vụ khác.

Thực tế không phải lúc nào cũng ra ngoài thực địa được, hơn nữa việc nghiên cứu ngoài thực địa có thuận lợi là độ chính xác cao, song tầm nhìn lại bị hạn chế bởi tính chất của địa hình, tình hình địch nên thiếu tính tổng quát. Vì vậy bản đồ địa hình là phương tiện không thể thiếu được trong hoạt động của người chỉ huy trong chiến đấu và công tác.

**2. Cơ sở toán học bản đồ địa hình.**

***a) Tỉ lệ bản đồ.***

**- Khái niệm:**

Tỉ lệ bản đồ là mức độ thu nhỏ chiều dài nằm ngang của các đường trên thực địa khi biểu thị chúng trên bản đồ.

**Tỉ lệ bản đồ được biểu diễn dưới dạng phân số: 1/M**

Tử số chỉ độ dài đo được trên bản đồ, mẫu số chỉ M lần đơn vị độ dài tương ứng trên thực địa.

**Tỉ lệ bản đồ được biểu diễn dưới ba dạng sau:**

- Tỉ lệ số: Là tỉ lệ ở dạng phân số, biểu thị mức độ thu nhỏ các yếu tố địa hình địa vật trên thực địa vẽ trên bản đồ. Để tiện tính toán, mẫu số tỉ lệ bản đồ thường được xác định bằng những số chẵn như 10.000, 25.000, 50.000,… tỉ lệ số thường được ghi ở dưới khung Nam mỗi mảnh bản đồ, có cách viết như sau:

**- Ví dụ:** Bản đồ tỉ lệ một phần hai mươi lăm ngàn có thể viết

1 : 25.000 ; 1/25.000.

- Tỉ lệ chữ: Tỉ lệ chữ nói rõ một đơn vị độ dài centimet (cm) trên bản đồ ứng với đơn vị độ dài bằng mét trên thực địa. Ở thước tỉ lệ thẳng của mỗi mảnh bản đồ có ghi tỉ lệ chữ.

**Ví dụ:** Bản đồ tỉ lệ 1 : 25.000 có ghi 1 cm bằng 250m thực địa.

- Tỉ lệ thước: Trên mỗi tờ bản đồ có một thước tỉ lệ thẳng. Thước tỉ lệ là thước giúp đo đạc tính toán thuận tiện, vì độ dài trên thước đã được tính ra cự li thực địa (phần cấu tạo và cách sử dụng sẽ được trình bày ở nội dung phần sau).

**Công thức:**

Tỉ lệ bản đồ với thực địa được biểu thị bằng công thức sau:

d = 1

D M

Trong đó : d là cự li đo trên bản đồ.

D là cự li tính theo thực địa

M là mẫu số tỉ lệ .

Để chỉ tỉ lệ bản đồ có thể dùng một trong ba cách trên. Khi biểu thị trên bản đồ thường dùng cách viết thứ nhất.

***b) Phép chiếu đồ.***

**- Khái niệm:** Khi thành lập bản đồ phải biểu diễn bề mặt Elipxoit (hay mặt cầu) lên mặt phẳng sao cho sự biến dạng sai số trên bản đồ ở mức độ nhỏ nhất, khi biểu diễn phải đạt được những điều kiện để những đường toạ độ trong mối quan hệ toạ độ mặt Elipxoit (hay mặt cầu) dựa theo một quy luật toán học nhất định, muốn thế phải sử dụng phép chiếu đồ.

Vậy phép chiếu bản đồ là phép chiếu hình kinh tuyến, vĩ tuyến từ mặt Elipxoit lên mặt phẳng giấy bằng phương pháp toán học.

**- Các phương pháp chiếu đồ:**

**+ Phương pháp chiếu Gauss.**

Cơ sở nội dung của phép chiếu Gauss: là phép chiếu đồ lồng trụ ngang giữa góc, hình trụ tiếp xúc với quả địa cầu theo một đường kinh tuyến nào đó, trục hình trụ nằm trong mặt phẳng xích đạo và vuông góc với trục trái Đất.

Toàn bộ mặt Elipxoit (Trái đất) được chia thành 60 múi, mỗi múi có giá trị 60 kinh tuyến và được đánh số thứ tự từ 1 đến 60 từ Tây sang Đông bắt đầu từ kinh tuyến gốc.

Kinh tuyến tiếp xúc với hình trụ là kinh tuyến giữa (kinh tuyến trung ương). Mỗi múi được chiếu riêng một lần, cứ như vậy tịnh tiến trong hình trụ chiếu từ múi số 1 đến múi 60.

Lãnh thổ trên đất liền Việt Nam theo cách tính trên nằm ở khoảng 1020 kinh đông đến 1100 kinh đông thuộc hai múi chiếu hình 48 và 49. Sau khi chiếu các múi liên tiếp lên hình trụ, bổ dọc hình trụ, trải ra mặt phẳng có được hình chiếu của Trái Đất trên mặt phẳng, toàn bộ Trái Đất có 60 múi chiếu.

**+ Phương pháp chiếu UTM:**

Hiện nay ngoài hệ thống bản đồ Gauss, trong Quân Đội với một số cơ quan nhà nước còn sử dụng rộng rãi loại bản đồ UTM tái bản do Cục Bản đồ Bộ Tổng Tham Mưu phát hành. UTM là chữ viết tắt của phép chiếu Universal Transvesal Merecator’s.

Phép chiếu UTM về nguyên tắc căn bản, cơ sở nội dung giống như phép chiếu Gauss, là phép chiếu đồ giữa góc lồng trụ ngang và cùng dạng công thức với lưới chiếu đồ giữ góc Gauss.

XUTM = 0,9996XG; YUTM = 0,9996 YG

**+ So sánh phép chiếu UTM với phép chiếu Gauss.**

Như lưới chiếu Gauss, phần sai số tỉ lệ chiều dài với sai số diện tích (P) lưới chiếu UTM nhỏ hơn; lưới chiếu UTM khác với lưới chiếu Gauss. Trong lưới chiếu UTM hình trụ ngang không tiếp xúc như lưới chiếu Gauss mà cắt Elipxoit ở hai cát tuyến, cách đều kinh tuyến giữa 180km về phía Đông và Tây.

Mặt chiếu hình không tiếp xúc với kinh tuyến trục mà tiếp xúc với kinh tuyến hai bên các đều kinh tuyến trục 180km.

Phép chiếu hình UTM Elipxoit được qui chiếu thành 60 múi nhưng đánh số múi toạ độ từ múi số 1- 60 kể từ kinh tuyến 1800 về hướng Đông.

Hệ toạ độ vuông góc áp dụng cho múi chiếu hình, chỉ áp dụng từ 800 vĩ Nam đến 800 vĩ Bắc. Giao điểm của hai trục này là điểm gốc của hệ trục toạ độ vớ X = 0, Y = 500km đối với Bắc bán cầu; X = 10.000km, Y = 500km đối với Nam bán cầu.

**3. Phân loại, đặc điểm, công dụng bản đồ địa hình.**

**a) Phân loại đặc điểm, công dụng.**

***- Bản đồ cấp chiến thuật:***

Bản đồ cấp chiến thuật là bản đồ điạ hình có tỷ lệ 1: 25.000, 1: 50.000 dùng cho tác chiến ở vùng đồng bằng và trung du; 1: 100.000 đối với vùng núi; là Bản đồ địa hình có tỷ lệ lớn dùng cho cấp chỉ huy tham mưu từ đại đội đến cấp sư đoàn.

**Đặc điểm, công dụng**: Bản đồ tỉ lệ 1: 25.000, mặt đất được thể hiện chi tiết cụ thể, tỷ mỉ, chính xác, dùng đề nghiên cứu những vấn đề tác chiến trong tiến công phòng ngự như: Các truyến phòng thủ của ta và địch, những khu vực nhày dù, đỏ bộ, hệ thống đường sá, cầu cống, các chướng ngại vật trên đường hành quân, tình hình các điểm dân cư, chuẩn bị phần tử bắn cho pháo binh, thiết kế các công trình QS.

Bản đồ địa hình tỉ lệ 1: 50.000 – 1: 100.000 mức độ chi tiết, cụ thể tỉ mỉ không kém hơn so với tỉ lệ 1: 25.000. Tuy nhiên, được xác định là loại bản đồ chiến thuật cơ bản của quân đội ta. Dùng để nghiên cứu địa hình ở phạm vi rộng lớn hơn, đánh giá, phân tích ý nghĩa chiến thuật cảu yếu tố địa hình, tác dụng cảu chúng để lập kế hoạch tác chiến, chỉ huy chiến dấu trong tất cả các hình thức chiến thuật.

***- Bản đồ cấp chiến dịch:***

Bản đồ cấp chiến dịch là bản đồ địa hình có tỷ lệ từ 1: 100.000 ,

1: 250.000 ( 1: 100.000 đối với địa hình đồng bằng, trung du, 1: 250.000 đới với địa hình rừng núi) là loại bản đồ có địa hình trung bình chủ yếu dùng cho cấp chỉ huy chiến dịch ( chỉ huy và cơ quan tham mưu cấp quân đoàn, quân khu...)

**Đặc điểm công dụng**: Trên bản đồ địa hình, địa vật thể hiện có chọn lọc, tính tỉ mỉ kém nhưng tính khái quát rất cao, tiện cho việc nghiên cứu thực địa khái quát, tổng thể, giúp cho việc lập kế hoạch tác chiến và chỉ huy tác chiến ở cấp chiến dịch.

***- Bản đồ cấp chiến lược:***

Bản đồ cấp chiến lược có tỉ lệ 1: 500.000 – 1:1.000.000 là loại bản đồ dùng cho Bộ Tổng tư lệnh và các cơ quan cấp chiến lược.

**Đặc điểm công dụng:** Bản đồ biểu diễn một khu vực địa hình rộng lớn, ở mức khái quát hoá cao. Dùng để chuẩn bị và triển khai các chiến dịch và chỉ huy hoạt động quân sự phối hợp trên một hướng hay một khu vực chiến lược hạơc củng cố, xây dựng kế hoạch chiến lược quốc phòng an ninh của đất nước.

**b) Đặc điểm khung bản đồ và ghi chú xung quanh.**

***- Khung bản đồ:***

Khung để trang trí bản đồ là những đường giới hạn diện tích của mỗi mảnh bản đồ. Khung bản đồ có những trường đường:

+ Đường trong cùng là giới hạn trực tiếp của khu vực có nội dung bản đồ vẽ nét mảnh.

+ Đường hai nét kẻ song song , trên đó có chia thành các đoàn nhỏ theo kinh độ, vĩ độ chẵn tới phút.

Ngoài cùng là khung trang trí vẽ nét đen đậm.

Nếu gọi tên gồm khung Bắc, Nam, Đông, Tây.

Ghi chú xung quanh:

Phần ghi chú xung quanh nhằm giải thích, thuyết minh cho người sử dụng bản đồ. Vì vậy sử dụng bản đồ cần nắm vững ý nghĩa và nội dung cách ghi đó.

Nguyên tắc ghi chú xung quanh của bản đồ Gauss và UTM cơ bản giống nhau, chỉ khác cách sắp xếp vị trí, cách ghi, cách trình bày.

Trong nội dung này chỉ nêu lên những nguyên tắc chung về cách ghi chú xung quanh của bản đồ địa hình Gauss.

***+ Khung bắc.***

Ghi tên bản đồ: Tên bản đồ thường là địa danh vùng dân cư hành chính cấp cao nhất trong mảnh bản đồ đó hoặc địa hình quan trọng nổi tiếng trong vùng dân cư.

Dưới tên bản đồ ghi số hiệu của mảnh bản đồ, xác định vị trí địalý cảu mảnh bản đồ nằm ở khu vực nào trên trái đất ( theo cách chia mảnh, đánh số, ghi số liệu).

Bên trái ngoài khung bản đồ ghi tên, vị trí địa dư: Là tên chỉ một khu vực địa dư tổng quát một nước, một tỉnh, một huyện... bao gồm một phần đất đai của khu vực đó.

Đường ranh giới hành chính vẽ nháp: Chỉ cho ta biết hiện ranh giới hành chính chưa được vẽ chính thức, theo phân chia hành chính các khu vực.

Thước điều chỉnh góc lệch bản đồ: Xác định góc lệch từ so với Bắc ô vuông của mỗi mảnh bản đồ theo vị trí địa lý khu vực đó.

Mật độ: Xác định độ mật của bản đồ, ghi ở góc Đông Bắc bên ngoài khung bản đồ.

***+ Khung Nam:***

Tỉ lệ số, tỉ lệ thước, tỉ lệ chữ.

Phía dưới tỉ lệ chữ: Ghi chú khoảng cao đều đường bình độ cơ bản. Tuỳ theo tỉ lệ mà ghi chú này thay đổi.

Phía dưới dòng tiếp theo xác định thể Elipxoit chiếu hình và gốc toạ độ, độ cao thiết lập bản đồ và ghi chú giải thích phần ghi của bản đồ UTM trên bản đồ Gauss.

Phần ghi chú góc lệch từ gồm sơ đồ góc lệch và bảng giá trị tính góc để xác định góc lệch từng năm bản đồ đó.

Thước đo độ dốc, phía dưới thước đo độ dốc có phần hướng dẫn sử dụng.

Sơ đồ phân chia địa giới hành chính của từng khu vực phần đất trên bản đồ.

**Lược đồ bảng chắp:** Là một hình vẽ thu nhỏ, phạm vi các mảnh bản đồ có nối tiếp với nhau, phần này giúp người sử dụng nhanh chóng tìm ra các mảnh bản đồ cần chắp nối với mảnh đang dùng.

Phần chú dẫn giải thích kí hiệu bản đồ, nội dung này giúp ta nắm được các ký hiệu tra cứu khi đọc bản đồ.

Xung quanh khung bản đồ phía trong ( phần giới hạn nội dung bản đồ với nết khung đen đậm đều có các ghi chú)

Bốn góc khung bản đồ ghi giới hạn kinh, vĩ tuyến. Căn cứ vào các số tính được độ kinh sai, vĩ sai của mảnh bản đồ đó.

Trên các đường khung bản đồ lưới ô vuông cắt qua khung tạo thành mốc của lưới ô vuông. Trên các mốc có ghi trị số các đường ô vuông được tính bằng kilomét.

Ghi chú đường xuất: Mạng lưới giao thông trên bản đồ như đường sắt, đường ô tô đến dấu mút bốn xung quanh mép khung đều được ghi chú địa danh dân cư hạơc một địa điểm cách đó với độ dài là bao nhiêu giúp cho việc tiện xác định trên bản đồ.

**4. Cách chia mảnh ghi số hiệu bản đồ.**

***a) Theo phương pháp chiếu Gauss***

**- Bản đồ tỉ lệ 1: 1.000.000:**

Chia mặt đất thành 60 dải chiếu đồ, đánh số từ 1 đến 60. Dải số 1 từ 1800 đến 1740 Tây và tiến dần về phía Đông đến dải số 60. Lãnh thổ trên đất liền của Việt Nam nằm ở dải 48,49.

Chia dải chiếu đồ theo vĩ độ từng khoảng 40 kể từ xích đạo trở lên Bắc cực và Nam Cực, đánh thứ tự A, B, C… tính từ xích đạo. Việt Nam thuộc 4 khoảng C, D, E, F.

Mỗi hình thang cong (60 kinh tuyến, 40vĩ tuyến) là khuôn khổ mảnh bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000. Khi ghi số hiệu cho tờ bản đồ 1:100.000, ghi tên dải trước, ghi số múi sau. Ví dụ Hà Nội nằm trong ô F - 48.

**- Bản đồ tỉ lệ 1:100.000**

Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000 thành 144 ô nhỏ, có khuôn khổ 0030’kinh tuyến, 0020’ vĩ tuyuến là khuôn khổ mảnh bản đồ tỉ lệ 1:100.000 số hiệu đánh từ 1 đến 144 (từ trái qua phải, từ trên xuống dưới) ghi vào sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1:1.000.000

**Ví dụ : F - 48 - 116.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 11 | 22 | 33 | 44 | 55 | 66 | 77 | 88 | 99 | 10 | 111 | 112 |
| 113 | 114 | 5  15 | 116 | 117 | 118 | 119 | 220 | 221 | 222 | 223 | 224 |
| 225 | 226 | 227 | 228 | 229 | 330 | 331 | 332 | 333 | 334 | 335 | 336 |
| 337 | 338 | 339 | 440 | 441 | 442 | 443 | 444 | 445 | 446 | 447 | 448 |
| 449 | 550 | 551 | 552 | 553 | 554 | 555 | 556 | 557 | 558 | 559 | 660 |
| 661 | 662 | 663 | 664 | 665 | 666 | 667 | 668 | 669 | 770 | 771 | 772 |
| 773 | 774 | 775 | 776 | 777 | 778 | 779 | 880 | 881 | 882 | 883 | 884 |
| 885 | 886 | 887 | 888 | 889 | 990 | 991 | 992 | 993 | 994 | 995 | 996 |
| 997 | 998 | 999 | 1100 | 1101 | 1102 | 1103 | 1104 | 1105 | 1106 | 1107 | 1108 |
| 1109 | 1110 | 1111 | 1112 | 1113 | 1114 | 1115 | 1116 | 1117 | 1118 | 1119 | 1120 |
| 1121 | 1122 | 1123 | 1124 | 1125 | 1126 | 1127 | 1128 | 1129 | 1130 | 1131 | 1132 |
| 1133 | 1134 | 1135 | 1136 | 1137 | 1138 | 1139 | 1140 | 1141 | 1142 | 1143 | 1144 |

**- Bản đồ tỉ lệ 1 : 50.000**

Chia khuôn khổ mảnh bản đồ tỉ lệ 1 : 100.000 thành 4 ô nhỏ, có khuôn khổ 0015’ kinh tuyến, 0010’ vĩ tuyuến đánh số A, B, C, D (từ trái qua phải, từ trên xuống dưới), ghi sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1 : 100.000.

**Ví dụ** : F - 48 - 116 - B

**- Bản đồ tỉ lệ 1 : 25.000**

Chia khuôn khổ mảnh bản đồ tỉ lệ 1 : 50.000 thành 4 ô nhỏ, 007’ 30” kinh tuyến, 005’ vĩ tuyuến đó là khuôn khổ mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 25.000, đánh số a, b, c, d (từ trái qua phải, từ trên xuống dưới) ghi sau số hiệu mảnh bản đồ tỉ lệ 1: 50.000.

**Ví dụ:** F - 48 - 116 - D – a

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| A  116 | B | |
| C | a  D | b |
| c | d |

***b) Cách chia mảnh ghi số hiệu bản đồ UTM.***

**- Bản đồ tỉ lệ 1 : 1.000.000:**

Cách chia giống như bản đồ Gauss nhưng lưới chiếu là Lamberl.

Khuôn khổ: Dọc = 40 vĩ tuyến, ngang = 60 kinh tuyến.

Số hiệu cũng kết hợp số dải và múi (dải chiếu) ở phía trước có chữ N hoặc S chỉ hướng Bắc, Nam.

Ví dụ: mảnh bản đồ Hà Nội NF - 48.

**- Bản đồ tỉ lệ 1 : 100.000.**

Khu vực Đông Dương và một số vùng lân cận toạ độ khởi điểm của lưới tam giác cấp I. Tính từ điểm ở Tây sông T.ram Ban ấn Độ.

Lấy giao điểm của 40 Nam và 750 Đông làm gốc chia đều lên phía Bắc và sang phía Đông mỗi khoảng là 0030’ có khuôn khổ mảnh bản đồ 0030’ x 0030’ vẽ theo tỉ lệ 1 : 100.000.

Số hiệu được ghi bằng 2 cặp chữ số Ả Rập, cặp số đứng trước chỉ giá trị kinh tuyến, cặp số đứng sau chỉ giá trị vĩ tuyến, cặp một khởi điểm từ 00 ghi từ trái sang phải, cặp hai khởi điểm từ 01 ghi từ dưới lên trên.

**- Bản đồ tỉ lệ 1 : 50.000**

Chia mảnh bản đồ tỉ lệ 1 : 100.000 thành 4 phần bằng nhau. Đánh số La mã: I, II, III, IV theo kiểu kim đồng hồ.

Khuôn khổ: Dọc 0015’ vĩ tuyến, ngang 0015’ kinh tuyến.

Số hiệu ghi chữ La Mã sau số hiệu bản đồ tỉ lệ 1: 100.000.

Ví dụ: 0364II.

**5. Nội dung bản đồ.**

***a) Kí hiệu dáng đất.***

**- Đường bình độ**

Đường bình độ: Là đường cong khép kín, nối liền các điểm có cùng độ cao trên mặt đất được chiếu lên mặt phẳng bản đồ.

+ Đường bình độ con (cơ bản) vẽ nét liền, mảnh, màu nâu, phải có độ cao chẵn. Tuỳ theo tỉ lệ bản đồ để quy định độ cao bao nhiêu mét được vẽ một đường.

+ Đường bình độ cái: vẽ nét liền, đậm, màu nâu, cứ 4 hoặc 5 đường bình độ con vẽ một đường bình độ cái, có ghi chú độ cao.

+ Đường bình độ giữa (1/2KCĐ) vẽ nét đứt đoạn dài, mảnh, màu nâu. Dùng để bổ sung những nơi dáng đất mà đường bình độ con, bình độ cái chưa làm nổi bật được ý nghĩa của nó VD như sông, yên ngựa, dốc thoải...

+ Đường bình độ phụ: Vẽ nét đứt đoạn ngắn, mảnh, màu nâu dùng để bổ sung những nơi đường bình độ giữa chưa làm nổi bật được ý nghĩa của nó. Tuỳ theo tỉ lệ bản đồ đường bình độ phụ có thể có hoặc không có.

Khoảng cao đều của đường bình độ được xác định bằng cự li thẳng đứng giữa hai mặt cắt của hai đường bình độ kề nhau (tuỳ theo tỉ lệ bản đồ mà quy định khoảng cao đều khác nhau).

***b) ký hiệu địa vật:***

**- Ký hiệu vẽ theo tỉ lệ:**

+ Là những ký hiệu biểu thị đúng mối quan hệ về tỉ lệ của địa vật giữa bản đồ với thực địa. Biểu thị đúng hình dáng, vị trí và phương hướng thực của nó. Thường biểu thị những địa vật có kích thước rộng lớn, sau khi thu nhỏ theo tỉ lệ bản đồ ta còn phân biệt được hình dáng và có thể đo tính được diện tích của địa vật ví dụ: rừng cây, đồng cỏ, khu dân cư...

+ Ký hiệu vẽ theo 1/2 tỉ lệ: Là những ký hiệu biểu thị mối quan hệ về tỉ lệ theo chiều dài của đại vật, chiều rộng không biểu thị. Loại ký hiệu này thường biểu thị những địa vật có kích thước dài như: đường, sông, suối, đường dây điện, ống dẫn dầu...trừ các loại sông, suối lớn có thể vẽ theo tỉ lệ.

**- Ký hiệu vẽ không theo tỉ lệ:**

+ Là những địa vật tương đối nhỏ bé, không thể rút theo tỉ lệ bản đồ được. Nhưng các địa vật này lại có ý nghĩa rất quan trọng về mặt định hướng. Để biểu thị chúng trên bản đồ, người ta dùng phương pháp vẽ tượng trưng, tượng hình.

**Ví vụ:** Chùa có hình mái cong, nhà thờ có cây thánh giá, nhà máy toả khói...

+ Hướng của kí hiệu có 2 loại:

Loại vẽ theo hướng bắc bản đồ bao gồm: Cây độ lập, đình chùa, nhà thờ, hang động, lò nung, bảng chỉ đường…

Loại vẽ theo hướng thực của nó ở thực địa gồm: Cầu, cống, nhà cửa…

- Bên cạnh những kí hiệu vẽ theo tỉ lệ, không theo tỉ lệ người ta còn dùng chữ và số để giải thích, làm rõ phạm vi, quy mô, tính chất của địa vật đó gọi là kí hiệu giải thích.

**Các loại kí hiệu:**

Kí hiệu vùng dân cư.

Kí hiệu địa giới.

Khí hiệu thuỷ văn.

Kí hiệu đường xá.

Kí hiệu một số vật thể độc lập.

Kí hiệu dáng đất.

Kí hiệu rừng cây và thực vật.

**- Xác định vị trí chính xác các kí hiệu:**

Ký hiệu thể hiện trên bản đồ bằng những kiểu hình dạng khác nhau, tuy nhỏ nhưng đều có một diện tích nhất định. tuỳ ký hiệu, phải xác định vị trí thực của nó trên thực địa. Để đo đạc một cách chính xác cần nắm vững vị trí chính xác của các loại ký hiệu trên bản đò, ta phải biết láy một điểm nào đó trên kí hiệu làm chuẩn. Tổng hợp các ký hiệu người ta chia làm các dạng sau:

+ Kí hiệu có dạng hình học hoàn chỉnh như: hình vuông, thang, tam giác đều, chữ nhật... thì tâm của ký hiệu là vị chính chính xá của địa vật trên bản đồ. Những kí hiệu có đường đáy như: ống khói, nhà máy, bia tưởng niệm là những điểm chính giữa đường đáy.

+ Những kí hiệu không có đường đáy như: Hang động, lò gạch là điểm chính giữa đường đáy tưởng tưởng tượng.

+ Những kí hiệu có đáy vuông góc như bảng chỉ đường, cây độc lập là tại đỉnh góc vuông. Cầu, cống, đập là chính giữa kí hiệu. Đường vẽ 1 nét hoặc 2 nét vị trí chính xác của kí hiệu ở chính giữa đường 1 hay 2 nét đó.

Ngoài ra một số địa vật được quy định riêng như xóm nhỏ là chính giữa hình đen đậm, hàng cây là chính giữa hình tròn ký hiệu.

**- Màu sắc:**

Màu sắc trên bản đồ thường có liên quan đến địa vật, trên thế giới, nhiều nước đều quy định dùng màu sắc như sau:

+ Màu nâu: Dùng để vẽ và ghi chú trên đường bình độ, biểu thị các khu vực dân cư khó cháy, tô màu nền đường.

+ Màu xanh lá cây (màu ve): Dùng biểu thị sông, suối, ao, hồ, đầm lầy, ruộng nước.

+ Màu đen: Dùng để vẽ tất cả các ký hiệu còn lại và ghi chú, trang trí bản đồ.

+ Màu xanh lam: Dùng để vẽ các kí hiệu về thuỷ văn.

Ngoài 4 màu cơ bản trên người ta còn dùng các màu phụ nhằm làm rõ thêm tính chất cũng như thông tin của từng loại kí hiệu.

**6. Chắp ghép, dán gấp, bảo quản bản đồ.**

***a) Chắp ghép bản đồ.***

**- Căn cứ để chọn mảnh chắp:**

Dựa vào bảng chắp; số hiệu ghi ở chính giữa 4 khung và hệ thống quy tắc chia mảnh, ghi số liệu.

Nếu phải chắp nhiều mảnh trong một khu vực ta dựa vào bảng chắp từng vùng, khoanh phạm vi khu vực rồi tìm số hiệu mảnh.

**- Nguyên tắc chắp:**

+ Bản đồ phải cùng tỉ lệ, cùng phép chiếu hình cùng khu vực địa hình, tốt nhất cùng năm và cùng xưởng sản xuất.

+ Khi chắp theo nguyên tắc mảnh trên đè mảnh dưới, mảnh trái đè mảnh phải.

+ Các kí hiệu và lưới ô vuông nơi tiếp biên giữa các mảnh bản đồ phải tiếp hợp nhau chính xác.

**- Cắt khung bản đồ:**

Về nguyên tắc cắt khung bản đồ phải căn cứ số mảnh chắp, nguyên tắc chắp ghép điểm cắt, tiến hành như sau:

+ Vẽ một sơ đồ đơn giản để làm cơ sở cắt.

+ Các mảnh hàng ngang cắt khung Đông.

+ Các mảnh hàng dọc cắt khung Nam.

+ Tất cả các mảnh ngoài cùng không cắt khung.

+ Phải cắt theo đường trong cùng sát nội dung bản đồ.

***b) Dán, gấp bản đồ.***

**- Dán bản đồ:** Khi dán bản đồ:

+ Thực hiện chiều nào ít mảnh dán trước, nhiều mảnh dán sau.

+ Đặt cho hai mảnh bản đồ có nội dung úp vào nhau, mép của tờ bản đồ trùng lên đường sát phần nội dung của mảnh phải dán, sau đó quét hồ lên phần chưa cắt của tờ bản đồ phía dưới hoặc tờ bên phải.

+ Lật ngược tờ bản đồ lại cho mép của tờ trên trùng khít đường sát với nội dung bản đồ, điều chỉnh không để sai lệch ở những điểm tiếp giáp.

+ Dùng con lăn, lăn cho thật phẳng để khô rồi mới sử dụng.

**- Gấp bản đồ:**

Khi gấp phải thuận tiện trong sử dụng, kích thước phải phù hợp với túi đựng hoặc bàn; không gấp theo nếp hồ dán, không gấp đôi, gấp tuỳ tiện.

+ Gấp dùng trong hành quân:

Trải bản đồ xác định đường hành quân.

Gập cho đường hành quân ra ngoài, các phần còn lại ghập vào trong khoẩng gập vừa bảng hay túi đựng.

Gập dích dắc nhiều lần, điểm xuất phát để ra ngoài.

**- Gấp để bàn.**

Trải bản đồ xác định khu vực cần tác nghiệp hoặc xem trước.

Đo chiều dài hoặc chiều rộng của mặt bàn, ước tính trên bản đồ để khi xong kích thước bản gập hẹp hơn mặt bàn một ít.

Gấp cho khu vực cần tác nghiệp lên trên, khu vực còn lại gấp dích dắc nhiều lần, phần thừa hai đầu bàn gập xuống dưới. Khi cần xem hay tác nghiệp khu vực khác, mở đoạn thừa hai đầu cho phần đã tác nghiệp xuống dưới.

***c) Giữ gìn bảo quản bản đồ.***

- Phải giữ nghiêm quy định bảo mật. Đặc biệt đối với bản đồ công tác của người chỉ huy.

- Không để thất lạc hoặc làm nhàu nát mất mát; nếu sử dụng lâu dài phải dùng túi politilen bọc bản đồ.

- Không để bản đồ ở những nơi ẩm ướt hoặc quá nóng.

- Không dùng dao để cạo hoặc xấp nước để tẩy xoá làm rách nát bản đồ. Khi gấp không miết mạnh làm bản đồ bị rách theo nếp gấp.

- Không viết vẽ tuỳ tiện lên bản đồ .

**B. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ**

**1. Đo cự li, diện tích trên bản đồ.**

***a) Đo cự li đoạn thẳng.***

Khi đo cự li một đoạn thẳng trên bản dùng một số phương tiện như: Thước milimét, băng giấy, compa.

- Đo bằng thước milimét: Đặt cho cạnh thước nối qua hai điểm, số đo trên thước được bao nhiêu centimét, nhân với tỉ lệ bản đồ được kết quả đo.

Ví dụ : Đo từ điểm A đến điểm B cự li đo được trên bản đồ 1 : 25.000 là 3 cm, cự li thực địa đoạn cần đo là: 3 cm x 25.000 = 75.000 cm = 750 m.

- Đo bằng băng giấy: Băng giấy phải được chuẩn bị có độ dài khoảng 20 cm trở lên rộng khoảng 5 cm, mép băng giấy phải thẳng. Đặt cạnh băng giấy nối qua hai điểm trên bản đồ và đánh dấu lại, đem băng giấy ướm vào thước tỉ lệ thẳng, đọc được kết quả cần đo.

- Đo bằng compa: Mở khẩu độ compa vừa với khẩu độ định đo trên hai điểm đo, giữ nguyên khẩu độ đo đem ướm vào thước tỉ lệ thẳng được kết quả đo.

***b) Đo cự li đoạn gấp khúc, đoạn cong.***

- Đo bằng băng giấy: Chuẩn bị băng giấy như đã nêu ở trên. Khi đo đánh dấu một đầu băng giấy, trùng vào đầu đoạn đo, mép băng giấy luôn bám sát một mép đường trên bản đồ. Kết hợp hai tay và đầu bút chì bấm vào mép giấy, xoay mép băng giấy trùng lên mép đường, cứ như vậy cho đến điểm cuối cùng được khoảng cách cần đo.

Chú ý: khi xoay mép băng giấy phải lấy đầu bút chì làm trụ không để mép băng giây trượt khỏi đường đo.

- Đo bằng sợi dây mềm: Dùng sợi dây có độ co dãn thấp vuốt thẳng, đánh dấu đầu dây rồi đặt đầu dây vào điểm định đo, lăn cho dây theo mép đường cho đến điểm cuối cùng được khoảng cách cần đo.

Chú ý : Đo nhiều lần lầy kết quả trung bình.

**- Đo bằng compa:**

Đo những đoạn thẳng gấp khúc: đo từng đoạn rồi cộng lại.

Đo những đoạn cong: Chia những đoạn cong thành những đoạn thẳng ngắn đều nhau; đo đoạn thẳng ngắn được bao nhiêu nhân với tổng số đoạn được chia.

**- Đo bằng thước đo kiểu đồng hồ.**

• Công tác chuẩn bị:

Kiểm tra bộ phận chuyển động của đồng hồ: Đặt ngón tay trỏ của tay phải vào bánh xe, đẩy đi đẩy lại xem bộ phận kim có chuyển động tốt không, đưa kim về vạch chỉ tiêu đỏ.

Kiểm tra độ chính xác: Lấy cạnh của một ô vuông trên bản đồ để kiểm tra, đẩy bánh xe lăn hết một cạnh ô vuông, nếu kim dịch chuyển đúng một khoảng là độ chính xác tốt.

• Cách đo: Tay phải hoặc tay trái cầm thước mặt số quay vào phía mình, đặt bánh xe vuông góc với điểm định đo, từ từ đẩy bánh xe lăn theo đường cho đến điểm cuối cùng nhấc thước ra khỏi vị trí đo. Nhìn vào thước kim dịch chuyển được bao nhiêu đó là khoảng cách cần đo.

Chú ý: Động tác đo phải hết sức thận trọng, tỉ mỉ, chính xác. Khi đẩy trượt bánh xe ra khỏi đường đo thì phải kéo lùi bánh xe về vị trí bị trượt, sau đó đo tiếp.

***c) Đo diện tích theo bản đồ.***

Khi thực hiện nhiệm vụ huấn luyện hay chiến đấu, đôi khi phải xác định diện tích một khu vực địa hình như: Phạm vi của đơn vị trú quân, phạm vi nhiễm xạ, phạm vi khu vực khai thác.

**- Đo diện tích ô vuông:**

+ Đo diện tích ô vuông đủ:

Trên bản bản đồ địa hình đều có hệ thống ô vuông, mỗi ô vuông trên bản đồ đều được xác định một diện tích nhất định phụ thuộc vào tỉ lệ đó.

Công thức S = a2

Trong đó: S là diện tích của một ô vuông

a là cạnh của một ô vuông

**Bảng tính diện tích ô vuông cho các loại bản đồ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tỉ lệ bản đồ** | **Cạnh ô vuông (cm)** | **Diện tích tương ứng thực địa (km2)** |
| 1 : 25.000 | 4 | 1 |
| 1 : 50.000 | 2 | 1 |
| 1 : 100.000 | 2 | 4 |
| 1 : 200.000 | 5 | 100 |

+ Đo diện tích ô vuông thiếu:

Chia cạnh ô vuông có diện tích đo thành 10 phần bằng nhau, kẻ các đường giao nhau vuông góc ta có 100 ô nhỏ; đếm tổng số ô con hoàn chỉnh; các ô không hoàn chỉnh đếm tổng số rồi chia đôi. Lấy tổng số ô nhỏ nhân với diện tích của một ô nhỏ được kết quả đo.

**- Đo diện tích một khu vực**

Diện tích một khu vực cần tính là tổng diện tích của ô vuông đủ với phần diện tích của ô vuông thiếu.

Công thức : A = ns + p

Trong đó : A là diện tích một khu vực cần tìm

n là số ô vuông đủ

s là diện tích của một ô vuông đủ

 là diện tích của ô vuông nhỏ tự kẻ

p là số ô vuông nhỏ tự kẻ

Cách tính: Khi tính diện tích của một khu vực trước hết ta phải xem khu vực đó chiếm mấy ô vuông đủ (n). Những ô vuông thiếu xác định như trên. Đếm tổng số ô vuông nhỏ của phần diện tích ô vuông thiểu rồi nhân với diện tích của một ô, đem cộng với diện tích ô vuông đủ có diện tích gần đúng của cả khu vực.

Hiện nay với công nghệ bản đồ số, muốn đo diện tích một khu vực trên bản đồ chỉ cần dùng con trỏ chạy theo đường biên của nó tạo thành vòng khép kín, dựa vào toạ độ tập hợp của các điểm trên đường biên phần mềm máy tính sẽ nhanh chóng giải bài toán và cho ngay diện tích.

**2. Xác định toạ độ chỉ thị mục tiêu.**

***a) Toạ độ sơ lược.***

- Trường hợp sử dụng: Trong ô vuông toạ độ chỉ có một đối tượng mục tiêu M hoặc nhiều mục tiêu có tính chất khác nhau

- Xác định chỉ thị mục tiêu:

+ Xác định toạ độ: Xác định mục tiêu bằng toạ độ sơ lược phải tìm 2 số cuối cùng của đường hoành độ (ghi ở khung Đông Tây) và 2 số cuối cùng của đường tung độ (ghi ở khung Bắc Nam) bản đồ. Tìm giao điểm của đường hoành độ nối đường tung độ trong ô vuông toạ độ có chứa M cần tìm. M nằm ở phía trên của đường kẻ ngang và bên phải của đường kẻ dọc.

Ví dụ: Toạ độ sơ lược điểm M (2536)

+ Chỉ thị mục tiêu: Viết tên mục tiêu, toạ độ X, Y viết liền không có dấu chấm, phẩy gạch ngang; đọc tên mục tiêu, toạ độ (X), (Y) đọc rõ ràng từng số.

Ví dụ: Cây độc lập (2536).

***b) Toạ độ ô 4, ô 9.***

- Trường hợp sử dụng: Trong ô vuông toạ độ có nhiều mục tiêu tính chất giống nhau, dùng toạ độ sơ lược sẽ nhầm lẫn.

- Cách xác định toạ độ:

+ Toạ độ ô 4: Chia ô vuông toạ độ sơ lược thành 4 phần bằng nhau, đánh dấu bằng chữ cái in hoa A, B, C, D từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.

Chỉ thị mục tiêu: Viết tên mục tiêu kết hợp toạ độ sơ lược của điểm đó và kí hiệu của từng ô.

Ví dụ: M (2536B)

+ Toạ độ ô 9: Chia ô vuông toạ độ sơ lược thành 9 phần bằng nhau, đánh dấu các ô bằng chữ số Ả Rập từ 1 đến 9 theo quy tắc: số 1 góc Tây Bắc thuận theo chiều kim đồng hồ số 9 ở ô giữa.

Chỉ thị mục tiêu: Viết tên mục tiêu kết hợp toạ độ sơ lược của điểm đó và kí hiệu của từng ô.

Ví dụ : M (25369)

***c) Toạ độ chính xác.***

Toạ độ chính xác (TĐCX) là xác định toạ độ của một điểm nằm trong một ô vuông toạ độ, tìm ra độ chênh về mét so với hệ trục gốc hoặc toạ độ sơ lược (TĐSL) của điểm đó. Đo chênh về X gọi là Δx, độ chênh về Y gọi là Δy.

- Cách đo toạ độ chính xác đến từng mét của một điểm.

Đo toạ độ chính xác một điểm trên bản đồ, lấy toạ độ sơ lược (X, Y) cộng thêm phần cự li vuông góc từ vị trí điểm đo đến đường hoành độ phía dưới (Δx) và từ vị trí điểm đo đến đường tung độ bên trái (Δy) lấy đơn vị tính bằng mét, công thức tính toạ độ chính xác:

TĐCX : M X = TĐSL + Δx

Y = TĐSL + Δy

Vận dụng công thức đo TĐCX một điểm nào đó, trình tự được thực hiện theo các bước như sau:

Bước 1. Xác định toạ độ góc Tây Nam của ô vuông toạ độ có chứa điểm M.

Bước 2.Từ điểm M kẻ đường vuông góc về phía Nam và phía Tây tới đường hoành độ và đường tung độ của ô vuông.

Bước 3. Đo khoảng các từ điểm M đến chân đường vuông góc với hoành độ và tung độ.

Bước 4. Nhân khoảng cách đo với mẫu số tỉ lệ bản đồ.

Bước 5. Cộng khoảng cách Δx vào giá trị sơ lược X và Δy vào giá trị sơ lược Y của góc Tây Nam ô vuông nói trên.

Ví dụ: Xác định toạ độ chính xác điểm M(2536). Bản đồ tỉ lệ 1 : 25.000.

- Xác định vị trí chính xác của mục tiêu, từ vị trí chính xác của mục tiêu đến khoảng cách đoạn MP, MQ ta được:

MP = 1,5cm ; MQ = 1,6cm

- Áp dụng công thức tỉ lệ ta được:

Δx = MP x 25.000 = 1,5 x 25.000 = 375m

Δy = MQ x 25.000 = 2,6 x 25.000 =400m

Vậy toạ độ chính xác đến mét điểm M:

X = 25km + 375m = 25.375m

Y = 36km + 400m = 36.400m

- Chỉ thị mục tiêu:

+ Viết: Viết tên mục tiêu, toạ độ X, toạ độ Y. Có thể viết theo 2 cách sau:

X(M) = 25375

Y(M) = 36400

M(2537536400)

+ Đọc tên mục tiêu, toạ độ (đọc rõ từng số), địa điểm. Cũng ví dụ trên ta đọc: Điểm M: hai, năm, ba, bảy, năm, ba, sáu, bốn, không, không.

- Một số điểm chú ý khi đo toạ độ chính xác:

+ Khi đo bằng thước hoặc bằng băng giấy thì cạnh thước, cạnh băng giấy phải song song với đường kẻ dọc, ngang lưới ô vuông.

Khi đo toạ độ ở những ô vuông thiếu: Nếu thiếu ở khung Bắc, Đông thì đo bình thường như ở các ô vuông đủ.

Thiếu ở khung Tây, Nam với từng giá trị đo ngược lại cách đo cơ bản, sau đó lấy độ dài của một cạnh ô vuông trừ đi kết quả vừa đo ta được giá trị Δx, Δy của mục tiêu.

+ Đo ở bản đồ tỉ lệ 1 : 100.000 khi giá trị Δx, Δy > 1000m phải cộng thêm 1km vào toạ độ sơ lược và phần lẻ.

Toạ độ chính xác gồm 10 số khi giá trị Δx, Δy < 100m phải thêm số 0 vào ngay sau toạ độ sơ lược. Ví dụ : X(M) =25075 ; Y(M) = 36089.

**3. Sử dụng bản đồ ngoài thực địa.**

***a) Định hướng bản đồ.***

Định hướng bản đồ là làm cho hướng Bắc của bản đồ trùng với hướng Bắc thực địa. Định hướng bản đồ có 3 phương pháp sau:

**- Định hướng bằng địa bàn**: Trải bản đồ lên vị trí bằng phẳng, đặt cạnh địa bàn trùng lên cạnh đường PP’ hoặc trục dọc lưới ô vuông hay khung Đông Tây bản đồ sao cho số 0 quay lên phía Bắc bản đồ.

Từ từ xoay bản đồ khi đầu Bắc kim nam châm chỉ vào số 0 dừng lại. Như vậy bản đồ đã được định hướng.

**- Định hướng bản đồ bằng địa vật dài thẳng:**

Khi đang đứng trên một địa vật dài thẳng như trên con đường, bờ sông, mương máng, đường dây điện, đường ống nước, ống dầu… Địa vật này có kí hiệu trên bản đồ. Lợi dụng địa vật để định hướng bản đồ cách làm như sau:

+ Trải bản đồ lên vị trí bằng phẳng.

+ Đặt thước 3 cạnh trùng lên kí hiệu địa vật dài thẳng trên bản đồ.

+ Xoay bản đồ cho hướng của thước song song hoặc trùng lên địa vật tương ứng ngoài thực địa, như vậy bản đồ đã được định hướng.

Chú ý: Sau khi định hướng phải đối chiếu so sánh ở 2 phía đầu địa vật dài. Nếu các kí hiệu trên bản đồ thống nhất với thực địa nghĩa là bản đồ đã định hướng đúng và nếu chưa thống nhất là định hướng sai; phải xoay bản đồ ngược lại 1800 bản đồ được định hướng.

Khi đứng ngoài địa vật dài thẳng phải xoay hướng bản đồ cho hướng song song với hướng địa vật dài thẳng

**- Định hướng bằng đường phương hướng giữa 2 địa vật:**

Khi đang đứng trên một địa vật ở ngoài thực địa, địa vật có vẽ kí hiệu trên bản đồ, như vậy đã xác định được điểm đứng. Quan sát ở thực địa chọn 1 địa vật thứ 2 có vẽ kí hiệu trên bản đồ. Đặt thước lên bản đồ sao cho hai kí hiệu trên bản đồ nằm một cạnh của thước, xoay bản đồ cho hướng của thước hướng tới địa vật thứ hai ngoài thực địa. Như vậy bản đồ đã được định hướng.

***b) Xác định điểm đứng trên bản đồ***

Sau khi định hướng bản đồ, phải xác định điểm đứng lên bản đồ (xác định vị trí đang đứng trên thực địa nằm ở vị trí nào trên bản đồ). Xác định điểm đứng lên bản đồ có 2 phương pháp sau:

**- Phương pháp ước lượng cự li:**

+ Thứ tự động tác:

Quan sát thực địa chọn đối tượng gần và rõ có kí hiệu trên bản đồ.

Đặt cạnh thước qua vị trí chính xác của kí hiệu, xoay thước ngắm tới đối tượng ngoài thực địa, kẻ đường chì mờ theo cạnh thước về phía sau.

Dùng phương tiện đo hoặc ước lượng cự li từ vị trí đứng đến đối tượng ngoài thực địa.

Đổi cự li ngoài thực địa ứng với tỉ lệ trên bản, lấy đoạn cự li theo tỉ lệ đo từ vị trí kí hiệu theo đường chì mờ về phía sau, chấm trên đường kẻ để định điểm đứng.

+ Những điểm chú ý:

Quá trình thao tác không làm xê dịch bản đồ ảnh hưởng đến quá trình định hướng. Cần kết hợp chặt chẽ giữa phương pháp cơ bản với phương pháp phân tích địa hình để xác định điểm đứng một cách chính xác.

Vận dụng phương pháp ước lượng cự li, khi vận động đi bộ trên đường hoặc vận động bằng phương tiện cơ giới. Để xác định điểm đứng hành quân bằng căn cứ vào điểm xuất phát, đường vận động, tốc độ hành quân, thời gian, dựa vào điểm xuất phát theo đường vận động sẽ tìm ra điểm đứng.

Ví dụ: Nơi xuất phát điểm A, hướng vận động theo đường cái vẽ hướng đông, tốc độ vận động 4km/h. Biết rằng thời gian đã đi từ vị trí xuất phát hết 02 giờ 15 phút, có thời gian nghỉ 45 phút.

Thời gian vận động 02 giờ 15 phút - 00 giờ 45 phút = 01 giờ 30 phút, tốc độ vận động 4km/h.

Do vậy: Thời gian 01 giờ 30 phút đi được quãng đường là 06 km.

Để xác định quãng đường 6 km, dùng compa hoặc thước đo cự li đo từ vị trí điểm A theo đường cái một đoạn 6km (đổi ra cự li bản đồ) đó là điểm đứng.

**- Phương pháp giao hội:**

+ Trường hợp 1: Khi đang vận động men theo đường hoặc một địa vật dài thẳng bất kì (có vẽ kí hiệu trên bản đồ).

Thứ tự tiến hành:

Quan sát trên thực địa tìm một đối tượng, có vẽ kí hiệu trên bản đồ.

Đặt cạnh thước vào điểm chính xác của kí hiệu, xoay thước ngắm tới địa vật ngoài thực địa. Kẻ đường chì mờ về phía sau. Giao điểm của đường chì mờ vừa kẻ với kí hiệu địa vật dài thẳng trên bản đồ là vị trí điểm đứng.

+ Trường hợp 2: không đứng trên một địa vật dài thẳng.

Thứ tự tiến hành:

Quan sát ngoài thực địa chọn 2 đối tượng trên bản đồ có vẽ kí hiệu.

Lần lượt đặt thước vào vị trí chính xác của từng kí hiệu rồi xoay thức ngắm ra đối tượng ngoài thực địa.

Lần lượt kẻ đường chì mờ theo mép thước về phía sau. Giao điểm của 2 đường hướng kẻ là vị trí điểm đứng được xác định trên bản đồ.

Chú ý: Góc giao hội của hai đường hướng không được nhỏ hơn 300 hoặc lớn hơn 1500.

Để đạt độ chính xác cao, dùng đường hướng thứ 3 để kiểm tra. Nếu 3 đường hướng cắt nhau tại 1 điểm là vị trí đứng đã được xác định chính xác. Nếu 3 đường hướng tạo thành tam giác có cạnh nhỏ hơn 2mm thì điểm đứng lấy tâm của tam giác. Nếu cạnh của tam giác lớn hơn 2mm thì phải xác định lại.

**4. Đối chiếu bản đồ với thực địa.**

***a) Phương pháp ước lượng cự li.***

- Trường hợp vận dụng:

Phương pháp ước lượng cự li thường được tiến hành khi cần bổ sung các đối tượng, xác định bổ sung đối tượng ở gần, ước lượng cự li chính xác.

- Thứ tự tiến hành:

+ Định hướng bản đồ, xác định điểm đứng lên bản đồ.

+ Đặt cạnh thức vào vị trí điểm đứng, xoay lần lượt đến các đối tượng cần xác định. Kẻ đường hướng theo cạnh thước về phía trước.

+ Dùng thước đo hoặc ước lượng cự li từ vị trí đứng đến đối tượng. Lấy đoạn cự li theo tỉ lệ bản đồ, đo từ vị trí điểm đứng lên phía trước theo các đường phương hướng đã kẻ để định vị trí đối tượng hoặc mục tiêu cần bổ sung. Nếu bổ sung địa vật dùng kí hiệu để vẽ vào bản đồ. Nếu xác định vị trí phải xác định vị trí và toạ độ.

***b) Phương pháp giao hội.***

- Trường hợp vận dụng:

Phương pháp giao hội thường được tiến hành khi cần bổ sung các đối tượng, xác định mục tiêu ở xa, ước lượng cự li khó chính xác.

- Thứ tự tiến hành:

+ Tại điểm đứng 1: Định hướng bản đồ; xác định điểm đứng lên bản đồ. Quan sát xác định đối tượng cần bổ sung hoặc mục tiêu cần xác định lên bản đồ.

Đặt cạnh thước tại điểm đứng, ngắm thước tới địa vật ngoài thực địa rồi kẻ đường phương hướng từ điểm đứng lên phía trước.sau đó di chuyển đến điểm đứng thứ hai.

Điểm đứng thứ hai có thể chọn một điểm ngoài thực địa có vẽ kí hiệu trên bản đồ. Nếu không chọn được điểm ngoài thực địa thì tại điểm đứng một ngắm tới vị trí cần đến rồi kẻ một đường hướng tới đó, căn cứ vào cự li để chấm điểm đứng hai lên bản đồ.

+ Tại điểm đứng 2: Tiến hành các bước tương tự như điểm đứng 1. Điểm giao nhau của hai đường kẻ từ hai điểm đứng là vị trí của đối tượng cần bổ sung hoặc mục tiêu cần xác định.

**CÂU HỎI ÔN TẬP**

Câu 1: Khái niệm, ý nghĩa, đặc điểm, công dụng, cơ sở toán học bản đồ địa hình quân sự?

Câu 2: Cách chắp ghép, dán gấp bản đồ?

Câu 3: Phương pháp đo diện tích, cự li và xác định, chỉ thị mục tiêu trên bản đồ?

Câu 4: Cách xác định tọa độ, chỉ thị mục tiêu, xác định điểm đứng trên bản đồ và đối chiếu bản đồ với thực địa?

**BÀI 7: PHÒNG TRÁNH ĐỊCH TIẾN CÔNG HOẢ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO**

1. **KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, THỦ ĐOẠN ĐÁNH PHÁ VÀ KHẢ NĂNG SỬ DỤNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO CỦA ĐỊCH TRONG CHIẾN TRANH.**
   1. **Khái niệm**

Vũ khí công nghệ cao là vũ khí được nghiên cứu, thiết kế, chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng kĩ - chiến thuật.

Khái niệm trên thể hiện những nội dung cơ bản sau:

* Vũ khí công nghệ cao được nghiên cứu thiết kế chế tạo dựa trên những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại.
* Có sự nhảy vọt về chất lượng và tính năng chiến - kĩ thuật.
  1. **Đặc điểm của vũ khí công nghệ cao**

Vũ khí công nghệ cao có một số đặc điểm nổi bật đó là:

* Hiệu suất của vũ khí, phương tiện tăng gấp nhiều lần so với vũ khí, phương tiện thông thường; hàm lượng tri thức, kĩ năng tự động hoá cao; tính cạnh tranh cao, được nâng cấp liên tục, giá thành giảm.
* Vũ khí công nghệ cao hay còn gọi là vũ khí “thông minh”, vũ khí “tinh khôn” bao gồm nhiều chủng loại khác nhau như: vũ khí huỷ diệt lớn (hạt nhân, hoá học, sinh học...), vũ khí được chế tạo dựa trên những nguyên lí kĩ thuật mới (vũ khí chùm tia, vũ khí laze, vũ khí chùm hạt, pháo điện từ...).
* Thế kỷ XXI, vũ khí “thông minh” dựa trên cơ sở tri thức sẽ trở nên phổ biến. Điển hình là đạn pháo, đạn cối điều khiển bằng laze, rađa hoặc bằng hồng ngoại. Bom, mìn, “thông minh” kết hợp với các thiết bị trinh thám để tiêu diệt mục tiêu. Tên lửa “thông minh” có thể tự phân tích, phán đoán và ra quyết định tiến công tiêu diệt. Súng “thông minh” do máy tính điều khiển có thể tự động nhận biết chủ nhân, có nhiều khả năng tác chiến khác nhau, vừa có thể bắn đạn thông thường hoặc phóng lựu đạn. Xe tăng “thông minh” có thể vượt qua các chướng ngại vật, nhận biết các đặc trưng khác nhau của mục tiêu, mức độ uy hiếp của mục tiêu và điều khiển vũ khí tiến công mục tiêu, nhờ đó có hoả lực và sức đột kích rất mạnh,...

Tóm lại, vũ khí công nghệ cao có những đặc điểm nổi bật sau: khả năng tự động hoá cao; tầm bắn (phóng) xa; độ chính xác cao; uy lực sát thương lớn.

* 1. **Thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh.**
  + Tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao là phương thức tiến hành chiến tranh kiểu mới đồng thời là biện pháp tác chiến của địch. Thực tế trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, chủ nghĩa đế quốc đã khai thác các thành tựu khoa học và công nghệ mới nhất để chế tạo các kiểu vũ khí hiện đại hòng giành thắng lợi trong cuộc chiến tranh như công nghệ hồng ngoại, công nghệ nhìn đêm, công nghệ gây nhiễu. Nhiều loại vũ khí “thông minh” ra đời và được sử dụng lần đầu tiên trong chiến tranh Việt Nam... Tuy nhiên, cuộc chiến tranh Việt Nam đã chứng kiến sự thất bại thảm hại của địch trong

việc sử dụng các loại vũ khí hiện đại nhất lúc đó trước trí thông minh, sự sáng tạo và lòng dũng cảm vô song của con người Việt Nam.

* + Chiến tranh tương lai (nếu xảy ra) đối với đất nước ta, địch sẽ sử dụng phương thức tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao là chủ yếu. Nhằm mục đích giành quyền làm chủ trên không, làm chủ chiến trường, phá hoại tiềm lực kinh tế, quốc phòng, đánh bại khả năng chống trả của đối phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng tiến công trên bộ, trên biển, đổ bộ đường không và các hoạt động bạo loạn lật đổ của lực lượng phản động nội địa trong nước, gây tâm lí hoang mang, lo sợ trong nhân dân. Qua đó gây sức ép về chính trị để đạt mục tiêu chính trị hoặc buộc chúng ta phải chấp nhận điều kiện chính trị do địch đặt ra.
  + Nếu chiến tranh xảy ra trên đất nước ta, có thể xuất phát từ nhiều hướng: trên bộ, trên không, từ biển vào, có thể diễn ra cùng một lúc ở chính diện và trong chiều sâu, trên phạm vi toàn quốc với một nhịp độ cao, cường độ lớn ngay từ đầu và trong suốt quá trình chiến tranh. Tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao của chủ nghĩa đế quốc vào Việt Nam (nếu xảy ra) có thể là một giai đoạn trước khi đưa quân đổ bộ đường biển hoặc đưa quân tiến công trên bộ, với quy mô và cường độ ác liệt từ nhiều hướng, vào nhiều mục tiêu cùng một lúc. Đánh phá ác liệt từng đợt lớn, dồn dập, kết hợp với đánh nhỏ lẻ liên tục ngày đêm, có thể kéo dài vài giờ hoặc nhiều giờ, có thể đánh phá trong một vài ngày hoặc nhiều ngày.
  + Nghiên cứu, khảo sát một số cuộc chiến tranh cục bộ gần đây, địch sử dụng vũ khí công nghệ cao ngày càng nhiều (vùng Vịnh lần thứ nhất vũ khí công nghệ cao 10%, chiến dịch Con Cáo sa mạc 50%, Nam Tư 90%).
  + Trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh, ngày 17/1/1991 Mĩ phóng 45 quả tên lửa hành trình Tomahawk có 7 quả bị hỏng, 1 quả bị lực lượng phòng không bắn rơi còn 37 quả trúng mục tiêu, tỉ lệ : 67%. Trong chiến dịch “Con Cáo sa mạc” từ ngày 16 đến ngày 19/12/1998 Mĩ sử dụng 650 lần / chiếc máy bay phóng 415 tên lửa hành trình trong đó có 325 tên lửa Tomahawk phóng từ tàu biển, 90 quả AGM - 86 phóng từ máy bay, dự kiến khả năng 100/147 mục tiêu của Irắc bị phá huỷ. Tuy nhiên tên lửa hành trình của Mĩ và liên quân chỉ đánh trúng khoảng 20%, vì Irắc đã có kinh nghiệm phòng tránh.
  + Chiến tranh Irắc lần hai (2003) chỉ sau 27 ngày đêm tiến công, Mĩ, Anh đã thực hiện 34.000 phi vụ, phóng hơn 1000 tên lửa hành trình các loại, trong đó có hơn 800 Tomahawk, hơn 14.000 bom đạn có điều khiển chính xác. Từ những khảo sát thực tế trên, rút ra một số điểm mạnh và yếu như sau:
  + Điểm mạnh:

Độ chính xác cao, uy lực sát thương lớn, tầm hoạt động xa.

Có thể hoạt động trong những vùng nhiễu, thời tiết phức tạp, ngày, đêm, đạt hiệu quả cao hơn hàng chục đến hàng trăm lần so với vũ khí thông thường.

Một số loại vũ khí công nghệ cao được gọi là vũ khí “thông minh” có khả năng nhận biết địa hình và đặc điểm mục tiêu, tự động tìm diệt...

* + Điểm yếu:

Thời gian trinh sát, xử lí số liệu để lập trình phương án đánh phá phức tạp, nếu mục tiêu “thay đổi” dễ mất thời cơ đánh phá.

Dựa hoàn toàn vào các phương tiện kĩ thuật, dễ bị đối phương đánh lừa

Một số loại tên lửa hành trình có tầm bay thấp, tốc độ bay chậm, hướng bay theo quy luật... dễ bị bắn hạ bằng vũ khí thông thường.

* + Tác chiến công nghệ cao không thể kéo dài vì quá tốn kém. Dễ bị đối phương tập kích vào các vị trí triển khai của vũ khí công nghệ cao.
  + Dễ bị tác động bởi địa hình, thời tiết, khí hậu dẫn đến hiệu quả thực tế khác với lí thuyết. Do đó, nên hiểu đúng đắn về vũ khí công nghệ cao, không quá đề cao, tuyệt đối hoá vũ khí công nghệ cao dẫn đến tâm lí hoang mang khi đối mặt. Ngược lại, cũng không nên coi thường dẫn đến chủ quan mất cảnh giác.

1. **MỘT SỐ BIỆN PHÁP PHÒNG CHỐNG ĐỊCH TIẾN CÔNG HOẢ LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO**
2. **Biện pháp thụ động**

- Phòng chống trinh sát của địch

Hệ thống trinh sát phát hiện và giám sát mục tiêu là một trong những hệ thống bảo đảm quan trọng nhất của vũ khí công nghệ cao. Muốn làm tốt công tác phòng chống trinh sát của địch, trước tiên cần xác định rõ ý thức chống trinh sát, sau đó mới áp dụng các biện pháp, phương pháp đối phó cho phù hợp, cụ thể :

+ Làm hạn chế đặc trưng của mục tiêu

Hệ thống trinh sát hiện đại khi thực hành trinh sát đều thông qua việc tìm kiếm các đặc trưng vật lí do mục tiêu bộc lộ để phát hiện. Vì vậy, sử dụng các thủ đoạn chiến thuật, kĩ thuật giảm thiểu đặc trưng vật lí của mục tiêu, xoá bỏ sự khác biệt giữa mục tiêu với môi trường xung quanh là sự vận dụng và phát triển của kĩ thuật ngụy trang truyền thống. Sử dụng các biện pháp kĩ thuật giảm bớt các đặc trưng ánh sáng, âm thanh, điện từ, bức xạ hồng ngoại... của mục tiêu là có thể giấu kín được mục tiêu.

+ Che giấu mục tiêu

Lợi dụng môi trường tự nhiên như địa hình, địa vật, rừng cây, bụi cỏ... để che giấu mục tiêu, có thể làm suy giảm thậm chí ngăn chặn được trinh sát của địch. Trinh sát bằng quang học, hồng ngoại và la de là ba kĩ thuật trinh sát chủ yếu của vệ tinh và máy bay trinh sát, các mục tiêu được che đậy, ở hang động, gầm cầu là những nơi che giấu có hiệu quả, đồng thời lợi dụng đêm tối, sương mù, màn mưa để che giấu âm thanh, ánh sáng, điện từ, nhiệt ; kiểm soát chặt chẽ việc mở máy hoặc phát xạ sóng điện từ của ra đa và thiết bị thông tin liên lạc.

+ Ngụy trang mục tiêu

Ngày nay, khi mà kĩ thuật trinh sát không ngừng phát triển thì việc sử dụng một cách khoa học các khí tài ngụy trang như màn khói, lưới ngụy trang, nghi binh, nghi trang,... là một biện pháp chống trinh sát hữu hiệu và kinh tế. Ngụy trang hiện đại là trên cơ sở ngụy trang truyền thống sử dụng kĩ thuật thay đổi hình dạng,... Thông qua việc làm thay đổi tần phổ quang học hoặc phản xạ điện từ và đặc tính bức xạ nhiệt của mục

tiêu khiến chúng gần như hoà nhập vào môi trường xung quanh. Thông qua việc làm thay đổi hình thể của mục tiêu khiến mục tiêu không bị địch chú ý hoặc thông qua việc thả màn khói đặc biệt là sợi bạc,... đều có thể ngăn chặn có hiệu quả trinh sát ra đa và trinh sát hồng ngoại của đối phương.

+ Tổ chức tốt việc nghi binh đánh lừa địch

Nghi binh là hành động tạo hiện tượng giả để đánh lừa đối phương. Nếu tổ chức tạo ra các hành động tác chiến giả một cách có kế hoạch, có mục đích để phân tán, làm suy yếu khả năng trinh sát của địch, có thể làm cho địch nhận định sai, dẫn đến sai lầm từ đó ta có thể kiềm chế, điều động được địch.

Theo phạm vi không gian, có thể chia nghi binh thành các loại sau: Nghi binh chính diện, nghi binh bên sườn, nghi binh tung thâm, nghi binh trên bộ, nghi binh trên không, nghi binh trên biển, nghi binh lập thể,... Theo mục đích, có thể chia thành nghi binh để thể hiện sức mạnh, nghi binh để tỏ ra yếu kém, nghi binh để hiện thế, nghi binh tiến công, nghi binh rút lui.

Kĩ thuật quân sự hiện đại đã tạo ra nhiều thủ đoạn nghi binh mới, ngoài nghi binh về binh lực, còn có nghi binh về hoả lực, nghi binh điện tử, và các nghi binh kĩ thuật khác. Ví dụ, nghi binh vô tuyến điện bằng các phương pháp xây dựng mạng lưới vô tuyến điện giả, tổ chức các đối tượng liên lạc giả, thực hiện các cuộc thông tin liên lạc vô tuyến điện giả, phát các cuộc điện báo (điện thoại) với nội dung giả... Ngoài ra, tổ chức tốt việc bày giả, nhằm đúng vào đặc điểm và nhược điểm của hệ thống trinh sát địch, kết hợp với điều kiện tự nhiên như địa hình, địa vật, đặt các loại mục tiêu giả để làm thay đổi cục bộ nền môi trường, chiến trường, từ đó đánh lừa mê hoặc đối phương. Ví dụ, cần phải có mục tiêu giả, mục tiêu thật; khi cần di chuyển các mục tiêu cần phải tiến hành di chuyển cùng lúc cả cái thực và cái giả, và quy mô đối với cái thực và cái giả cũng phải ngang nhau.

* Dụ địch đánh vào những mục tiêu có giá trị thấp làm chúng tiêu hao lớn

Lợi dụng đặc điểm của vũ khí công nghệ cao là giá thành cao, lượng sử dụng có hạn, chúng ta có thể sử dụng mục tiêu giá trị thấp để làm phân tán lực lượng địch và gây tiêu hao lớn cho chúng. Ví dụ, giá 1 chiếc máy bay tàng hình F-117A lên tới vài chục triệu USD, giá 1 quả tên lửa hành trình cũng tới hàng triệu USD,... Nếu ta sử dụng vũ khí trang bị cũ hoặc mục tiêu giả để dụ địch tiến công sẽ gây tiêu hao lớn cho chúng, làm giảm bớt lượng vũ khí công nghệ cao của địch, đồng thời làm giảm sút lòng tin khiến chúng không dám mạo hiểm tiếp tục sử dụng vũ khí công nghệ cao trên quy mô lớn. Trong cuộc chiến tranh cô-xô-vô, địa hình, địa vật, phức tạp của Nam Tư kết hợp với thời tiết mùa xuân ẩm ướt, âm u, rừng cây rậm rạp đã khiến cho hệ thống vũ khí công nghệ cao của NATO bộc lộ một số nhược điểm như khả năng nhận biết mục tiêu, khả năng định vị, dẫn đến đánh nhầm, đánh không chính xác, đánh vào mục tiêu giả ngày càng tăng, khiến chúng bị tiêu hao ngày càng lớn.

* Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán, có khả năng tác chiến độc lập

Tổ chức, bố trí lực lượng phân tán là thu nhỏ quy mô các lực lượng lớn, bố trí theo nhu cầu, mỗi đơn vị có thể thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ phòng thủ, tiến công, cơ động chi viện,... Bố trí phân tán lực lượng không theo quy tắc, xây dựng khu vực tác chiến du kích xen kẽ nhỏ lẻ, đa năng, nhưng sẵn sàng tập trung khi cần thiết. Bố trí như vậy sẽ giảm thiểu tổn thất khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Khả năng chiến đấu độc lập và tập trung cao sẽ giảm bớt sự chi viện của lực lượng dự bị, như vậy sẽ tránh được tổn thất cho lực lượng dự bị. Bố trí phân tán sẽ tăng thêm khó khăn cho đối phương trong việc trinh sát phát hiện mục tiêu, phán đoán tình hình và xác định phạm vi đánh, làm giảm hiệu quả tác chiến của địch.

* Kết hợp xây dựng cơ sở hạ tầng, đô thị với xây dựng hầm ngầm để tăng khả năng phòng thủ.

Trong quá trình xây dựng đất nước những năm gần đây, hầu hết các địa phương trong cả nước đã có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, đời sống xã hội có nhiều thay đổi, các thành phố ngày càng mở rộng, cơ sở hạ tầng phát triển, các khu trung tâm kinh tế - công nghiệp phát triển, nhiều đô thị mới ra đời với tốc độ nhanh, mật độ dân cư ngày càng cao. Cùng với sự phát triển chung đó chúng ta cần quan tâm đúng mức đến phát triển cơ sở hạ tầng như điện, đường, kho, trạm,... Đồng thời, chúng ta cũng không nên xây dựng các thành phố quá đông dân cư, các khu công nghiệp tập trung mà xây dựng nhiều thành phố vệ tinh và tập trung phát triển mạng giao thông. Xây dựng đường cao tốc phải kết hợp tạo ra những đoạn đường máy bay có thể cất hạ cánh. Xây dựng cầu phải kết hợp cả việc sử dụng các bến phà, bến vượt, trong tương lai chúng ta sẽ xây dựng đường xe điện ngầm ở các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh,... Xây dựng các nhà cao tầng phải tính đến số lượng tầng cao để giảm bớt tổn thất trong chiến tranh; các công trình lớn của quốc gia như nhà Quốc hội, nhà Trung tâm Hội nghị quốc gia, văn phòng của các Bộ, ngành,... phải có tầng hầm, thời bình làm kho, nhà xe, thời chiến làm hầm ẩn nấp. Xây dựng các nhà máy thuỷ điện phải tính đến phòng chống máy bay phá đập gây lũ lụt.

1. **Biện pháp chủ động.**

* Gây nhiễu các trang bị trinh sát của địch, làm giảm hiệu quả trinh sát

Gây nhiễu là một biện pháp cơ bản trong đối kháng trinh sát, nhằm làm giảm hoặc suy yếu hiệu quả các thiết bị trinh sát của địch, khiến chúng không thể phát huy tác dụng. Một số biện pháp gây nhiễu có thể vận dụng:

+ Tích cực phá hoại hệ thống trinh sát của địch. Có thể sử dụng đòn tiến công của tên lửa đất đối không, đòn phản kích của binh lực mặt đất hoặc tiến hành gây nhiễu điện tử, hạn chế và phá hoại trinh sát kĩ thuật của địch. Tổ chức bắn rơi máy bay trinh sát điện tử của địch sẽ hạn chế rất nhiều việc sử dụng vũ khí điều khiển chính xác của chúng.

+ Sử dụng tổng hợp nhiều thủ đoạn thực hiện gây nhiễu chế áp lại địch, nhưng phải chuẩn bị chu đáo, nhất là thời cơ và đối tượng gây nhiễu, bởi vì, khi gây nhiễu cũng chính là lúc ta lại bị bộc lộ, địch sẽ trinh sát định vị lại ta, ta cần bố trí các đài gây nhiễu

* nơi hiểm yếu và di chuyển liên tục. Lập các mạng, các trung tâm thông tin giả hoạt động đồng thời với thông tin thật để thu hút hoạt động trinh sát và chế áp điện tử của địch, che đậy tín hiệu công tác thực của ta.

+ Hạn chế năng lượng bức xạ từ về hướng ăng ten thu trinh sát của địch bằng cách sử dụng công suất phát hợp lí, chọn vị trí đặt ăng ten sao cho có địa hình che chắn về phía địch trinh sát, phân bố mật độ liên lạc hợp lí, không tạo ra dấu hiệu bất thường, thay đổi thường xuyên quy ước liên lạc, mã hoá các nội dung điện, chọn tần số gần tần số làm việc của địch; tăng công suất máy phát, sử dụng ăng ten có hệ số khuyếch đại cao, rút ngắn cự li thông tin...

+ Dùng hoả lực hoặc xung lực đánh vào những chỗ hiểm yếu, nhằm phá huỷ các đài phát, tiêu diệt nguồn gây nhiễu của địch.

* + Nắm chắc thời cơ, chủ động đánh địch từ xa, phá thế tiến công của địch

Cần phải trinh sát nắm địch chặt chẽ, chính xác và có quyết tâm sử dụng lực lượng hợp lí, nhất là phát huy khả năng của lực lượng vũ trang địa phương, lực lượng đặc công, pháo binh chuyên trách tiến công địch. Sử dụng tổng hợp, các loại vũ khí có trong biên chế của lực lượng phòng không ba thứ quân. Kết hợp sử dụng vũ khí thô sơ, vũ khí tương đối hiện đại để đánh địch, rèn luyện ý chí chiến đấu quyết đánh và biết thắng vũ khí công nghệ cao của địch. Huấn luyện nâng cao trình độ cho các lực lượng phòng không ba thứ quân. Làm cho mỗi người lính, mỗi người dân biết sử dụng thành thạo các vũ khí có trong tay để bắn máy bay và tên lửa của địch trong tầm bắn hiệu quả khi nó bay qua khu vực đóng quân của đơn vị mình, địa phương mình.

Thực hiện tốt các giải pháp nêu trên, dù kẻ địch tiến công bằng hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao từ hướng nào, khu vực nào, sử dụng vũ khí công nghệ cao đến mức nào chúng ta cũng đánh trả có hiệu quả làm vô hiệu hoá vũ khí công nghệ cao của địch, đập tan ý chí xâm lược của kẻ thù.

* + Lợi dụng đặc điểm đồng bộ của hệ thống vũ khí công nghệ cao, đánh vào mắt xích then chốt

Tập trung lực lượng đánh vào những hệ thống có tác dụng bảo đảm và điều hành, gây ra sự hỗn loạn và làm mất khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao hoặc sự phối hợp nhịp nhàng giữa hệ thống vũ khí công nghệ cao với các hệ thống vũ khí thông thường khác.

Mặt khác, vũ khí công nghệ cao có thể đồng thời sử dụng cả trên bộ, trên biển và trên không, do vậy phải tổ chức đánh địch từ xa. Sử dụng các thủ đoạn tập kích, đặc biệt có thể vận dụng đặc công, pháo binh chuyên trách, dân quân tự vệ tập kích, phá hoại vùng địch hậu, tập kích tung thâm... phá huỷ các hệ thống phóng, hệ thống bảo đảm hoặc các căn cứ trọng yếu của chúng, khiến chúng bị tê liệt khi tác chiến. Có thể lợi dụng thời tiết khắc nghiệt như mưa, mù, bão gió... để tập kích vào các hệ thống vũ khí công nghệ cao.

* + Cơ động phòng tránh nhanh, đánh trả kịp thời chính xác

Khi cơ động phòng tránh phải thực hiện tốt các yêu cầu bí mật, cơ động nhanh, đến đúng địa điểm, thời gian sẵn sàng chiến đấu cao.

Để thực hiện được mục đích đó, công tác tổ chức chuẩn bị phải chu đáo, có kế hoạch cơ động, di chuyển chặt chẽ. Khi cơ động phải tận dụng địa hình, rừng cây, khe suối..., hạn chế khả năng trinh sát, phát hiện bằng các phương tiện trinh sát hiện đại của địch. Xác định nhiều đường cơ động, có đường chính, đường dự bị, đường nghi binh và tổ chức ngụy trang.

Phòng tránh, đánh trả địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao là vận dụng tổng hợp các giải pháp, biện pháp, các hoạt động một cách có tổ chức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân trong chuẩn bị và thực hành phòng tránh, đánh trả bảo đảm an toàn cho nhân dân và các thành phần lực lượng, giữ vững sản xuất, đời sống, sinh hoạt, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Phòng tránh, đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch là hai mặt của một vấn đề, có quan hệ, tác động lẫn nhau một cách biện chứng, đan xen nhau. Phòng tránh tốt là điều kiện để đánh trả có hiệu quả. Đánh trả có hiệu quả tạo điều kiện để phòng tránh an toàn và chúng ta cần hiểu rằng trong phòng tránh có đánh trả, trong đánh trả có phòng tránh. Như vậy, phòng tránh tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch là một biện pháp có ý nghĩa chiến lược để bảo toàn lực lượng, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản, là một yếu tố quan trọng để giành thắng lợi. Thực tiễn trong những năm chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mĩ trước đây, công tác phòng không nhân dân đã có vị trí vai trò to lớn trong việc bảo vệ nhân dân, bảo vệ các mục tiêu quan trọng của miền Bắc.

Những kinh nghiệm tổ chức phòng tránh trong chống chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của địch trước đây và các cuộc chiến tranh gần đây của Mĩ và đồng minh vào Irắc, Nam Tư...là những kinh nghiệm rất bổ ích, chúng ta có cơ sở để tin tưởng rằng chúng ta sẽ tổ chức tốt công tác phòng tránh tiến công bằng vũ khí cao của địch trong tình hình mới.

Trong phòng tránh phải triệt để tận dụng ưu thế địa hình tự nhiên để cải tạo và xây dựng công trình phòng tránh theo một ý định chiến lược chung trên phạm vi toàn quốc, trên từng hướng chiến dịch, chiến lược, trên từng địa bàn cụ thể, từng khu vực phòng thủ địa phương. Bố trí lực lượng phương tiện phân tán, nhưng hoả lực phải tập trung, công trình phải luôn kết hợp chặt chẽ giữa ngụy trang che giấu với hoạt động nghi binh, xây dựng phải dựa vào khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) và tăng cường cơ động trong chiến đấu.

Đối với đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch, nhằm tiêu diệt, phá thế tiến công của địch, bảo vệ chủ quyền, bảo vệ các mục tiêu quan trọng của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ sản xuất,... Đánh trả có hiệu quả là vấn đề cốt lõi nhất của phòng tránh, đánh trả, là biện pháp tích cực nhất, chủ động nhất để bảo vệ chủ quyền đất nước, bảo vệ mục tiêu, bảo toàn lực lượng chiến đấu.

Với điều kiện và khả năng của ta, việc tổ chức đánh trả phải có trọng điểm, đúng đối tượng, đúng thời cơ. Đánh trả địch bằng mọi lực lượng, mọi loại vũ khí, trang bị, thực hiện đánh rộng khắp, từ xa đến gần, ở các độ cao, các hướng khác nhau. Ta đánh địch bằng sức mạnh tổng hợp, ta đánh địch bằng thế, thời, lực, mưu,...

Về phương pháp chúng ta phải kết hợp chặt chẽ giữa đánh địch với cơ động, ngụy trang, nghi binh, phòng tránh bảo tồn lực lượng. Về lực lượng, chúng ta có lực lượng phòng không ba thứ quân và không quân, lực lượng pháo binh, tên lửa, lực lượng đặc công,... và hoả lực súng bộ binh tham gia.

Với những thành phần như vậy, có thể đánh các mục tiêu trên không, các mục tiêu mặt đất, mặt nước nơi xuất phát các đòn tiến công hoả lực của địch, phù hợp với điều kiện Việt Nam. Trong đó, tổ chức xây dựng thế trận phòng tránh đánh trả tiến công bằng vũ khí công nghệ cao của địch đáp ứng yêu cầu hiểm, chắc, có chiều sâu, cơ động linh hoạt, rộng khắp, kết hợp với thế trận khu vực phòng thủ địa phương. Phải xác định các khu vực, mục tiêu bảo vệ trọng điểm, đối tượng đánh trả, khu vực đánh trả, hướng đánh trả chủ yếu cho các lực lượng tham gia đánh trả.

Trong thực hành đánh trả địch, phải vận dụng một cách linh hoạt các hình thức tác chiến, chiến thuật, phương pháp hoạt động chiến đấu khác nhau cho từng lực lượng, như lực lượng phòng không ba thứ quân có thể vừa chốt bảo vệ mục tiêu, vừa cơ động phục kích đón lõng, kết hợp vừa phòng tránh vừa đánh trả. Đối với lực lượng không quân, pháo binh, tên lửa, hải quân có thể vận dụng linh hoạt các phương pháp tác chiến của quân, binh chủng có hiệu quả nhất, phù hợp với điều kiện tình hình địch, ta như đánh chặn, đánh đòn tập kích, đánh hiệp đồng,...

Ngoài những vấn đề trên, chúng ta cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống phòng thủ dân sự, đây là nhiệm vụ chiến lược rất quan trọng của nền quốc phòng toàn dân, là hệ thống các biện pháp phòng thủ quốc gia. Từng địa phương và cả nước, được tiến hành trong thời bình và thời chiến, nhằm bảo vệ nhân dân, bảo vệ nền kinh tế, duy trì sản xuất và đời sống nhân dân trong đó bảo vệ nhân dân là nội dung quan trọng nhất. Nếu việc tổ chức phòng thủ dân sự không tốt, không có giải pháp để phòng chống vũ khí công nghệ cao, không những chỉ tổn thất về người mà còn dẫn đến hoang mang, dao động, giảm sút ý chí quyết tâm kháng chiến của mỗi người dân, từng địa phương và cả nước.

Ngày nay, nếu cuộc chiến tranh xảy ra sẽ là cuộc chiến tranh sử dụng vũ khí công nghệ cao, diễn ra trên không gian nhiều chiều, tiền tuyến và hậu phương không phân định rõ ràng như trước đây. Do vậy, ở các thành phố, thị xã, thị trấn nơi tập trung đông dân cư và các cơ sở kinh tế lớn chủ yếu là sơ tán, còn các trọng điểm khác có thể phân tán, sơ tán gần. Các cơ sở sản xuất lớn của Trung ương có thể phải sơ tán xa hơn, chủ yếu dựa vào các hang động ở rừng núi để sản xuất phục vụ chiến tranh.

Hệ thống công trình phòng thủ dân sự gồm hệ thống hầm hố ẩn nấp cho cá nhân, cho các hộ gia đình, các công trình bảo đảm sản xuất, bảo đảm sinh hoạt, bảo đảm lương thực, thực phẩm của tập thể, hộ gia đình triển khai ở các cơ quan, nhà ga, bến cảng, kho

nhiên liệu, xăng dầu được tiến hành ngay từ thời bình thông qua kế hoạch kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế ở từng địa phương và trong phạm vi cả nước.

**KẾT LUẬN**

Phương thức phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao là một vấn đề lớn của cả đất nước trong sự nghiệp xây dựng và BVTQ ngày nay.

Để phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao trong chiến tranh tương lai có hiệu quả, đòi hỏi phải có sự tham gia của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, của cả hệ thống chính trị trên tất cả các lĩnh vực từ nhận thức đến hành động. Luôn nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng phòng chống địch tiến công hoả lực có hiệu quả trong mọi tình huống.

Mọi công tác chuẩn bị của các cấp, các ngành và của người dân phải được chuẩn bị ngay từ thời bình, chống chủ quan, coi nhẹ, luôn luôn theo dõi chặt chẽ, đánh giá đúng, chính xác âm mưu thủ đoạn của kẻ thù, khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao và những phát triển mới về vũ khí trang bị, phương pháp tác chiến trong chiến tranh tương lai của địch. Công tác chuẩn bị phải chu đáo từ thế trận phòng tránh, đánh trả, đến công tác huấn luyện, diễn tập cách phòng chống tiến công hoả lực của địch bằng vũ khí công nghệ cao.

**BÀI 8: BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP**

**MỞ ĐẦU**

Huấn luyện ba môn quân sự phối hợp là một trong những hình thức để xác định chất lượng huấn luyện thể lực và tình hình hoạt động thể thao của mỗi nhà trường. Học sinh sinh viên phải thường xuyên luyện tập, đạt các chỉ tiêu đã qui định cho các lứa tuổi và từng đối tượng. Thi đấu 3 môn quân sự phối hợp có thể tiến hành thi cá nhân, đồng đội.

**Phần I. ĐIỀU LỆ CHUNG**

* 1. **ĐẶC ĐIỂM VÀ ĐIỀU KIỆN THI ĐẤU**
     1. **Đặc điểm:**
  + Thi đấu ba môn thể thao quân sự phối hợp (thể thao quốc phòng) được tiến hành theo các bài tập nằm trong chương trình giáo dục quốc phòng, mục đích của thi đấu ba môn thể thao quân sự phối hợp là giáo dục cho học sinh, sinh viên có ý chí quyết tâm giành thắng lợi, rèn luyện kỹ năng, kỹ sảo, khả năng thực hiện các bài tập đa dạng, sức chịu đựng cường độ thể lực và sự căng thẳng về tâm lý trong quá trình thi đấu thể thao.
  + Thi đấu ba môn quân sự phối hợp là một trong những hình thức để xác định chất lượng huấn luyện thể lực và tình hình hoạt động thể thao của nhà trường. Để thi đấu đạt kết quả tốt, học sinh, sinh viên phải luyện tập và hoàn thành những yêu cầu về chỉ tiêu rèn luyện quy định cho các lứa tuổi và đối tượng.
  + Thi đấu ba môn quân sự phối hợp có thể tiến hành thi cá nhân, đồng đội. Trong thi đấu cá nhân phải xác định kết quả thành tích, vị trí cho tất cả những người dự thi. Trong thi đấu đồng đội, lấy kết quả của các cá nhân tổng hợp thành kết quả đồng đội rồi dựa vào đó xếp hạng cho từng đội. Thi cá nhân, đồng đội là đồng thời xác định kết quả của cá nhân và của đồng đội rồi xếp hạng cho cá nhân và đồng đội.
    1. **Điều kiện thi đấu:**
  + Thi đấu ba môn quân sự phối hợp, đấu thủ tham gia cuộc thi phải bảo đảm đủ các điều kiện.
  + Hiểu, nắm vững quy tắc và đã được luyện tập thường xuyên.
  + Có chứng nhận đủ điều kiện sức khoẻ của bác sỹ.
  1. **TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGƯỜI DỰ THI**
     1. **Trách nhiệm của người dự thi.**
  + Người dự thi phải hiểu điều lệ, quy tắc cuộc thi và nghiêm túc thực hiện điều lệ quy tắc thi đấu.
  + Có mặt đúng thời gian tại cuộc thi cùng trang bị, trang phục đã quy định, thẻ hoặc giấy chứng nhận thi đấu và tuân thủ đúng quy chế thi đấu.
  + Thực hiện đúng hướng dẫn của trọng tài.
  + Tuân thủ nghiêm quy tắc quản lý, sử dụng súng và đạn.
    1. **Quyền hạn của người dự thi.**
  + Được bắn thử để kiểm tra súng, luyện tập và thực hiện các bài tập ở những địa điểm đã quy định của Hội đồng trọng tài.
  + Chỉ khi thật cần thiết mới được phép báo cáo trực tiếp với trọng tài những vấn đề có liên quan đến việc tiến hành cuộc thi, trong các trường hợp khác nếu có yêu cầu gì đối với trọng tài thì dùng lời nói hoặc làm văn bản báo cáo với đoàn trường (đội trưởng) chuyển lên Hội đồng trọng tài.
  1. **TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA ĐOÀN TRƯỞNG (ĐỘI TRƯỞNG)**

Mỗi đoàn (đội) dự thi nhất thiết phải có cán bộ có phẩm chất, tư cách vững vàng và hiểu biết sâu sắc về chuyên môn làm đoàn trưởng. Đoàn trưởng phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kỷ luật của các đấu thủ khi ở địa điểm thi đấu cũng như tại nơi ở và bảo đảm cho mỗi đấu thủ hoặc đội vào thi đấu kịp thời. Khi vắng đoàn trưởng thì đội trưởng thay thế. Khi đội trưởng vắng phải chỉ định một trong các đấu thủ thay mặt để chỉ huy đội.

Đoàn trưởng (đội trưởng) có nhiệm vụ nộp cho Hội đồng Trọng tài danh sách thi đấu thủ dự bị và những tài liệu cần thiết cho điều l, quy tắc cuộc thi quy định.

1. **Trách nhiệm của đoàn trưởng (đội trưởng)**

Đoàn trưởng (đội trưởng) phải:

* + Hiểu và thực hiện điều lệ, quy tắc và quy chế của cuộc thi.
  + Bảo đảm kịp thời đưa đoàn (đội) đến địa điểm thi đấu với với trang phục, súng đạn cần thiết đã quy định, chịu trách nhiệm trước nhà trường về việc bảo đảm an toàn mọi mặt của đoàn (đội) mình.
  + Thường xuyên có mặt ở địa điểm thi đấu và chỉ được tạm vắng khi tổng Tộng tài về những thay đổi của cuộc thi, như: thời gian, chương trình thi đấu …
  + Báo cáo với Hội đồng Trọng tài về những thay đổi trong đăng ký và những đấu thủ do tình trạng sức khoẻ không thể tiếp tục thi đấu được.
  + Tham dự cuộc họp của Hội đồng Trọng tài với quyền hạn tư vấn và tham dự bốc thăm.

1. **Quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)**
   * Chuyển đến Hội đồng Trọng tài những khiếu nại của đoàn (đội).
   * Đề nghị Hội đồng Trọng tài kiểm tra và giải thích kết quả thi đấu sau khi đã thông báo sơ bộ về thành tích.
   * Đoàn trưởng (đội trưởng) không được phép can thiệt vào công việc của trọng tài và cũng không được tự ý quyết định thay đổi đấu thủ hoặc rút đấu thủ khỏi cuộc thi nếu không được Hội đồng Trọng tài cho phép. Trong quá trình thi đấu cũng không được phép giúp đỡ vận động viên.
2. Thủ tục khiếu nại.
   * Tất cả những khiếu nại đều phải đưa đến Hội đồng Trọng tài, có thể đưa trước khi bắt đầu cuộc thi, trong quá trình cuộc thi và sau khi kết thúc cuộc thi, nhưng không chậm quá một giờ sau khi kết thúc môn thi đó.
   * Đoàn trưởng (đội trưởng) có thể đưa khiếu nại bằng văn băn có chỉ dẫn các mục, các điểm của quy tắc hoặc điều lệ cuộc thi mà người khiếu nại bị cho là vi phạm.
   * Tổng trọng tài phải xem xét các khiếu nại trong thời gian ngắn nhất. Nếu khiếu nại đó cần phải kiểm tra thì quyết định cần được thực hiện trong vòng 24h từ lúc nhận được đơn khiếu nại và kết luận trước khi xác định thành tích cuối cùng của cuộc thi.
   * Quyết định của Tổng trọng tài về khiếu nại và quyết định cuối cùng và không xét lại nữa.
3. Xác định thành tích và xếp hạng.
   * Thi vô địch cá nhân và đồng đội được xác định theo điều lệ cuộc thi.
   * Khi xếp hạng cá nhân, vận động viên nào có thành tích (tổng số điểm) cao hơn được xếp trên. Trường hợp thành tích bằng nhau của một số vận động viên thì vận động viên nào có kết quả cao hơn trong các môn thi sẽ được xếp trên.
   * Khi xếp hạng đồng đội, cộng tổng số điểm của các vận động viên trong từng đội và xếp hạng cao thấp cho các đội căn cứ vào tổng số điểm của từng đội. Trường hợp thành tích bằng nhau của một số đội thì đội nào có vận động viên xếp thứ hạng cao (nhất, nhì, ba, .v.v…) sẽ được xếp vị trí cao hơn.

**Phần II. QUY TẮC THI ĐẤU**

1. **QUY TẮC CHUNG**

**Điều 1**: Mỗi vận động viên phải thi đấu ba nội dung trong hai ngày theo trình tự sau đây:

Ngày thứ nhất: Sáng thi bắn súng quân dụng, chiều ném lựu đạn. Sáng ngày thứ hai: Chạy vũ trang 3000m (nam); 1500m (nữ).

**Điều 2**: Trang phục và trang bị thi đấu.

* + Mặc quần áo lao động hoặc thể thao, đi giày hoặc chân đất.
  + Súng quân dụng (tiểu liên AK, SKS).
  + Đeo số thi đấu ở ngực và đeo kết quả bốc thăm ở lưng, không được thay đổi số áo trong suốt cuộc thi.

1. **QUY TẮC THI ĐẤU CÁC MÔN**
   1. **Bắn súng quân dụng:**

**Điều 3**: Điều kiện bắn.

* + Dùng súng trường SKS (hoặc tiểu liên AK) lực cò không nhẹ dưới 2kg.
  + Mục tiêu cố định, bia số 4 có vòng.
  + Cự li bắn: 100m.
  + Tư thế bắn: nằm bắn có bệ tì.
  + Số đạn bắn: 3 viên (súng trường tự động, tiêu liên bắn phát một)

**Điều 4**: Thứ tự bắn.

Theo trình tự bốc thăm, vạn động viên phải có mặt ở vị trí điểm danh trước giờ thi đấu của mình 30 phút để làm công tác chuẩn bị, điểm danh, kiểm tra súng, đạn và trang bị.

**Điều 5**: Quy tắc bắn.

* + Khi vào tuyến bắn, sau khi khám súng và có lệnh “Nằm chuẩn bị bắn” của trọng tài trưởng, vận động viên mới được làm công tác chuẩn bị. Khi chuẩn bị xong vận động viên phải báo cáo “số…. chuẩn bị xong” và chỉ được bắn sau khi có lệnh của trọng tài.
  + Vận động viên được phép dùng vải bạt, chiếu, nilon để nằm bắn.
  + Khi có lệnh bắn, mọi trường hợp cướp cò, nổ súng coi như đã bắn. Đạn lia thia không tính thành tích.
  + Đạn chạm vạch được tính điểm vòng trong, đạn không nổ được bù thêm.
  + Trong khi thi đấu, súng bị hỏng hóc, phải báo cáo với trọng tài nếu được phép mới được ra ngoài sửa hoặc đổi súng.

**Điều 6**: Vi phạm quy tắc bắn.

* + Nổ súng trước khi có lệnh bắn của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn bắn

súng.

* + Nổ súng sau khi có lệnh thôi bắn (dừng bắn của trọng tài sẽ bị cảnh cáo, viên

đạn đó không được tính thành tích và bị trừ thêm 2 điểm trên bia.

* + Trong thi đấu nếu bắn nhầm bia mà trọng tài

xác định được thì viên đạn đó vẫn được tính điểm cho người bắn nhầm nhưng bị trừ 2 điểm trên bia.

* + Nếu trên bia có hai điểm chạm, không phân biệt rõ điểm chạm của từng người bắn thì cả hai đều có quyền nhận viên đạn có điểm chạm cao nhất hoặc cả hai đều bắn lại. Thánh tích bắn lại được xử trí như sau:

+ Dù đạt được bao nhiêu nhưng so với nhau, nếu ai có điểm bắn cao hơn sẽ lấy điểm cao của bia đang xét. Ngoài ra phải trừ đi hai điểm trên bia đối với người bắn nhầm.

+ Mọi hành động gian lận như đổi súng (dùng súng chưa được kiểm tra), đổi người dự thi không có ttrong danh sách báo cáo, hoặc vi phạm các điểm a; d của điều 5, hoặc vi phạm nguyên tắc an toàn thì dù là vô tình hay cố ý, tuỳ theo lỗi nặng, nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn bắn súng.

Nếu bắn súng thể thao: cự li 50m, bia số 7B, nằm bắn có bệ tỳ, bắn 3 viên tính điểm (như bắn súng quân dụng).

* 1. **Ném lựu đạn xa, trúng hướng Điều 7**: Điều kiện ném.
  + Lựu đạn gang, hình trụ, cán gỗ dài 12cm, trọng lượng 600 gam (nam) và 500- 520 gam (nữ).
  + Bãi ném: Ném trong đường hành lang rộng 10m, đường chạy rộng 4m, dài từ 15-20m.
  + Tư thế ném: Cầm súng (không dương lê), có thể ném hoặc chạy lấy đà.
  + Số quả ném: Ném tử 1 quả, ném tính điểm 3 quả.
  + Thời gian ném: 5 phút (kể cả ném thử).

**Điều 8**: Thứ tự ném

Theo kết quả bốc thăm, phân chia bãi mén và đợt ném, vận động viên khởi động ở ngoài, đến lượt ném mới vào vị trí chuẩn bị.

**Điều 9:** Quy tắc ném.

* + Vận động viên chỉ được ném sau khi có lệnh của trọng tài, có thể ném thử hoặc không. Muốn ném thử hoặc ném tính điểm, vận động viên phải báo cáo “Số … xin ném thử” hoặc “Số… chú ý”, “1 quả ném thử” hoặc “3 quản ném tính điểm” bắt đầu, vận động viên mới được ném. Mỗi quả ném đều có hiệu lệnh bằng cờ của trọng tài.
  + Khi ném, một tay cầm súng (không dương lê) có thể đứng ném hoặc chạy lấy đà. Khi đang chạy đà, nếu cảm thấy chưa tốt, vận động viên có quyền chạy lại với điều kiện không được để một bộ phận nào của thân thể chạm hoặc vượt ra ngoài vạch giới hạn, kể cả lựu đạn tuột tay rơi ra ngoài vạch giới hạn.
  + Lựu đạn phải rơi trong phạm vi hành lang rộng 10m, rơi trúng vạch vẫn được tính thành tích.
  + Ném xong cả 3 quả tính điểm rồi mới đo thành tích của cả 3 lần ném và lấy thành tích của lần ném xa nhất. Mỗi lần lựu đạn rơi trong hành lang, trọng tài đều cắm cờ đánh dấu điểm rơi, thành tích lấy chẵn tới cm.
  + Thời gian ném: 5 phút, kể cả từ khi trọng tài cho lệnh ném thử.

**Điều 10**: Vi phạm quy tắc ném.

* + Khi được lệnh ném của trọng tài, nếu do sơ ý lựu đạn rơi bên ngoài vạch giới hạn thì coi như đã ném quả đó.
  + Lưu đạn rơi ngoài phạm vi hành lang không được tính thành tích.
  + Tự động ném trước khi có lệnh của trọng tài sẽ bị tước quyền thi đấu môn ném lựu đạn.
  + Mọi hành động trong gian lận, như đổi người, đổi trang bị hoặc vi phạm các điểm a,b,c,d của Điều 9 thì tuỳ theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu.
  1. **Chạy vũ trang.**

**Điều 11**: Điều kiện chạy

* + Đường chạy tự nhiên.

- Cự ly chạy: 3000m (nam); 1500m (nữ).

**Điều 12**: Thứ tự chạy.

* + Vận động viên phải có mặt ở vị trí tập kết trước giờ thi đấu của mình 20 phút để điểm danh, kiểm tra trang bị và khởi động.
  + Trọng tài điểm danh và sắp xếp vị trí cho các vận động viên theo thứ tự bốc thăm.

**Điều 13:** Quy tắc chạy

* + Xuất phát: Mỗi đợt xuất phát không quá 20 người. Khi có lệnh “vào chỗ” của trọng tài, các vận động viên về vị trí của mình và chuẩn bị chờ lệnh.Tay và chân không được chạm vào vạch xuất phát.
  + Khi có lệnh chạy (bằng súng phát lệnh hoặc phất cờ…) vận động viên mới bắt đầu chạy.
  + Khi chạy trên đường, vận động viên không được gây trở ngại cho các đấu thủ khác. Khi muốn vượt phải vượt về phía bên phải. Nếu đối thủ chạy trước không chạy vào sát mép trong đường chạy vận động viên chạy sau được phép vượt lên bên trái đối thủ đó. Dù vượt bên nào cũng không được gây trở ngại, như xô đẩy, chen lấn đối thủ chạy trước. Vận động viên chạy trướccũng không được cản trở, chèn ép đối thủ chạy sạu khi đối thủ này muốn vượt lên trước.
  + Khi về đích, vận động viên dùng một bộ phận thân người chạm vào mặt phẳng cắt ngang vạch đích hoặc dây đích (trừ đầu, cổ, tay và chân) và khi toàn bộ cơ thể đã vượ qua mặt phẳng đó mới coi là chạy hết cự ly.

**Điều 14**: Vi phạm quy tắc chạy.

* + Vi phạm các điểm sau đây sẽ bị xoá bỏ thành tích.
  + Chạy không hết đường quy định.
  + Nhờ người mang vũ khí, trang bị hoặc dìu đỡ trước khi về đích.
  + Về đích thiếu súng.
  + Chen lấn thô bạo, cố tình cản trở làm ảnh hưởng tới thành tích hoặc gây thương tích cho đối thủ.
  + Về đích thiếu trang bị sẽ bị phạt bằng cách cộng thêm vào thành tích chạy thời giam như sau:
  + Thiếu số áo, cộng 10 giây.
  + Thiếu thắt lưng, cộng 10 giây.
  + Vi phạm điểm a của Điều 12, điểm a, b, c, d của Điều 13 hoặc có hành động gian lẫn thì tuỳ theo lỗi nặng nhẹ mà trọng tài nhắc nhở, cảnh cáo hoặc tước quyền thi đấu môn chạy vũ trang.

1. **CÁCH TÍNH THÀNH TÍCH**
   * Cách tính điểm và xếp hạng.
   * Tính điểm và xếp hạng cá nhân.

**Điều 15:** Tính điểm bắn súng quân dụng.

Căn cứ vào kết quả điểm chạm, cộng điểm của 3 viên bắn tính điểm. Đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động

viên có số điểm cao hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, sẽ so sánh ai có vòng 10, 9, 8… nhiều hơn xếp trên. Nếu vẫn bằng nhau thì xếp bằng nhau.

**Điều 16:** Tính điểm ném lựu đạn.

Căn cứ vào thành tích ném xa nhất, đối chiếu với bảng điểm để quy ra điểm (xem bảng tính điểm) vận động viên nào có số điểm cao hơn, xếp trên. Nếu bằng nhau, xét trực tiếp các quả ném đó, nếu vẫn bằng nhau thì xét kết quả thứ hai, thứ 3.

**Điều 17**: Tính điểm chạy vũ trang.

Căn cứ vào thời gian chạt (Sau khi đã xử lý các trường hợp phạm quy) để quy ra điểm (xem bảng tính điểm), vận động viên nào có số điểm cao hơn thì xếp trên. Nếu bằng nhau, sẽ xét vận động viên nào có thời gian chạy ít hơn xếp trên, nếu bằng nhau, xếp bằng nhau.

**Điều 18**: Tính điểm cá nhân toàn năng.

* + Căn cứ điểm của ba môn, vận động viên nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu điểm bằng nhau, sẽ lần lượt so sánh thứ tự (các môn chạy vũ trang, bắn súng, ném lựu đạn) vận động viên nào có thứ hạng cao xếp trên. Nếu bằng nhau, xếp bằng nhau.
  + Tính điểm và xếp hạng đồng đội.

**Điều 19**: Tính điểm đồng đội từng môn.

Cộng điểm từng môn của các vận động viên trong đội. Đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có số vận động viên xếp thứ hạng toàn năng cao hơn xếp trên.

**Điều 20**: Tính điểm đồng đội toàn năng.

* + Cộng điểm toàn năng của các vận động viên trong đội, đội nào có tổng số điểm nhiều hơn xếp trên. Nếu bằng nhau, xét đội nào có số vận động viên xếp theo thứ hạng toàn năng cao hơn xếp trên.
  + Tính điểm và xếp hạng toàn đoàn.

**Điều 21**: Xếp hạng toàn đoàn.

* + Cộng điểm của đồng đội nam và đồng đội nữ, đoàn nào có tổng số điểm nhiều hơn thì xếp trên. Nếu bằng nhau, đoàn nào có đội nữ xếp hạng cao hơn xếp trên.
  + Bảng tính điểm từng môn, một số mẫu biểu và văn bản.
  + Tính điểm từng môn:

+ Bắn súng quân dụng (áp dụng cho cả nam và nữ)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Điểm**  **trên bia** | **Điểm**  **xếp hạng** | **Điểm**  **trên bia** | **Điểm**  **xếp hạng** | **Điểm**  **trên bia** | **Điểm**  **xếp hạng** | **Điểm**  **trên bia** | **Điểm**  **xếp hạng** | **Điểm**  **trên bia** | **Điểm**  **xếp hạng** |
| 30 | 1000 | 24 | 500 | 18 | 220 | 12 | 110 | 6 | 50 |
| 29 | 900 | 23 | 450 | 17 | 190 | 11 | 100 | 5 | 40 |
| 28 | 800 | 22 | 400 | 16 | 170 | 10 | 90 | 4 | 30 |
| 27 | 710 | 21 | 350 | 15 | 150 | 9 | 80 | 3 | 20 |
| 26 | 630 | 20 | 300 | 14 | 130 | 8 | 70 | 2 | 10 |
| 25 | 560 | 19 | 250 | 13 | 120 | 7 | 60 | 1 | 0 |

+ Ném lựu đạn:

Nam: 60 m được tính 1000 điểm, xa hơn 60m, cứ 4cm được 1 điểm Kém hơn 60 m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

Nữ: 40m được 1000 điểm, xa hơn 40m, cứ 4cm được 1 điểm. Kém hơn 40m, cứ 5m trừ đi 1 điểm.

(theo nguyên tắc tính điểm tròn: Từ 3 cm trở lênđược tính tròng 1 điểm, dưới 3cm thì không điểm).

+ Chạy vũ trang: (Nam 3000m; nữ 1500 m).

Nam: 10 phút được tính 1000 điểm.Nhanh hơn 10 phút thì 1 giây được 5 điểm.

Chậm hơn 10 phút thì 1 giây trừ đi 3 điểm.

Nữ: 5 phút 30 giây được tính 1000 điểm. Nhanh hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây

được 5 điểm.Chậm hơn 5 phút 30 giây thì 1 giây trừ đi 3 điểm.

**KẾT LUẬN**

Tổ chức giảng dạy nôi dung ba môn quân sự phối hợp là trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp nhằm tăng cường sức khoẻ, góp phần hoàn thiện các tố chất thể lực như: Nhanh, mạnh, bền, khéo,

làm cơ sở thuận lợi cho sinh viên tham gia vào lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

**CÂU HỎI NGHIÊN CỨU**

Câu 1. Em hãy nêu đặc điểm thi đấu ba môn quân sự phối hợp? Câu 2. Điều kiện thi đấu ba môn quân sự phối hợp là gì?

Câu 3. Nêu trách nhiệm và quyền hạn của người dự thi?

Câu 4. Nêu trách nhiệm và quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng)? Câu 5. Em hãy trình bày quy tắc chung trong thi đấu ba môn phối hợp? Câu 6. Trình bày quy tắc thi đấu các môn?

Câu 7. Trình bày cách tính thành tích thi đấu các môn?